



SUMMER SCHOOL 2022

Community-Based Tourism
in the Cu Đê River Valley

20th - 30th September 2022



Empowering urban regions for cooperative, synergistic and practical
implementation of sustainability and resilience strategies considering the urban-rural nexus

Summer School 2022 Community-Based Tourism in the Cu Đê River Valley
20th-30th September 2022

ORGANISED BY:

Frankfurt University of Applied Sciences (FRA-UAS)
Danang Architecture University (DAU)
AT-Verband



IN COOPERATION WITH:

City of Danang
Hoa Bac Community-Based Tourism Cooperative
Da Nang Institute for Socio-Economic Development (DISED)
University of Tübingen
University of Hohenheim
Ostfalia University of Applied Sciences
IZES GmbH

SPONSOR:

The Research Project "emplement!" is sponsored by the
German Federal Ministry of Education and Research (BMBF)



Federal Ministry
of Education
and Research

Copyright © Global Urbanisation Research Team
Frankfurt University of Applied Sciences
July, 2023

EDITORS:

Michael Peterek
Susana Restrepo Rico
Barbara Międzyńska
Sabena Thomas

Layout:

Sabena Thomas

Vietnamese Translation:

Nguyen Tran Lan Chi
Vo Thi Thuy Tien
Ho Thi Thanh Nhan

Cover Photo:

© Sabena Thomas, 2022

SUMMER SCHOOL 2022

Community-Based Tourism
in the Cu Đê River Valley

20th - 30th September 2022



Empowering urban regions for cooperative, synergistic and practical
implementation of sustainability and resilience strategies considering the urban-rural nexus

Khoá học Mùa hè 2022 Du lịch dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê
Ngày 20 – 30/9/2022

ĐƯỢC TỔ CHỨC BỞI:

Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Frankfurt (FRA-UAS)
Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (DAU)
Tổ chức AT-Verband



PHỐI HỢP CÙNG:

Thành phố Đà Nẵng
Hợp tác xã Du lịch cộng đồng Hoà Bắc
Đại học Tübingen
Đại học Hohenheim
Đại học Khoa học Ứng dụng Ostfalia
Viện nghiên cứu năng lượng tương lai IZES GmbH

TÀI TRỢ:

Dự án nghiên cứu “emplement!” được tài trợ bởi
Bộ Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang Đức (BMBF)



Bản quyền thuộc về Nhóm nghiên cứu Đô thị hoá Toàn cầu
Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Frankfurt
Tháng 7/2023

BAN BIÊN TẬP:

Michael Peterek
Susana Restrepo Rico
Barbara Miączyńska
Sabena Thomas

Thiết kế:

Sabena Thomas

Biên dịch:

Nguyễn Trần Lan Chi
Võ Thị Thủy Tiên
Hồ Thị Thanh Nhàn

Ảnh bìa:

Bản quyền thuộc về Sabena Thomas, 2022

KHÓA HỌC MÙA HÈ 2022

Du lịch dựa vào Cộng đồng
ở lưu vực sông Cu Đê

Ngày 20 – 30/9/2022



Empowering urban regions for cooperative, synergistic and practical
implementation of sustainability and resilience strategies considering the urban-rural nexus

CONTENTS



Foreword	10
Community-Based Sustainable Tourism Approach	12
Community-Based Tourism.....	14
Capacity Development for Community-Based Tourism in the Cu Đê River Valley.....	15
Community Capacity Development Process	18
Summer School 2022: Community Based Tourism in the Cu Đê River Valley	22
Summer School 2022	24
Study Area: The Cu Đê River Valley in the Hòa Bắc Commune.....	26
Strategies for the Sustainable Tourism Development Concept in the Cu Đê River Valley.....	27
Research Process for the Proposal of Community Capacity Building Process.....	32
Summer School Structure.....	34
Presentations by Development Experts for Summer School 2022	40
Presentations.....	42
Sustainable Forest Management.....	44
Strategies for Sustainable Agriculture.....	48
Solid Waste Management.....	54
Wastewater Treatment Systems.....	56



Implementing Sustainable Tourism in Hòa Bắc.....	59
Tourism Development of Da Nang City to 2030, Vision to 2045.....	64
Circular Economy and Community-Based Tourism.....	68
Current Community-Based Tourism Offers in Hòa Bắc	72
Assessment of Current Activities.....	74
Assessment of Cultural and Ecotourism Activities.....	76
Assessment of Sustainable Agriculture and Forestry.....	88
Assessment of Rural Infrastructure Development.....	94
Assessment of Regional Sustainable Tourism Network.....	100
Final Student Presentations	106
Cultural Tourism.....	108
Community-Based Ecotourism.....	120
Sustainable Agriculture and Forestry.....	132
Rural Infrastructure Development.....	142
Regional Sustainable Tourism Network.....	154
Conclusions	166
References	170

MỤC LỤC



Lời mở đầu	10
Tiếp cận Du lịch Bền vững dựa vào Cộng đồng	12
Du lịch dựa vào Cộng đồng.....	14
Nâng cao năng lực phục vụ cho Du lịch dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê.....	15
Quá trình Phát triển năng lực cộng đồng.....	18
Khoá học Mùa hè 2022: Du lịch dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê	22
Khoá học Mùa hè 2022.....	24
Phạm vi nghiên cứu: Lưu vực sông Cu Đê – Xã Hoà Bắc.....	26
Chiến lược xây dựng Concept Phát triển Du lịch Bền vững ở lưu vực sông Cu Đê.....	27
Nghiên cứu Đề xuất Nâng cao Năng lực Cộng đồng.....	32
Cấu trúc của Khoá học Mùa hè.....	34
Bài trình bày của các chuyên gia tại Khoá học Mùa hè 2022	40
Bài trình bày.....	42
Quản lý Lâm nghiệp Bền vững.....	44
Chiến lược phát triển Nông nghiệp Bền vững.....	48
Quản lý Chất thải rắn.....	54
Hệ thống xử lý nước thải.....	56



Du lịch Bền vững tại Hoà Bắc.....	59
Định hướng phát triển Du lịch Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.....	64
Kinh tế tuần hoàn và Du lịch dựa vào Cộng đồng.....	68
Thực trạng Du lịch Cộng đồng tại Hoà Bắc	72
Đánh giá các hoạt động hiện có.....	74
Đánh giá các hoạt động Văn hoá và Du lịch sinh thái.....	76
Đánh giá Nông Lâm nghiệp Bền vững.....	88
Đánh giá Sự phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn.....	94
Đánh giá Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng.....	100
Bài trình bày của các nhóm sinh viên	106
Du lịch Văn hoá.....	108
Du lịch sinh thái dựa vào Cộng đồng.....	120
Nông Lâm nghiệp Bền vững.....	132
Phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn.....	142
Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng.....	154
Kết luận	166
Tài liệu tham khảo	170

Foreword

Lời mở đầu

Prof. Dr.-Ing. Michael Peterek, Frankfurt UAS

GS. TS. Michael Peterek, Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Frankfurt

Prof. Pham Anh Tuan PhD, President DAU

TS. KTS. Phạm Anh Tuấn, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

Dr. Oliver Assmann, AT-Association

TS. Oliver Assmann, Hiệp hội AT



In the context of global urbanization, cities and their surroundings cannot be seen separately anymore. Therefore, the objective of the project **ement!** is to develop tools and capacities that enable administrations and stakeholders in Da Nang and Quang Nam to implement existing strategies and plans into practical, efficient and sustainable measures that interact effectively on a city-regional scale. The focus lies on four action fields: tourism, agriculture, industry, and built environment. A pilot project for community-based tourism has been developed in Hòa Bắc since 2019. Its goal is a culturally adapted and ecologically sensitive tourism that brings with income security, socio-economic improvements, environmental protection and a resilient infrastructure.

After a first Summer School in 2019, a second Summer School was organized from 20th to 30th September, 2022. The objectives were an assessment of existing tourism activities, the development of complementary offers and the conception of the necessary capacity development strategies. 25 students from Vietnam and Germany worked together on five topics: cultural tourism, ecotourism, sustainable forestry and agriculture, decentralized rural infrastructure, and a regional tourism network. The documentation presented here summarizes the different work steps, the experts' presentations, and the final results of the groups.

Our thanks go to all those involved and especially to the dedicated participation of the local residents.

Trong bối cảnh đô thị hoá toàn cầu, sự kết nối của các thành phố và khu vực phụ cận cần được xem xét một cách tổng quát. Mục tiêu của dự án **ement!** là phát triển các công cụ nhằm đề xuất cho chính quyền và các bên liên quan ở TP. Đà Nẵng và Quảng Nam để triển khai các chiến lược và kế hoạch hiện có một cách hiệu quả, bền vững và toàn diện. Dự án tập trung vào bốn lĩnh vực hành động: Du lịch, Nông nghiệp, Công nghiệp và Môi trường xây dựng. Du lịch dựa vào Cộng đồng là một dự án thí điểm trong khuôn khổ dự án **ement!** được triển khai tại Hòa Bắc từ năm 2019. Mục tiêu của dự án là du lịch thích ứng với văn hóa và sinh thái nhằm đảm bảo thu nhập, cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu.

Sau thành công của Khóa học Mùa hè 2019, Khóa học Mùa hè tiếp theo được tổ chức từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022. Mục tiêu của Khóa học là đánh giá các hoạt động du lịch hiện có, phát triển các nhân tố bổ sung và hình thành các chiến lược phát triển năng lực cần thiết. Tham gia Khóa học Mùa hè 2022, 25 sinh viên đến từ Việt Nam và CHLB Đức đã cùng làm việc theo năm chủ đề: Du lịch Văn hóa, Du lịch sinh thái, Nông Lâm nghiệp Bền vững, Cơ sở hạ tầng Nông thôn Phi tập trung và Mạng lưới du lịch Vùng. Tài liệu này tóm tắt quy trình tổ chức, bài trình bày của các chuyên gia và kết quả làm việc của các nhóm sinh viên trong Khóa học.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả những người tham gia, đặc biệt là sự hỗ trợ nhiệt tình của Cộng đồng địa phương.





© Ngày, 2022



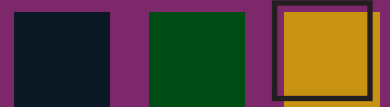
© Ngày, 2022



© Ngày, 2022

Community-Based Sustainable Tourism Approach

Tiếp cận Du lịch Bền
vững dựa vào
Cộng đồng



Community-Based Tourism

Community-based tourism (CBT) aims at empowering residents to become small-scale tourism entrepreneurs. The concept focuses on improving the socio-economic condition and strengthening communities through the implementation of small-scale sustainable tourism projects that protect their cultural traditions and use local knowledge (Spenceley, 2008, p. 288). CBT can become an attractive approach for rural communities by connecting tourism development with agriculture and the innate entrepreneurial capacity of farmers (Harris, 2009, p. 126). CBT supports sustainability and cultural diversity by identifying local human, natural and knowledge resources, preserving local customs, and traditions and a comprehensive understanding of the community's potential (Han et al., 2014; Matiku et al., 2020; Zielinski et al., 2020).

The proposal of CBT should mobilise diverse stakeholders in the region and bring them together to share information, knowledge and skills. The identification of the relevant stakeholders in the development of sustainable tourism in the region is essential for the formulation of realistic feasible projects that address properly the needs of the community. There are four main typologies of stakeholders in development projects for low-income communities, namely, public, private, civil, and external actors (Restrepo Rico, 2017). The roles of these actors change with the political and social context and potential inputs, interests and benefits for each stakeholder should be clearly defined and openly discussed.

Du lịch dựa vào Cộng đồng

Mục đích của Du lịch dựa vào Cộng đồng là trao quyền cho người dân trở thành doanh nghiệp du lịch quy mô nhỏ. Concept này tập trung vào cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội và củng cố cộng đồng thông qua việc thực hiện các dự án du lịch bền vững quy mô nhỏ, hướng đến mục tiêu bảo vệ truyền thống văn hóa và sử dụng tri thức địa phương (Spenceley, 2008, trang 288). Du lịch dựa vào Cộng đồng là một hướng tiếp cận phù hợp với các cộng đồng nông thôn bằng cách tích hợp phát triển du lịch với hoạt động nông nghiệp và năng lực kinh doanh của người nông dân (Harris, 2009, trang 126). Du lịch dựa vào Cộng đồng giúp củng cố tính bền vững và đa dạng văn hóa thông qua việc xác định nguồn nhân lực, nguồn lực tự nhiên và tri thức địa phương; bảo tồn phong tục và truyền thống địa phương cũng như sự hiểu biết toàn diện về tiềm năng của cộng đồng (Han và cộng sự, 2014; Matiku và cộng sự, 2020; Zielinski và cộng sự, 2020).

Đề xuất về Du lịch dựa vào Cộng đồng cần tính đến các bên liên quan trong khu vực và kết nối họ với nhau để chia sẻ thông tin, kiến thức và kỹ năng. Việc xác định các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững vùng là điều cần thiết để xây dựng các dự án khả thi, đáp ứng đúng nhu cầu của cộng đồng. Các bên liên quan trong dự án phát triển dành cho cộng đồng có thu nhập thấp bao gồm cộng đồng, đơn vị tư nhân, đơn vị dân sự và chủ thể từ bên ngoài (Restrepo Rico, 2017). Vai trò của các chủ thể này thay đổi theo bối cảnh chính trị - xã hội và các yếu tố khác; mối quan tâm và lợi ích của mỗi bên cần được xác định rõ ràng và trao đổi một cách cởi mở.

Capacity Development for Community-Based Tourism in the Cu Đê River Valley

Nâng cao năng lực phục vụ cho Du lịch dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê

Capacity building is crucial for sustainable development as it highlights the need for knowledge building and sharing in a diversity of fields involving different actors; it is through capacity building and development of communities and local actors that self-organisation, collective action, multi-stakeholder agreements and public-private partnerships overcome the challenges posed by development projects (Restrepo Rico, 2017). Community capacity building -CCB- is the foundation of a sustainable community development process that generates improvement in the livelihoods of low-income populations. CCB ensures the continuous learning process among the residents as well as community cohesion through knowledge-sharing activities (Atkinson & Willis, 2006).

Capacity building starts with building capacities based on local experiences. The existing skills and knowledge within the community shape the development vision for the community. CCB allows communities to identify their needs, vision and objectives for development based on the existing individual and collective abilities and define localised development processes to achieve the objectives set up by the community. It is important to consider that community-based development can be promoted through CCB, however, the involvement of public stakeholders is crucial for the sustainable development of a community, since communities alone cannot solve large human basic needs issues such as access to public services, mobility or basic social services. The involvement of public officials facilitates the prevention of structural poverty while creating awareness among government departments about the infrastructural needs of the community.

Nâng cao năng lực đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững, nhấn mạnh nhu cầu kiến tạo và chia sẻ kiến thức trong nhiều lĩnh vực; thông qua việc nâng cao năng lực và phát triển cộng đồng, các chủ thể địa phương bao gồm các tổ chức, các thỏa ước tập thể và quan hệ đối tác công - tư vượt qua những thách thức do các dự án phát triển đặt ra (Restrepo Rico, 2017). Nâng cao năng lực cộng đồng là nền tảng của quá trình phát triển cộng đồng bền vững, giúp cải thiện sinh kế cho người dân có thu nhập thấp. Nâng cao năng lực cộng đồng giúp đảm bảo quá trình học tập không ngừng cũng như sự gắn kết cộng đồng thông qua các hoạt động chia sẻ kiến thức (Atkinson & Willis, 2006).

Nâng cao năng lực bắt đầu bằng việc nâng cao năng lực dựa trên kinh nghiệm địa phương. Kỹ năng và kiến thức hiện có trong cộng đồng giúp định hình tầm nhìn phát triển cho cộng đồng. Nâng cao năng lực cho phép các cộng đồng xác định nhu cầu, tầm nhìn và mục tiêu phát triển dựa trên năng lực hiện có và xác định hướng phát triển để đạt được các mục tiêu do cộng đồng đặt ra. Nâng cao năng lực giúp thúc đẩy sự phát triển dựa vào cộng đồng, trong đó, sự tham gia của các đơn vị công là rất quan trọng đảm bảo tính bền vững cho sự phát triển cộng đồng, vì cộng đồng không thể tự giải quyết các vấn đề lớn liên quan đến nhu cầu cơ bản như tiếp cận các dịch vụ công, di động xã hội hoặc các dịch vụ xã hội cơ bản. Sự tham gia của chính quyền giúp hạn chế nghèo cơ cấu đồng thời tăng nhận thức về nhu cầu cơ sở hạ tầng của cộng đồng.

Community capacity building is the foundation of a sustainable community development process that generates improvement in the livelihoods of low-income populations. It is characterised by a long-term continuous learning process enhancing the capabilities of individuals within a community, as well as community cohesion through knowledge-sharing activities. By provision of good governance, i.e. participation, accountability, transparency, and clear communication, local development is guaranteed. The purpose of capacity building in urban planning is to target, empower and strengthen endogenous capabilities and local resources, including skills, resources, technologies, and institutions.

Community capacity development allows communities to identify their existing capacities and needs, propose a vision for development, and define localised development processes to achieve the objectives prioritised by the community. For successful implementation, it is necessary to ensure the combination of essential knowledge, skills, and strategic instruments. Through cooperative planning and community organisation, the residents empower themselves and develop sustainable lifestyles. The provision of employment and economic opportunities results in a reduction in poverty and the achievement of social-economic goals. Moreover, the creation of new capacities generates further development opportunities based on innovation in knowledge and skills.

The community development process begins with a participatory process, including the mobilisation of community leaders and relevant stakeholders. Afterwards, the need to establish a framework leads to the assessment of the existing capital and assets in the community. This step contributes to the launch of the strategic planning process that defines the development vision and goals of the community. Subsequently, the necessary capacities and skills are identified as part of the implementation planning process. The last steps relate directly to community capacity development in a way of determining learning approaches and appropriate methods (see the next section).

Nâng cao năng lực cộng đồng là nền tảng của quá trình phát triển cộng đồng bền vững, cải thiện sinh kế cho người dân có thu nhập thấp, trong đó nhấn mạnh quá trình học tập liên tục trong thời gian dài nhằm nâng cao năng lực của các cá nhân trong cộng đồng, cũng như sự gắn kết của cộng đồng thông qua hoạt động chia sẻ kiến thức. Cơ chế quản lý tốt, bao gồm sự tham gia, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch sẽ giúp đảm bảo sự phát triển của địa phương. Mục đích của việc nâng cao năng lực trong quy hoạch đô thị là xác định mục tiêu, trao quyền, tăng cường nội lực và nguồn lực địa phương, bao gồm kỹ năng, nguồn lực, công nghệ và thể chế.

Nâng cao năng lực cộng đồng cho phép cộng đồng xác định năng lực và nhu cầu hiện tại của họ, đề xuất hướng phát triển và xác định các quy trình phát triển để đạt được mục tiêu đề ra. Để đảm bảo sự thành công, cần kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng cần thiết và các công cụ chiến lược. Thông qua việc lập kế hoạch hợp tác và tổ chức cộng đồng, người dân phát huy nội lực và xây dựng lối sống bền vững. Việc tạo cơ hội việc làm giúp giảm nghèo đói và đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội. Hơn nữa, việc tạo ra các năng lực mới nhờ vào sự đổi mới về kiến thức và kỹ năng giúp cộng đồng ngày càng phát triển.

Quá trình phát triển cộng đồng bắt đầu bằng sự tham gia, bao gồm sự tham gia của lãnh đạo cộng đồng và các bên liên quan. Sau đó, nhu cầu thiết lập một khuôn khổ sẽ dẫn đến việc đánh giá tài sản hiện có trong cộng đồng. Bước này góp phần khởi động quy trình lập kế hoạch chiến lược xác định tầm nhìn và mục tiêu phát triển của cộng đồng. Sau đó, các năng lực và kỹ năng cần thiết được xác định. Và cuối cùng là hoạt động liên quan trực tiếp đến nâng cao năng lực cộng đồng thông qua việc xác định cách tiếp cận học tập và phương pháp phù hợp (xem phần tiếp theo).



© Ngày, 2022

Example of cultural tourism in the Cu Đê River Valley

Một ví dụ về Du lịch Văn hóa ở lưu vực sông Cu Đê

The community capacity development process for the Cu Đê River Valley can be illustrated through the example of cultural tourism. The starting point is to understand missing capacities and existing assets that could be enhanced or utilised for the diversification of incomes in the area; for instance, the self-organised cooperative in Nam Yen working with educational tourism programs (existing capacities), while in Ta Lang and Gian Bi, the community wants to preserve their cultural traditions and improve incomes but does not know how to start (capacities needed). Identifying the capacity needs results in determining suitable learning approaches, such as leadership development, partnership establishment between communities, and experiential learning. Moreover, choosing adequate methods can boost the development process if these are relevant to the defined objectives. In the case of the CDRV, the proposed methods include field trips, consultancy, workshops, and training. The expected outputs from this process, classified as tangible results, are programmes for cultural and community-based ecotourism; whereas outcomes, classified as intangible results, include community collaboration, new capacities for the Ta Lang community, and the preservation of cultural traditions.

Quá trình nâng cao năng lực cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê có thể được minh họa thông qua ví dụ về Du lịch Văn hóa. Việc đầu tiên là tìm hiểu các năng lực còn thiếu và năng lực hiện có có thể sử dụng để đa dạng hóa thu nhập cho người dân; ví dụ, hợp tác xã ở Nam Yên tổ chức các chương trình du lịch giáo dục (năng lực hiện có), trong khi cộng đồng Tà Lang - Giàn Bí muốn bảo tồn văn hóa truyền thống và cải thiện thu nhập nhưng không biết bắt đầu như thế nào (năng lực cần thiết). Việc xác định nhu cầu năng lực đòi hỏi phải có cách tiếp cận học tập phù hợp, chẳng hạn như phát triển năng lực lãnh đạo, thiết lập quan hệ đối tác trong cộng đồng, học tập qua trải nghiệm. Hơn nữa, việc lựa chọn phương pháp phù hợp với các mục tiêu đã đề ra sẽ giúp thúc đẩy quá trình phát triển. Đối với trường hợp lưu vực sông Cu Đê, các phương pháp được đề xuất bao gồm chuyến đi thực địa, hoạt động tư vấn, hội thảo và tập huấn. Kết quả dự kiến của quá trình này được phân loại bao gồm kết quả hữu hình như chương trình Du lịch Sinh thái dựa vào cộng đồng và Du lịch Văn hóa; và giá trị vô hình như sự cộng tác trong cộng đồng, năng lực mới cho cộng đồng Tà Lang và sự bảo tồn văn hóa truyền thống.



Leaders and members of the community in the Cu Đê River Valley
Lãnh đạo và thành viên cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê

Community Capacity Development Process

Quá trình Phát triển năng lực cộng đồng

Once the community capacity needs have been identified, it is important to design a capacity development approach to support learning and self-development. However, there is a difference between the teaching and learning processes. Regardless of the quality of the information being transferred to the different target groups, if the stakeholders are not motivated and ready to assimilate the information, it would not be possible for them to learn. Moreover, the selection of the appropriate combination of learning approaches and methods can foster the transferability of skills and knowledge.

As presented in the last section, the implementation scales of the projects in the different strategies have diverse action scales and stakeholders, thus different learning approaches are needed to achieve all learning objectives. In terms of knowledge sharing, the selection of the learning approach also depends on the learning objectives. Therefore, it is crucial to have clear objectives for the capacity development strategy as well as the duration and future sustainability of the outcomes.

Khi đã xác định được nhu cầu về năng lực của cộng đồng, cần thiết kế cách tiếp cận phát triển năng lực để hỗ trợ quá trình học tập và phát triển cá nhân. Tuy nhiên, quá trình truyền đạt và tiếp thu có sự khác nhau. Bất kể chất lượng thông tin được truyền tải đến các nhóm mục tiêu khác nhau như thế nào, nếu các bên liên quan không có động lực và không sẵn sàng tiếp thu, quá trình học tập sẽ không có hiệu quả. Việc kết hợp các cách tiếp cận và phương pháp học tập phù hợp giúp thúc đẩy quá trình chuyển giao kỹ năng và kiến thức.

Như đã trình bày trong phần trước, quy mô triển khai của các dự án trong các chiến lược khác nhau có quy mô hành động và các bên liên quan khác nhau, do đó cần có cách tiếp cận học tập khác nhau để đạt được tất cả các mục tiêu học tập. Về việc chia sẻ kiến thức, việc lựa chọn cách tiếp cận học tập phụ thuộc vào mục tiêu học tập. Do đó, điều quan trọng là phải xây dựng mục tiêu rõ ràng cho chiến lược phát triển năng lực cũng như khung thời gian và tính bền vững của các kết quả.

LEARNING APPROACHES

CÁCH TIẾP CẬN HỌC TẬP

A learning approach is a way of passing specific skills or knowledge. These approaches are also a set of tools that can be used to facilitate and support this process as means of achieving capacity development.

The main learning approaches include:

- Communication
- Knowledge management
- Partnership and networks
- Customized training
- Experiential learning
- E-learning
- Leadership development
- Coaching and mentoring

Cách tiếp cận học tập là bộ công cụ được sử dụng nhằm đạt được mục tiêu phát triển năng lực bao gồm sự phát triển về kiến thức và kỹ năng.

Các cách tiếp cận học tập chính bao gồm:

- Giao tiếp
- Quản lý tri thức
- Quan hệ đối tác và xây dựng mạng lưới
- Đào tạo theo nhu cầu
- Học qua trải nghiệm
- Học trực tuyến
- Phát triển kỹ năng lãnh đạo
- Tập huấn và tư vấn

LEARNING METHODS FOR COMMUNITY CAPACITY DEVELOPMENT

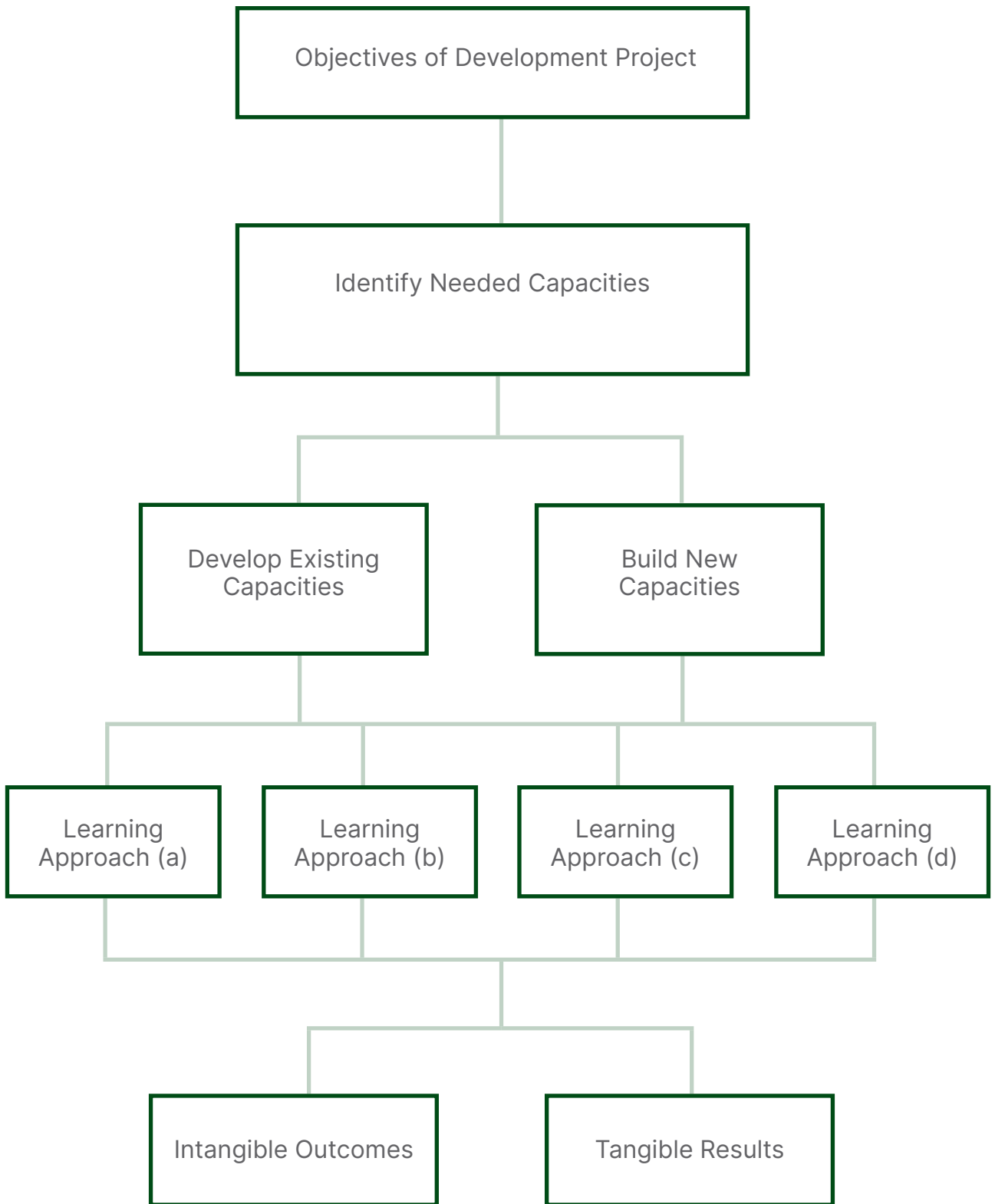
PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP NÂNG CAO NĂNG LỰC CỘNG ĐỒNG

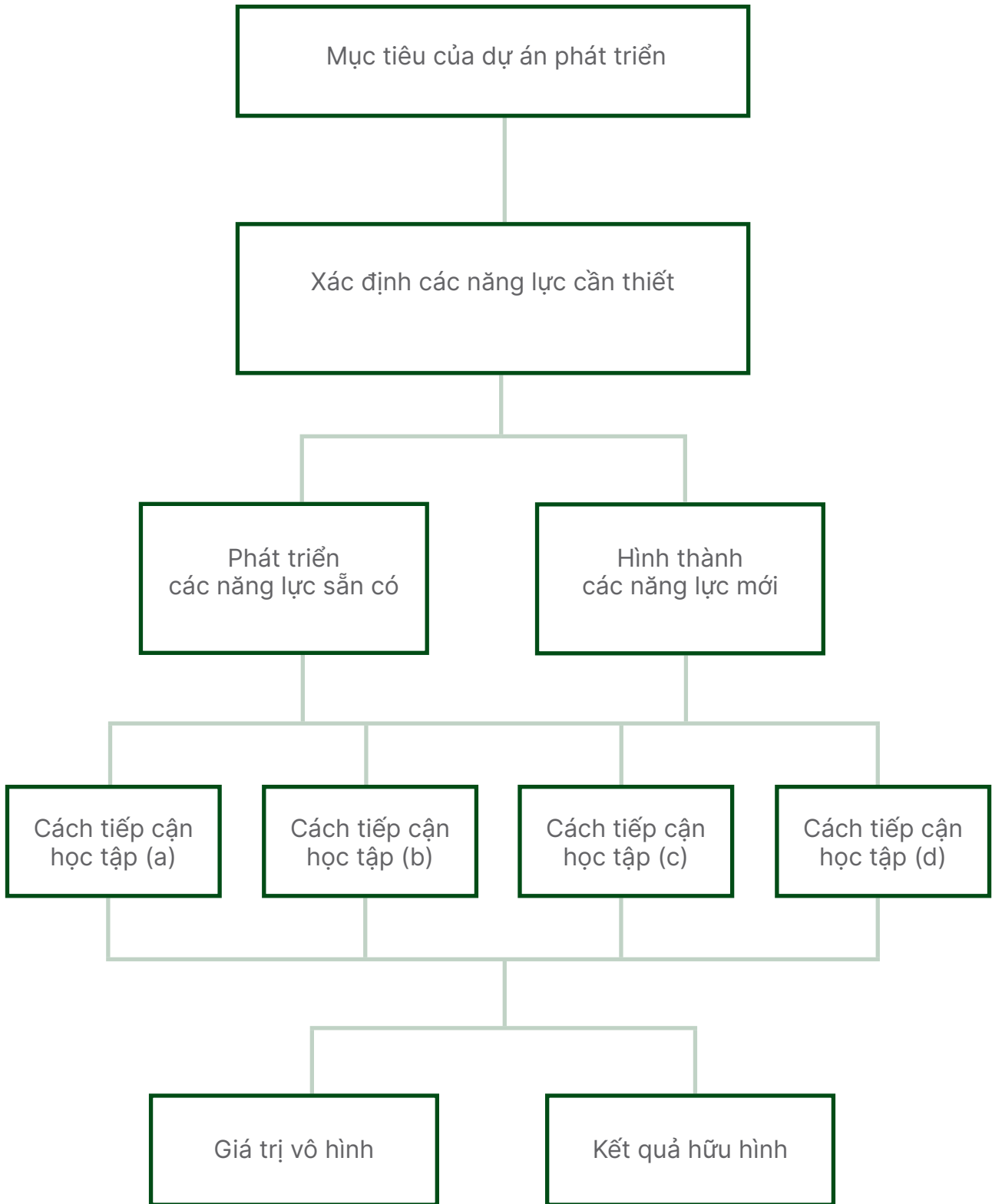
The careful selection of diverse instruments for community capacity development can maximise the strengths of the chosen learning approach while mitigating constraints and challenges. These instruments for capacity development and knowledge transfer include:

- Training
- Workshops
- Field trips
- Seminars
- Recruiting
- Consultancy
- Interdepartmental Communication
- Interdepartmental Collaboration

Việc lựa chọn các công cụ để phát triển năng lực cộng đồng giúp tối đa hóa điểm mạnh của cách tiếp cận học tập được lựa chọn và hạn chế những điểm yếu. Những công cụ để phát triển năng lực và chuyển giao tri thức bao gồm:

- Tập huấn
- Workshop
- Các chuyến đi thực địa
- Hội thảo chuyên đề
- Tuyển dụng
- Tư vấn
- Giao tiếp liên ngành
- Hợp tác liên ngành







© Ngày, 2022



© Ngày, 2022



© Ngày, 2022

Summer School
2022:

**Community-Based
Tourism in the
Cu Đê River Valley**



Khoá học Mùa hè
2022:

**Du lịch dựa vào
Cộng đồng ở
lưu vực sông Cu Đê**

Summer School 2022

The emplement! Summer School 2022: Community-Based Tourism in the Cu Đê River Valley was one of the research activities of Task 2.1 "Sustainable Tourism Concept for the Cu Đê River Valley featuring Sanitation and Biodiversity Promoting Forest Management" within the emplement! Project. The Summer School was organised by the Frankfurt University of Applied Sciences and the Da Nang Architecture University with the collaboration of Dr Chu Manh Trinh and the Nam Yen Tourism Cooperative.

The objectives of the Summer School were to collect information about the existing tourism activities and programmes offered by the community of the Hòa Bắc Commune and propose capacity development activities for the implementation of community-based sustainable tourism projects in the valley. These capacity development activities have been categorised into 5 main topics: cultural tourism, ecotourism, sustainable agriculture and forestry, rural infrastructure development and the regional sustainable tourism network.

These topics are the foundation of the sustainable tourism concept for the CDRV, which would be an integrated approach to community development in the valley. The focus is to promote the

Khoá học Mùa hè 2022

Khoá học hè 2022 trong khuôn khổ dự án emplement!: Du lịch dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê là một trong những hoạt động nghiên cứu của Nhiệm vụ 2.1 "Concept Du lịch Bền vững cho lưu vực sông Cu Đê tập trung vào Hệ thống vệ sinh và Quản lý Lâm nghiệp thúc đẩy đa dạng sinh học". Khoá học Mùa hè được tổ chức bởi Đại học Khoa học Ứng dụng Frankfurt và Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng với sự tham gia của TS. Chu Mạnh Trinh và Hợp tác xã Du lịch Nam Yên.

Mục tiêu của Khoá học Mùa hè là thu thập dữ liệu về các hoạt động du lịch hiện có tại Hòa Bắc và đề xuất hoạt động nâng cao năng lực để thực hiện dự án du lịch bền vững dựa vào cộng đồng. Hoạt động nâng cao năng lực được chia thành 5 chủ đề chính: Du lịch Văn hóa, Du lịch sinh thái, Nông Lâm nghiệp Bền vững, Phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn và Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng.

Những chủ đề này là cơ sở cho concept du lịch bền vững ở lưu vực sông Cu Đê và là cách tiếp cận tích hợp cho sự phát triển của cộng đồng trong khu vực. Mục tiêu của Khoá học là thúc đẩy du lịch dựa vào cộng đồng và các dự án cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với sự tham gia của các bên liên quan.



Participants and organisers for the Summer School 2022

Ban tổ chức và thành viên Khóa học mùa hè 2022

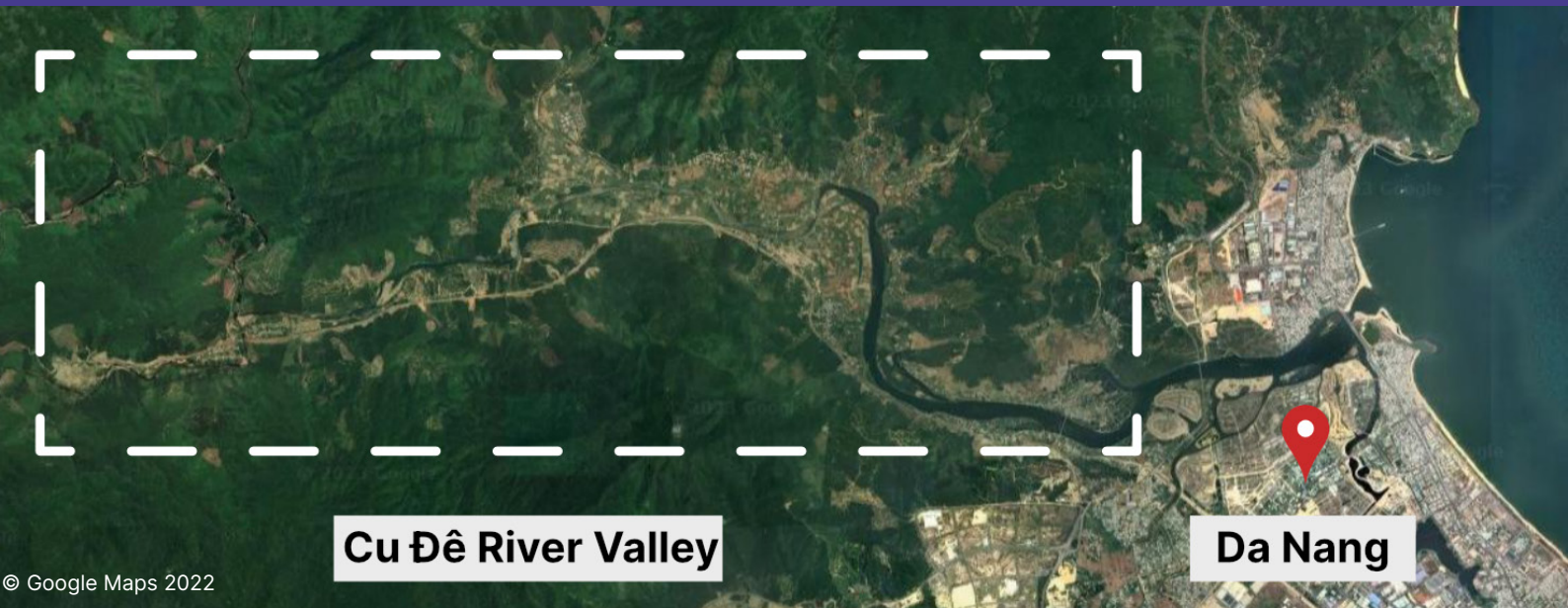
implementation of community-based tourism and small-scale infrastructure projects by the community with the support of diverse stakeholders.

The Summer School was carried out from September 20 to September 30, 2022. The activities organised for the first week were focused on the collection of information in the study area. The students attended a series of presentations by experts that set the knowledge basis for the analysis of the existing tourism offers in the Cu Đê Valley. Later in the week, the students had the opportunity to experience these tourism offers and immerse themselves in the social and natural environment of the communities in the Cu Đê Valley.

The second week was focused on producing an analysis of the tourism offers, identifying the possible improvements to the programmes along with the knowledge needs in each research topic, thus producing proposals for community capacity development in each one of the topics. These proposals were presented to the community on the last day of the Summer School, with the participation of the community members as well as members of the local and provincial administration.

Khoá học Mùa hè được tổ chức từ ngày 20 đến 30 tháng 9 năm 2022. Trong tuần đầu tiên, người tham gia được cung cấp thông tin về tổng quan khoá học và phạm vi nghiên cứu. Sinh viên dự các buổi thuyết trình của chuyên gia để nắm bắt những khái niệm cơ bản phục vụ cho việc phân tích hoạt động du lịch hiện có và trực tiếp trải nghiệm du lịch cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê.

Tuần thứ hai của Khoá học tập trung vào phân tích hiện trạng du lịch, xác định những giải pháp có tiềm năng và nhu cầu kiến thức trong từng chủ đề nghiên cứu, từ đó đưa ra các đề xuất nâng cao năng lực cộng đồng theo từng chủ đề. Những đề xuất này được trình bày trước cộng đồng, gồm các thành viên cộng đồng, chính quyền địa phương và thành phố vào ngày cuối cùng của Khóa học.



The Cu Đê River Valley and its proximity to Da Nang

Vị trí lưu vực sông Cu Đê và khoảng cách đến thành phố Đà Nẵng

Study Area: The Cu Đê River Valley in the Hoà Bắc Commune

Phạm vi nghiên cứu: lưu vực sông Cu Đê thuộc xã Hoà Bắc

Hòa Bắc is a rural commune located north of Da Nang City. The population of the commune is 3,758 inhabitants divided into several villages located along the Cu Đê River. The common income-generating activities are related to the agricultural sector and forestry, since 96% of the total area in the commune is a forest area, including natural and planted forests (Dung, 2019).

The local government has identified the challenges of protecting the natural forest and are looking toward sustainable tourism as the means to improve the socio-economic condition of the population without depleting the local natural resources.

The population is ethnically diverse, low-income and their main economic activity is agriculture. The local community has also started to work toward tourism development to increase their incomes, establishing homestays and other small commercial activities.

Hoà Bắc là một xã nông thôn tọa lạc ở phía Bắc của thành phố Đà Nẵng. Dân số của Hoà Bắc là 3,758 người, sinh sống ở bảy thôn dọc theo dòng sông Cu Đê. Hoạt động sinh kế chính là nông nghiệp và lâm nghiệp với 96% tổng diện tích đất trong xã là đất rừng bao gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng (Dung, 2019).

Chính quyền địa phương đã xác định những thách thức trong việc bảo vệ rừng tự nhiên và hướng tới du lịch bền vững như là công cụ để cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội cho người dân trong khu vực mà không làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

Cộng đồng ở đây đa dạng về sắc tộc, thu nhập thấp và hoạt động kinh tế chính của họ là nông nghiệp. Cộng đồng bắt đầu hướng tới phát triển du lịch để tăng thu nhập, xây dựng các cơ sở lưu trú và triển khai các hoạt động thương mại quy mô nhỏ.



© Google Maps 2022

Cu Đê River Valley focus areas, Section A and B, within the Hòa Bắc Commune
 Khu vực trọng điểm tại lưu vực sông Cu Đê: Khu A và B

Strategies for the Sustainable Tourism Development Concept in the Cu Đê River Valley

Chiến lược xây dựng Concept Phát triển Du lịch Bền vững ở lưu vực sông Cu Đê

The sustainable tourism concept for the Cu Đê River Valley comprises two focus areas within the Hòa Bắc Commune:

- Section A comprises the villages of Ta Lang and Gian Bi in the upper river area. The character of these villages is defined by the diversity in the ethnical background of the residents who identify themselves as members of the Co Tu minority. The groups working in this area were Group 1 – Cultural tourism and Group 2 – Ecotourism. Local populations have the motivation to provide sustainable tourism offers. Established ecotourism programs aim to connect visitors, such as students brought by educational projects, with the biodiversity of the area. Strengthening the cooperation with other Co Tu villages in the province could promote the emergence of cultural offers and strengthen the preservation of the Co Tu culture while empowering the residents to establish a network for community-based development.

Concept Du lịch Bền vững ở lưu vực sông Cu Đê bao gồm hai khu vực trọng điểm thuộc xã Hòa Bắc:

- Khu A gồm các thôn Tà Lang và Giàn Bí ở thượng nguồn sông. Đặc điểm của các thôn này được xác định bởi sự đa dạng về nguồn gốc của cộng đồng dân tộc thiểu số Cơ Tu. Các nhóm sinh viên nghiên cứu khu vực này là Nhóm 1 – Du lịch Văn hóa và Nhóm 2 – Du lịch sinh thái. Cộng đồng ở hai thôn này có động lực để thực hiện du lịch bền vững. Các hoạt động du lịch sinh thái được thiết kế nhằm mục đích kết nối du khách, như sinh viên từ các dự án giáo dục, với đa dạng sinh học của khu vực. Sự kết nối với cộng đồng người Cơ Tu ở các thôn khác trong khu vực giúp nảy sinh các ý tưởng về hoạt động văn hoá và tăng cường bảo tồn văn hóa Cơ Tu đồng thời trao quyền cho người dân thiết lập mạng lưới phát triển dựa vào cộng đồng.

- Section B - comprises the central valley region with an agricultural character and is closer to the local administrative centre and social services. Section B has a homogeneous Vietnamese population organised into a tourism cooperative managed and operated by residents. This cooperative became the foundation for the organisation of activities for the Summer School. The residents have established this cooperative for community-based development, in which all members contribute and benefit. This cooperative has coordinating activities, but also capacity-building activities for associates. The community in the agricultural field is working collaboratively and gaining as a collective from tourism activities. The current tourism activities have an educational tourism character that could generate a collective identity for tourism development and establish this village as a good example and pilot project for this form of tourism. However, there is a need for a sustainable tourism concept that articulates existing and future projects into one development vision.

The main objective for both sections in the Cu Đê River Valley is to define an integrated sustainable tourism development process that builds capacities among communities for self-organisation and supports the implementation of community-based initiatives.

The main strategies for sustainable tourism development include cultural tourism, community-based ecotourism, sustainable forestry and agriculture, and rural infrastructure development.

- **Cultural tourism** requires intergenerational knowledge transfer as the basis for the preservation of cultural traditions and the collective identification of the traditions that the community wants to display and present. It is not limited to ethnic minorities; Vietnamese rural communities could also benefit from preserving and promoting their cultural activities that highlight arts and crafts, religious ceremonies, or agricultural traditions passed to new generations.

- Khu B là khu vực trung tâm với đặc điểm nông nghiệp nổi bật, gần trung tâm hành chính địa phương và các dịch vụ xã hội. Khu B với đặc điểm dân cư thuần nhất là người Kinh, được tổ chức thành hợp tác xã du lịch tự quản. Hợp tác xã này đóng vai trò nền tảng hỗ trợ cho các hoạt động của Khoá học Mùa hè. Hợp tác xã được thành lập hướng đến mục tiêu phát triển dựa vào cộng đồng, trong đó tất cả các thành viên tham gia đóng góp và được hưởng lợi. Hợp tác xã là đơn vị thực hiện hoạt động điều phối và nâng cao năng lực cho các thành viên. Cộng đồng nông nghiệp đang hợp tác hiệu quả và thu được lợi ích tập thể từ các hoạt động du lịch. Các hoạt động du lịch hiện tại được triển khai gắn với mục đích giáo dục, biến khu vực này thành một ví dụ điển hình và là dự án thí điểm cho hình thức du lịch giáo dục. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là cần phải có một concept du lịch bền vững giúp kết nối các dự án hiện tại và tương lai thành tầm nhìn phát triển.

Mục tiêu chính ở hai khu vực thuộc lưu vực sông Cu Đê là xác định quy trình phát triển du lịch bền vững tổng hợp nhằm xây dựng năng lực và hỗ trợ thực hiện các sáng kiến cộng đồng.

Các chiến lược chính để phát triển du lịch bền vững bao gồm du lịch văn hóa, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, nông lâm nghiệp bền vững, và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn.

- **Du lịch văn hóa** đòi hỏi sự chuyển giao tri thức giữa các thế hệ để làm cơ sở cho việc bảo tồn văn hóa truyền thống và thể hiện tính đặc trưng của cộng đồng. Điều này không chỉ giới hạn ở các dân tộc thiểu số mà các cộng đồng nông thôn khác cũng được hưởng lợi từ việc bảo tồn và phát huy văn hóa, đề cao hoạt động nghệ thuật và nghề thủ công, nghi lễ tôn giáo hoặc truyền thống nông nghiệp truyền từ đời này sang đời khác.

- **Community-based ecotourism** connects adventure travellers with natural environments, allowing the visitor to experience first-hand the benefits of natural forest reserves or exotic natural locations. It is closely related to cultural preservation and educational processes and aims to minimise physical, social, behavioural, and psychological impacts. Ecotourism focuses on building environmental and cultural awareness through positive experiences for both visitors and hosts. Delivering memorable interpretative experiences to visitors helps raise sensitivity to the local political, environmental, and social climates. The economic sector of community-based ecotourism is empowered by the provision of direct financial benefits for conservation and the generation of financial benefits for local people and private industry.
- **Sustainable forestry and agriculture** seek to reduce the physical risks of unsustainable logging activities that cause natural disasters, deterioration of the natural environment, erosion and excessive exploitation. Thus, the diversification of forestry activities should also reduce the economic risk represented by variable and declining product prices. To promote these sustainable forestry principles, different methods need to be applied; for instance, resources assessment through analysis of local communities' perceptions and forest inventories with participation of community members. Additionally, strengthening local culture values is an excellent partner for community forestry development.
- **Rural infrastructure development** has two main scopes: sanitation and solid waste management. Semi and decentralised sanitation approaches prevent the pollution of agricultural areas and the river basin. Additionally, the decentralised method averts wastewater from being transported over large distances, avoiding the need for the implementation of expensive and intrusive infrastructure projects in rural areas. The provision of decentralised sanitation systems is followed by the need for an appropriate solid waste management system in which the waste products are separated and treated. In most cases, in rural areas, the main challenge
- **Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng** kết nối khách du lịch với môi trường tự nhiên, cho phép khách du lịch trực tiếp trải nghiệm các khu bảo tồn rừng hoặc các thắng cảnh tự nhiên. Nó liên quan mật thiết đến quá trình bảo tồn và giáo dục văn hóa nhằm mục đích giảm thiểu các tác động vật lý, xã hội, hành vi và tâm lý. Du lịch sinh thái tập trung vào việc nâng cao nhận thức về môi trường và văn hóa thông qua những trải nghiệm tích cực cho du khách và người dân địa phương đồng thời nâng cao nhận thức của du khách đối với tình hình chính trị, môi trường và xã hội địa phương. Hình thức du lịch này giúp trao quyền cho người dân bằng cách tạo ra các lợi ích tài chính trực tiếp cho hoạt động bảo tồn, cho người dân địa phương và đơn vị tư nhân.
- **Nông Lâm nghiệp bền vững** hướng tới giảm thiểu rủi ro của hoạt động khai thác gỗ không bền vững, thiên tai, suy thoái môi trường tự nhiên, xói mòn và khai thác quá mức. Việc đa dạng hóa các hoạt động lâm nghiệp cũng sẽ làm giảm rủi ro kinh tế do giá sản phẩm thay đổi. Để thúc đẩy lâm nghiệp bền vững, cần áp dụng các phương pháp khác nhau; ví dụ như đánh giá tài nguyên thông qua phân tích nhận thức của cộng đồng địa phương và rà soát tài nguyên rừng với sự tham gia của các thành viên cộng đồng. Ngoài ra, việc tăng cường các giá trị văn hóa địa phương cũng góp phần phát triển lâm nghiệp cộng đồng.
- **Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn** gồm hai nội dung chính: vệ sinh môi trường và quản lý chất thải rắn. Các giải pháp vệ sinh bán phần và phi tập trung giúp ngăn ngừa ô nhiễm các khu vực nông nghiệp và lưu vực sông. Ngoài ra, phương pháp phi tập trung ngăn nước thải được vận chuyển trên một khoảng cách lớn, hạn chế các dự án cơ sở hạ tầng tốn kém và có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan trong khu vực. Việc xây dựng hệ thống vệ sinh phi tập trung kéo theo nhu cầu về hệ thống quản lý chất thải rắn phù hợp để phân loại và xử lý chất thải. Trong hầu hết các trường hợp, ở khu vực nông thôn, thách thức chính là việc thu gom và vận chuyển rác thải phi hữu cơ để ngăn chặn sự tích tụ chất thải ở các khu đất trống.

is to find a collection and transport system for non-organic waste that prevents the accumulation of waste in vacant lands.

Moreover, a regional sustainable tourism network (RSTN) embraces all four research fields and enables knowledge transfer amongst partners in community-based tourism. The project focuses on the participative and integrated development of solutions in the following topics:

- Sharing knowledge: community-based tourism is being developed in Nam Yen which provides the residents with valuable experiences.
- Developing and defining common objectives and goals for the RSTN: partners can agree to common goals.
- Establishing an RSTN label: common marketing efforts and identity under an RSTN label increase marketing efficiency and prevent high financial expenses of individual partners.
- Identifying and developing best practices: best-practice examples can be drawn from initiatives in the region to be shared within the RSTN.
- Generating synergetic effects: Through the partners, the network can access various fields of expertise that can be used in work groups to effectively develop solutions for issues in the community-based tourism sector.
- Raising visibility: raising the visibility of community-based tourism in the region helps consolidate this sector and attract potential visitors.
- Communication platforms between medium and small enterprises, authorities, and industry: effective communication channels enable information exchange or support requests from the partners involved.

Ngoài ra, mạng lưới du lịch bền vững vùng bao trùm cả bốn lĩnh vực nghiên cứu và cho phép chuyển giao tri thức giữa các đối tác trong lĩnh vực du lịch dựa vào cộng đồng. Dự án tập trung vào việc phát triển các giải pháp có sự tham gia và tích hợp trong các chủ đề sau:

- Chia sẻ kiến thức: Du lịch cộng đồng đang được phát triển tại Nam Yên, mang đến cho người dân những trải nghiệm tích cực.
- Xác định mục đích, mục tiêu chung cho mạng lưới du lịch bền vững vùng: các đối tác có thể thống nhất mục tiêu chung.
- Xây dựng thương hiệu cho mạng lưới du lịch bền vững vùng: các hoạt động tiếp thị và nhận diện thương hiệu của mạng lưới giúp tăng hiệu quả tiếp thị và giảm gánh nặng tài chính cho các thành viên.
- Xác định và phát huy các giải pháp/ sáng kiến phù hợp: chia sẻ các giải pháp/ sáng kiến hay giữa các thành viên trong mạng lưới.
- Tạo ra hiệu quả tổng hợp: Thông qua các thành viên, mạng lưới có thể tiếp cận và tận dụng những kiến thức chuyên môn khác nhau để đưa ra các giải pháp hiệu quả cho vấn đề phát sinh khi triển khai du lịch dựa vào cộng đồng.
- Nâng cao tầm nhìn: nâng cao tầm nhìn về du lịch cộng đồng trong khu vực giúp củng cố hoạt động này và thu hút khách du lịch tiềm năng.
- Nền tảng giao tiếp giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính quyền và ngành công nghiệp: các kênh giao tiếp hiệu quả cho phép trao đổi thông tin và kêu gọi hỗ trợ giữa các thành viên.



© Ngày, 2022

Kathy Nguyen and Ms Tram sharing knowledge with students
Cô Thủy và cô Trâm chia sẻ kiến thức cho sinh viên



© Ngày, 2022

Mr. Trung and Chi Nguyen listening to student questions
Bác Trung và Cô Chi lắng nghe các câu hỏi từ sinh viên



© Ngày, 2022

The beginning of the research process
Bắt đầu quá trình nghiên cứu

Research Process for the Proposal of Community Capacity Building Activities Nghiên cứu Đề xuất Nâng cao Năng lực Cộng đồng

The proposal of practical capacity development activities is focused on the five research topics that could facilitate the implementation of the strategies proposed by the emplement! Project in the Community-Based Sustainable Tourism Concept for the Cu Đê River Valley. The research process prepared for the students started with an assessment of the existing community-based tourism offers and activities in the CDRV, followed by the proposal of improvements to the tourism programmes and the identification of the capacity building and development needs for the implementation of sustainable tourism projects in Hòa Bắc.

Đề xuất các hoạt động nâng cao năng lực có tính thực tiễn, tập trung vào năm chủ đề nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chiến lược do dự án emplement! đề xuất nhằm phát triển Concept Du lịch Bền vững dựa vào Cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê. Sinh viên đánh giá các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng hiện có ở lưu vực sông Cu Đê, đề xuất cải tiến các chương trình du lịch và xác định nhu cầu nâng cao năng lực để thực hiện các dự án du lịch bền vững ở Hòa Bắc.

Once the community capacity needs have been identified, it is important to design a capacity development approach to support learning and self-development. The selection of the appropriate combination of learning approaches and methods can foster the transferability of skills and knowledge. In terms of knowledge sharing, the selection of the learning approach also depends on the learning objectives. The careful selection of diverse instruments for community capacity development can maximise the strengths of the process while mitigating constraints and challenges. These instruments for capacity development and knowledge transfer include:

- Training
- Workshops
- Field trips
- Seminars
- Recruiting
- Consultancy
- Interdepartmental Communication
- Interdepartmental Collaboration

Khi các nhu cầu về năng lực của cộng đồng đã được xác định, điều quan trọng là phải thiết kế một cách tiếp cận phát triển năng lực để hỗ trợ quá trình học tập và phát triển cá nhân. Việc kết hợp cách tiếp cận và phương pháp học tập một cách phù hợp giúp thúc đẩy khả năng chuyển giao kiến thức và kỹ năng. Về chia sẻ kiến thức, việc lựa chọn cách tiếp cận học tập phụ thuộc vào mục tiêu học tập. Việc lựa chọn các công cụ đa dạng để phát triển năng lực cộng đồng giúp tối đa hóa điểm mạnh của quy trình đồng thời giảm thiểu các hạn chế và thách thức. Công cụ hỗ trợ quá trình nâng cao năng lực và chuyển giao tri thức bao gồm:

- Tập huấn
- Workshop
- Các chuyến đi thực địa
- Hội thảo chuyên đề
- Tuyển dụng
- Tư vấn
- Giao tiếp liên ngành
- Hợp tác liên ngành

Students working on proposing community capacity building activities

Sinh viên làm việc nhóm đề xuất các hoạt động nâng cao năng lực cộng đồng





© Ngày, 2022

A sketch from the Cultural Tourism group
Tác phẩm ký họa của nhóm Du lịch Văn hoá

Summer School Structure

Cấu trúc của Khoá học Mùa hè

The participants of the Summer School were selected from universities in Da Nang and Germany from diverse disciplines, including tourism, architecture, infrastructure development, water engineering, and education, among others. In total, we had 25 students involved in the activities of the Summer School, as well as Vietnamese and German experts in the research topics selected for the research activities. The students were divided into five working groups consistent with their expertise and specific knowledge. The student groups of the Summer School were:

- Group 1: Cultural Tourism
- Group 2: Community-Based Ecotourism
- Group 3: Sustainable Forestry and Agriculture
- Group 4: Rural Infrastructure Development
- Group 5: Regional Sustainable Tourism Network

Each group had approximately 4 to 5 Vietnamese students and 1 to 2 Germans, and each group was provided with a set of specific objectives and research tasks that guided the students through the research process and results.

Sinh viên tham gia Khoá học Mùa hè được tuyển chọn từ các trường đại học ở Đà Nẵng và CHLB Đức thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau, bao gồm Du lịch, Kiến trúc, Phát triển Đô thị, Cấp thoát nước, Giáo dục... 25 sinh viên được chia thành năm nhóm, với sự hỗ trợ của chuyên gia Việt Nam và chuyên gia Đức, đã tham gia vào các hoạt động của Khoá học Mùa hè theo các chủ đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn. Các nhóm sinh viên của Khoá học Mùa hè bao gồm:

- Nhóm 1: Du lịch Văn hoá
- Nhóm 2: Du lịch sinh thái dựa vào Cộng đồng
- Nhóm 3: Nông Lâm nghiệp bền vững
- Nhóm 4: Phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn
- Nhóm 5: Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng

Mỗi nhóm gồm 4 - 5 sinh viên Việt Nam và 1 - 2 sinh viên Đức, được hướng dẫn thực hiện nghiên cứu với các mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể.



Group 1 students
Nhóm 1

GROUP 1

Cultural Tourism

General Objective:

Development of a cultural tourism strategy that fosters the preservation of cultural traditions, community empowerment and strengthening of local identities in the CDRV

Specific Objectives for Group 1:

- Bring the community together to share knowledge about their heritage
- Promote the transferability of tangible and intangible cultural and social traditions
- Empower the residents to implement community-based development projects
- Develop capacities among the residents for collective work and self-organisation
- Develop capacities in tourism management and entrepreneurship

Students: Đinh Hoàng Thảo Nguyên (DAU), Hoàng Phi Long (DUT), Mai Thị Trúc An (DAU), Sabena Thomas (FRA-UAS), Nguyễn Ngọc Phong (DAU).

NHÓM 1

Du lịch Văn hóa

Mục tiêu chung:

Xây dựng chiến lược du lịch văn hóa nhằm thúc đẩy việc bảo tồn văn hóa truyền thống, trao quyền cho cộng đồng và tăng cường bản sắc địa phương ở lưu vực Sông Cu Đê.

Mục tiêu cụ thể của Nhóm 1:

- Kết nối cộng đồng để chia sẻ kiến thức về di sản văn hoá truyền thống
- Thúc đẩy khả năng chuyển giao các truyền thống văn hóa - xã hội vật thể và phi vật thể
- Trao quyền cho người dân thực hiện các dự án phát triển dựa vào cộng đồng
- Nâng cao năng lực cho người dân để tự điều hành các công việc tập thể
- Phát triển năng lực quản trị du lịch và khởi nghiệp

Sinh viên tham gia: Đinh Hoàng Thảo Nguyên (DAU), Hoàng Phi Long (DUT), Mai Thị Trúc An (DAU), Sabena Thomas (FRA-UAS), Nguyễn Ngọc Phong (DAU).



© Ngày, 2022

Group 2 students
Nhóm 2

GROUP 2

Community-Based Ecotourism

General Objective:

Development of a biodiversity protection and environmental awareness strategy through the proposal of an ecotourism programme.

Specific Objectives for Group 2:

- Raise awareness about the importance of the protection of the natural environment in the CDRV
- Ecotourism as a capacity development instrument for biodiversity protection
- Connect ecotourism activities with educational programmes
- Promote knowledge sharing among the communities in the CDRV
- Identify the connections between ecotourism, sustainable forestry, organic agriculture and sustainable decentralised infrastructure development

Students: Lisa Holderied (TÜB), Huỳnh Hữu Nghĩa (DAU), Lê Thị Thùy Linh (DUT), Nguyễn Trần Giáng Thụy (DAU).

NHÓM 2

Du lịch sinh thái dựa vào Cộng đồng

Mục tiêu chung:

Xây dựng chiến lược bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao nhận thức về môi trường thông qua việc đề xuất chương trình du lịch sinh thái.

Mục tiêu cụ thể của Nhóm 2:

- Nâng cao nhận thức về việc bảo vệ môi trường tự nhiên ở lưu vực sông Cu Đê
- Xem Du lịch sinh thái như một công cụ phát triển năng lực để bảo vệ đa dạng sinh học
- Kết nối hoạt động du lịch sinh thái với các chương trình giáo dục
- Thúc đẩy sự chia sẻ kiến thức giữa các cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê
- Xác định mối liên hệ giữa du lịch sinh thái, lâm nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ và phát triển cơ sở hạ tầng phi tập trung bền vững

Sinh viên tham gia: Lisa Holderied (TÜB), Huỳnh Hữu Nghĩa (DAU), Lê Thị Thùy Linh (DUT), Nguyễn Trần Giáng Thụy (DAU).



© Ngày, 2022

Group 3 students
Nhóm 3

GROUP 3

Sustainable Agriculture and Forestry

General Objective:

Foster the adoption and implementation of sustainable agriculture and forestry methods that promote economic development and prevent gentrification in the CDRV .

Specific Objectives for Group 3:

- Promote the transition from acacia plantations to sustainable forestry options
- Fostering the implementation of low-investment organic agriculture methods
- Support the implementation of organic agriculture and the commercialisation of value-added agriculture products
- Increase incomes through value-added agricultural products from the CDRV
- Identify the connections between, sustainable forestry, organic agriculture, educational activities in the forest, ecotourism and sustainable decentralised infrastructure development

Students: Andreas Aron Winkler (HOH), Ngô Thị Cẩm Vân (DAU), Trần Lê Việt Ngân (DAU), Mai Ngọc Hùng (DAU), Trịnh Quốc Luật (UoE).

NHÓM 3

Nông Lâm nghiệp Bền vững

Mục tiêu chung:

Thúc đẩy việc áp dụng phương pháp nông - lâm nghiệp bền vững nhằm phát triển kinh tế và ngăn chặn sự chỉnh trang đô thị ở lưu vực sông Cu Đê.

Mục tiêu cụ thể của Nhóm 3:

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ trồng keo sang lâm nghiệp bền vững
- Thúc đẩy thực hiện các phương pháp nông nghiệp hữu cơ có mức đầu tư thấp
- Hỗ trợ thực hiện nông nghiệp hữu cơ và thương mại hóa các sản phẩm nông nghiệp giá trị gia tăng
- Tăng thu nhập nhờ các sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng từ lưu vực sông Cu Đê
- Xác định mối liên hệ giữa lâm nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, hoạt động giáo dục trong rừng, du lịch sinh thái và phát triển cơ sở hạ tầng phi tập trung bền vững

Sinh viên tham gia: Andreas Aron Winkler (HOH), Ngô Thị Cẩm Vân (DAU), Trần Lê Việt Ngân (DAU), Mai Ngọc Hùng (DAU), Trịnh Quốc Luật (UoE).



© Ngày, 2022

Group 4 students
Nhóm 4

GROUP 4

Rural Infrastructure Development

General Objective:

A strategy for the development of decentralised infrastructure projects that contribute to the protection of biodiversity and the preservation of the natural environment in the CDRV.

Specific Objectives for Group 4:

- Capacity development for the implementation of decentralised low-impact wastewater systems.
- A multi-stakeholder proposal for a localised solid waste management system.
- Raise awareness about the importance of waste separation, safe collection and management.
- Raise awareness about health hazards from water pollution.
- A proposal for the development of localised sustainable mobility, e.g Parking, cycling, and e-mobility.
- Identify the connections between ecotourism, sustainable forestry, organic agriculture and sustainable decentralised infrastructure development.

Students: Celina Kölsch (IZES), Phạm Thanh Hoa (DAU), Nguyễn Trần Minh Lộc (DAU), Phạm Thị Ngọc Thơ (DUT).

NHÓM 4

Phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn

Mục tiêu chung:

Chiến lược phát triển các dự án cơ sở hạ tầng phi tập trung góp phần bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn môi trường tự nhiên ở lưu vực sông Cu Đê.

Mục tiêu cụ thể của nhóm 4:

- Nâng cao năng lực để thực hiện các hệ thống xử lý nước thải tác động thấp phi tập trung.
- Đề xuất của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất thải rắn cục bộ.
- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phân loại, thu gom và quản lý chất thải.
- Nâng cao nhận thức về các nguy cơ sức khỏe do ô nhiễm nước.
- Đề xuất phát triển giao thông xanh tại địa phương, ví dụ: Bãi đỗ xe, sử dụng xe đạp và xe điện.
- Xác định mối liên hệ giữa du lịch sinh thái, lâm nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ và phát triển cơ sở hạ tầng phi tập trung bền vững.

Sinh viên tham gia: Celina Kölsch (IZES), Phạm Thanh Hoa (DAU), Nguyễn Trần Minh Lộc (DAU), Phạm Thị Ngọc Thơ (DUT).



© Ngày, 2022

Group 5 students
Nhóm 5

GROUP 5

Regional Sustainable Tourism Network

General Objective:

Promote the exchange of tourism development and management knowledge among the communities located within the CDRV and in the Da Nang region with an outlook on Quang Nam.

Specific Objectives for Group 5:

- Promote connections and cohesion among the communities in the valley as well as knowledge sharing and capacity building
- Highlight the similarities and potential learning opportunities among communities CDRV
- Foster community planning through self-learning and exchange of experiences community-to-community in other areas.
- Support the existing connection efforts among the communities in the region (CDRV and Da Nang with an outlook to Quang Nam)
- Create a communication platform for the exchange of knowledge among communities

Students: Barbara Międzyńska (FRA-UAS), Marie Louise Dreß (TÜB), Lê Thị Thu Thảo (DUT), Nguyễn Hoàng Anh (DAU), Trần Thị Mỹ (DAU), Nguyễn Đình Tuấn (DAU).

NHÓM 5

Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng

Mục tiêu chung:

Thúc đẩy trao đổi kiến thức quản trị và phát triển du lịch giữa các cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê và Đà Nẵng, hướng về phía Quảng Nam.

Mục tiêu cụ thể của Nhóm 5:

- Thúc đẩy sự gắn kết giữa các cộng đồng cũng như chia sẻ kiến thức và nâng cao năng lực
- Nêu bật các điểm tương đồng và cơ hội học tập tiềm năng giữa các cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê
- Khuyến khích xây dựng kế hoạch cộng đồng thông qua việc học tập và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau
- Hỗ trợ các nỗ lực kết nối hiện có giữa các cộng đồng trong khu vực (Lưu vực Sông Cu Đê, Đà Nẵng và Quảng Nam)
- Tạo nền tảng giao tiếp cho việc trao đổi kiến thức giữa các cộng đồng

Sinh viên tham gia: Barbara Międzyńska (FRA-UAS), Marie Louise Dreß (TÜB), Lê Thị Thu Thảo (DUT), Nguyễn Hoàng Anh (DAU), Trần Thị Mỹ (DAU), Nguyễn Đình Tuấn (DAU).



© Ngày, 2022

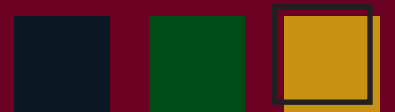


© Ngày, 2022



© Ngày, 2022

Presentations by Development Experts for Summer School 2022



Bài trình bày
của chuyên gia tại
Khoá học Mùa hè
2022

Presentations

A panel of experts was invited to share knowledge with community leaders, and Summer School students. The topics of the presentations included sustainable forestry and agricultural practices, solid waste management, wastewater treatment, sustainable tourism implementation in Hòa Bắc, the vision for tourism in the City of Da Nang as well as the circular economy. The topics covered additionally helped students prepare proposals for capacity development activities.

Bài trình bày

Các chuyên gia được mời đến chia sẻ kiến thức với lãnh đạo cộng đồng và sinh viên tham gia Khóa học Mùa hè. Chủ đề của các bài thuyết trình bao gồm Thực hành Nông - Lâm nghiệp Bền vững, Quản lý chất thải rắn, Xử lý nước thải, Du lịch Bền vững tại Hòa Bắc, Kinh tế tuần hoàn và Tâm nhìn Phát triển Du lịch tại thành phố Đà Nẵng... Những nội dung do chuyên gia chia sẻ giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu và có giá trị tham khảo cho các đề xuất nâng cao năng lực.



© Ngày, 2022

Representatives from Hòa Bắc, Hoa Vong, Da Nang and Summer School participants
Đại diện đến từ Hoà Bắc, Hoà Vàng, Đà Nẵng và các thành viên Khoá học Mùa hè



© Ngày, 2022

Dr. Chu Manh Trinh presenting at Summer School 2022
TS. Chu Mạnh Trinh trình bày tại Khoá học Mùa hè 2022

Sustainable Forest Management

Quản lý lâm nghiệp bền vững

Gebhard-Warth, University of Tübingen
Gebhard-Warth, Đại học Tübingen

Vietnam's forests have been experiencing gradual widespread degradation and loss of native vegetation over the last few decades (Hansen et al., 2013). This pattern is observable in the Cu Đê River Valley with the dominant Acacia cultivation as the primary forestry activity. Acacia logging is organised in four steps: i) planting the Acacia hybrids; ii) a five-year growth period; iii) harvesting by clearcutting, and iv) burning the leftover bark and twigs to allow the regrowth of the Acacia trees. This process contributes to a decrease in biodiversity, along with a decline in soil fertility and a gradual reduction of production in the long term.

A suitable approach to address the problems posed by unsustainable acacia logging could be sustainable forest management -SFM-, as it is beneficial for both, the farmers and the environment. The purpose of SFM is to implement sustainable practices that improve the socio-economic and environmental value of forestry. Moreover, reducing the global warming effects and ensuring services of supply, culture, and control is possible by guaranteeing well-connected and consistent pillars of sustainability: economic, social, and environmental.

The pragmatic instruments to implement SFM in Cu Đê River Valley focus on the protection of forestry 'through the use' in agroforestry and ecotourism. Agroforestry combines the use of the forest to produce slow-growing high-value wood with food, non-food goods and livestock farming. The successful implementation of this approach relies on the possibilities of commercialisation of forestry and livestock products in the local markets.

Rừng Việt Nam đang dần bị suy thoái trên diện rộng và có khả năng mất thảm thực vật bản địa trong vài thập kỷ qua (Hansen và cộng sự, 2013). Thực trạng này có thể quan sát thấy ở lưu vực sông Cu Đê với hoạt động lâm nghiệp chính là trồng keo. Việc khai thác keo trải qua các giai đoạn: i) trồng keo lại; ii) giai đoạn tăng trưởng 5 năm; iii) thu hoạch, iv) đốt vỏ cây và cành cây còn sót lại. Quá trình này làm suy giảm đa dạng sinh học, giảm độ phì nhiêu của đất và giảm dần sản lượng trong dài hạn.

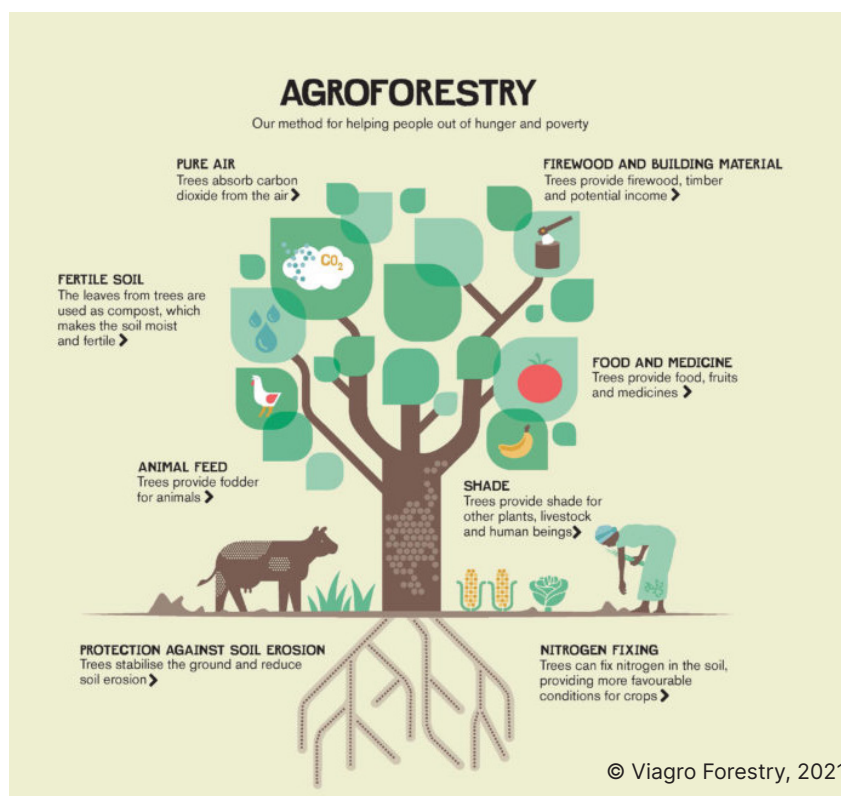
Một cách tiếp cận phù hợp để giải quyết vấn đề khai thác keo không bền vững là quản lý lâm nghiệp bền vững, vì nó mang lại lợi ích cho người dân và môi trường. Mục đích của quản lý lâm nghiệp bền vững là thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện giá trị kinh tế - xã hội và môi trường của hoạt động lâm nghiệp. Ngoài ra, việc đảm bảo tính bền vững cho các trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường sẽ góp phần làm giảm tác động biến đổi khí hậu và đảm bảo các dịch vụ cung ứng, hoạt động văn hóa và quá trình giám sát.

Các công cụ cần thiết để thực hiện quản lý lâm nghiệp bền vững ở lưu vực sông Cu Đê tập trung vào việc vừa khai thác vừa bảo vệ rừng trong hoạt động nông lâm kết hợp và du lịch sinh thái. Nông lâm kết hợp là giải pháp tận dụng rừng để trồng cây lâu năm có giá trị cao kết hợp với sản xuất thực phẩm, hàng hóa phi thực phẩm và chăn nuôi gia súc. Khả năng thương mại hóa các sản phẩm lâm nghiệp và chăn nuôi tại địa phương giúp đảm bảo sự thành công của phương pháp này.



© Gebhard Warth, 2019

Acacia plantations before harvest and after burning for regrowth
Rừng keo trước và sau khi thu hoạch



Agroforestry as a sustainable practice
Giải pháp nông lâm kết hợp bền vững

Agroforestry in Community-Based Tourism

Nông lâm kết hợp trong Du lịch dựa vào Cộng đồng

Although the use of agroforestry is less common than primary old-growth, it contains a much greater number of plant and animal species than business-as-usual forestry. Moreover, agroforestry can contribute to nature-based educational tourism by identifying a set of tours and provision of guides. The SFM tool is an excellent opportunity for promoting forest preservation among communities while allowing financial benefits from the forestry practices; besides controlled timber extraction, the touristic valorisation of forests leads to increasing incomes. By providing direct financial benefits for local inhabitants and forest conservation, positive experiences for both visitors and hosts can be ensured. The ecotourism approach includes minimising the impact on natural resources and raising environmental awareness.

The existing examples of SFM show positive environmental, social, and economic results. In the Philippines, the main objective is the cultural preservation of the indigenous practices while supporting their economic and traditional subsistence and boosting environmental solutions. The establishment of recreational zones within protected forests using native fruit-bearing trees in reforestation contributed to attracting diverse wildlife. By enhancing the tourism and conservation values of botanic gardens, the 300-ha Makiling Botanic Gardens was created within forest reserves, allowing tourists to enjoy trips and raising awareness about the community and nature. Additionally, agroforestry projects provide supplementary livelihoods to local inhabitants.

Strategies to implement SFM in Cu Đê River Valley:

- Increasing the awareness of local communities about sustainable forestry options.
- Identifying traditional knowledge and suitable capacity development activities to allow the transition from the current acacia logging to agroforestry.

Mặc dù giải pháp nông lâm kết hợp ít phổ biến hơn so với trồng rừng nguyên sinh, nó giúp phát triển số lượng lớn các loài động thực vật so với việc trồng rừng chỉ để khai thác kinh tế. Hơn nữa, nông lâm kết hợp còn đóng góp cho du lịch giáo dục dựa vào tự nhiên bằng cách xác định các tour du lịch và hướng dẫn viên cho hoạt động này. Công cụ quản lý lâm nghiệp bền vững giúp thúc đẩy bảo tồn rừng đồng thời mang lại lợi ích kinh tế từ các hoạt động lâm nghiệp; bên cạnh việc khai thác gỗ có kiểm soát, việc bình ổn giá trị du lịch của rừng còn giúp tăng thu nhập cho người dân. Việc mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp và bảo tồn rừng sẽ đảm bảo trải nghiệm tích cực cho cả du khách và người dân địa phương. Cách tiếp cận du lịch sinh thái bao gồm giảm thiểu tác động đến tài nguyên thiên nhiên và nâng cao nhận thức về môi trường.

Các ví dụ về quản lý lâm nghiệp bền vững đã chứng minh kết quả tích cực về môi trường, xã hội và kinh tế. Ở Philippines, mục tiêu chính là bảo tồn văn hoá bản địa đồng thời phát triển kinh tế và thúc đẩy các giải pháp bảo vệ môi trường. Việc xây dựng tổ hợp giải trí trong khu bảo tồn sử dụng các loại cây ăn quả bản địa để tái trồng rừng đã góp phần thu hút đa dạng các loài động vật hoang dã. Bằng cách nâng cao giá trị du lịch và bảo tồn các vườn thực vật, Vườn bách thảo Makiling (300 ha) được xây dựng trong khu bảo tồn, mang lại cho khách du lịch những trải nghiệm tích cực và giúp nâng cao nhận thức về cộng đồng và thiên nhiên. Ngoài ra, các dự án nông lâm kết hợp còn mang lại các hoạt động sinh kế khác cho người dân địa phương.

Các chiến lược thực hiện quản lý lâm nghiệp bền vững ở lưu vực sông Cu Đê:

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về lâm nghiệp bền vững.
- Xác định kiến thức truyền thống và các hoạt động nâng cao năng lực phù hợp để chuyển đổi từ khai thác cây keo sang nông lâm kết hợp.

- Reducing language barriers and possible prejudices against alternative forest use, thus increasing the potential for developing ecotourism as an SFM tool.
- Existing available infrastructure, beautiful landscapes and already established community-based activities are a good starting point for the successful implementation of SFM.
- Giảm rào cản ngôn ngữ và định kiến đối với việc sử dụng rừng thay thế, từ đó tăng tiềm năng phát triển du lịch sinh thái như một công cụ quản lý lâm nghiệp bền vững.
- Cơ sở hạ tầng, cảnh quan và các hoạt động dựa vào cộng đồng hiện có là nền tảng cho việc thực hiện thành công giải pháp quản lý lâm nghiệp bền vững.

Agroforestry education in the Summer School 2022

Hoạt động Giáo dục Nông lâm kết hợp trong Khóa học Mùa hè 2022



Strategies for Sustainable Agriculture

Chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững

Sebastian Romuli, University of Hohenheim

Sebastian Romuli, Đại học Hohenheim

Existing global challenges related to the agriculture sector include adaptations and mitigations of the effects of climate change, biodiversity loss, and the growing demand for food, while the agricultural sector is responsible for the loss of endangered species, 23% of greenhouse gas emissions, and 70% of freshwater use (IPCC, 2019). These challenges led to the search for efficient solutions in agriculture and farming to foster the gradual transition toward sustainability.

Sustainable agriculture would improve the development of the sector by producing sufficient food and biomass in a socially and culturally acceptable way while maintaining ecosystem functions and biodiversity. The areas of sustainable agriculture comprise three fields of action: economic, social, and environmental, which are well-connected, consistent, and complementary to each other. Strengthening the 'immune system' with functional biodiversity and improving soil health with organic matter and biological activity are some of the main principles for sustainable food production and farming, as these recycle biomass and minimise water and nutrient loss, leading to increased agriculture efficiency.

The existing sustainable practices include:

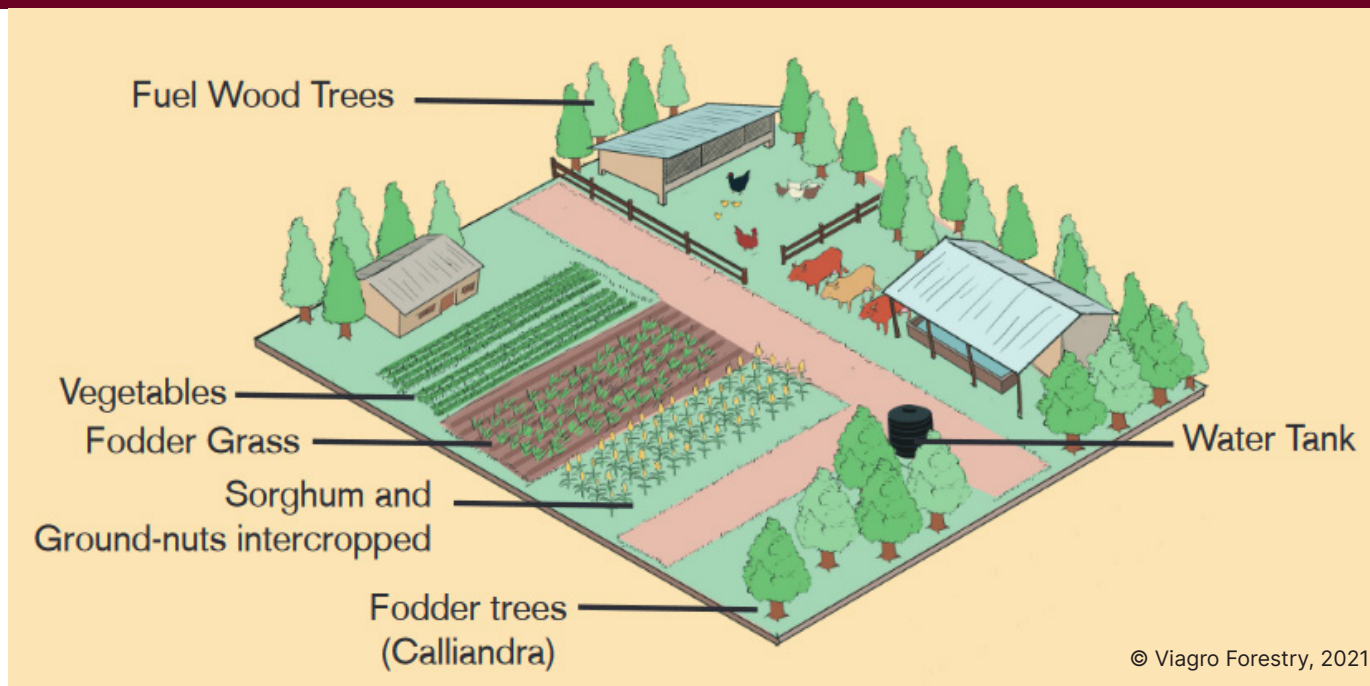
- The use of renewable energies in agriculture can be achieved by greenhouses. Their main purpose is to provide favourable growing conditions and to protect crops from various insects and unfavourable weather, hence, enabling efficient farming. Additional solutions include the implementation of solar-

Thách thức toàn cầu hiện nay liên quan đến ngành nông nghiệp bao gồm thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và nhu cầu lương thực ngày càng tăng, trong đó ngành nông nghiệp chịu trách nhiệm cho nguy cơ tuyệt chủng của một số loài, 23% lượng khí thải nhà kính và 70% lượng nước ngọt sử dụng cho nông nghiệp (IPCC, 2019). Những thách thức này đòi hỏi phải có giải pháp hiệu quả trong nông nghiệp và trồng trọt để thúc đẩy quá trình chuyển đổi theo định hướng bền vững.

Nông nghiệp bền vững giúp cải thiện sự phát triển của ngành nông nghiệp bằng cách sản xuất đủ lương thực và sinh khối cho xã hội trong khi vẫn duy trì các chức năng của hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Nông nghiệp bền vững bao gồm ba lĩnh vực hành động: kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó ba yếu tố này kết nối, nhất quán và bổ sung lẫn nhau. Đa dạng sinh học giúp tăng cường 'hệ miễn dịch', cải thiện chất lượng đất và hoạt động sinh học là một số nguyên tắc chính để sản xuất và canh tác lương thực bền vững. Những nguyên tắc này giúp tái chế sinh khối, giảm thiểu thất thoát nước và chất dinh dưỡng, từ đó tăng hiệu quả hoạt động nông nghiệp.

Các giải pháp nông nghiệp bền vững hiện có bao gồm:

- Sử dụng năng lượng tái tạo trong nông nghiệp nhờ nhà kính. Mục đích chính của sử dụng nhà kính là để đảm bảo điều kiện phát triển thuận lợi và bảo vệ cây trồng khỏi các loại côn trùng và thời tiết bất lợi, tăng hiệu quả canh tác. Các giải pháp bổ sung bao gồm sử dụng máy móc nông nghiệp năng lượng mặt trời như lò sấy năng lượng mặt trời, máy ép trực vít cơ



Sustainable agriculture management

Sustainable agriculture management

- powered agricultural machinery such as solar tunnel dryers, mechanical screw presses and irrigation pumps.
- Organic farming as a holistic production management system that promotes and enhances the agro-ecosystem's health, biodiversity, biological cycles, and soil biological activity. Through various methods, e.g. the use of bio-fertilizers, crop rotation, and animal farming, etc., the transition to sustainable agriculture is more feasible. The aerobic decomposition of organic matter counts as another sustainable technique. Moreover, composting can be performed by mixing carbon-rich materials, i.e. leaves and straw, with nitrogen-rich organic waste and used as a bio-fertilizer.
 - Another strategy for sustainable agriculture involves the combination of agriculture and forestry - named agroforestry. Agroforestry is defined as mixed land uses in the same area that produces different benefits for the complete ecosystem. It can be achieved in three different forms: alley cropping, forest farming, and silvopasture.
 - The successful implementation of crop rotation aims at temporal diversity in farming sequences. It boosts the conservation of nutrients and interrupts the cycle of insects, pests, diseases, and weeds, thus, reducing the need for pesticide and fertilizer use.

học và máy bơm tưới tiêu.

- Canh tác hữu cơ là hệ thống quản lý sản xuất toàn diện nhằm tăng cường hệ sinh thái nông nghiệp, đa dạng sinh học, chu kỳ sinh học và hoạt động sinh học của đất. Quá trình chuyển đổi sang nền nông nghiệp bền vững sẽ hiệu quả hơn khi kết hợp các phương pháp khác nhau, ví dụ: sử dụng phân bón sinh học, luân canh cây trồng, chăn nuôi... Sự phân hủy hiếu khí của chất hữu cơ là một kỹ thuật bền vững khác. Quá trình ủ phân có thể được thực hiện bằng cách trộn các vật liệu giàu carbon, như lá cây và rơm, với chất thải hữu cơ giàu nitơ tạo thành phân bón sinh học.
- Một chiến lược khác để phát triển nông nghiệp bền vững liên quan đến sự kết hợp giữa nông nghiệp và lâm nghiệp - gọi là nông lâm kết hợp. Nông lâm kết hợp là việc sử dụng kết hợp nguồn đất trong cùng một khu vực để tạo ra các lợi ích khác nhau cho hệ sinh thái, bao gồm: hệ thống canh tác trồng xen theo hàng rào cây xanh, canh tác rừng và chăn nuôi dưới tán rừng.
- Thực hiện luân canh cây trồng nhằm đạt được sự đa dạng về thời gian trong trình tự canh tác. Nó giúp giữ nguồn dinh dưỡng cho đất và làm gián đoạn chu kỳ của côn trùng, sâu bệnh, cỏ dại, do đó, giảm nhu cầu sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón.



©Deposit Photos, 2021

Organic Farming

Nông nghiệp hữu cơ

- A similar approach can be found in intercropping method, which includes two or more crop species planted together. Not only does it improve nutrient efficiency, but also helps to regulate pesticide use.
- Conservation tillage, covering crops and mulching practices can prevent soil erosion and increase organic matter in agriculture fields, simultaneously reducing the fluctuation of soil moisture content and temperature.
- Further sustainable practice refers to a mixed crop-animal system. The manure of animals is a well-known organic fertilizer, while animals can contribute to the management of both pests and weeds. Also, the integration of animals helps farmers to diversify their income and enhance economic resilience.
- Pest management through improved ecological networks, which provide habitats for natural enemies of pests, also points out the importance of biological pesticide use and plant extracts.
- Value addition of agricultural products also supports sustainable agricultural practices. Modification or enhancement of raw products into a product with higher market value can improve farmers' livelihoods.
- Phương pháp xen canh, hai hoặc nhiều loài cây trồng được trồng cùng nhau, giúp cải thiện hiệu quả dinh dưỡng và hạn chế việc sử dụng thuốc trừ sâu.
- Canh tác bảo tồn, cây trồng phủ đất, che phủ bề mặt đất canh tác giúp ngăn ngừa xói mòn đất và tăng chất hữu cơ cho đất nông nghiệp, đồng thời làm giảm sự dao động của độ ẩm và nhiệt độ của đất.
- Hệ thống cây trồng vật nuôi kết hợp. Phân của động vật được sử dụng làm phân bón hữu cơ, một số loài động vật giúp kiểm soát sâu bệnh và cỏ dại. Ngoài ra, việc kết hợp hoạt động chăn nuôi giúp nông dân đa dạng hóa thu nhập và tăng cường khả năng phục hồi kinh tế.
- Quản lý dịch hại thông qua việc cải thiện mạng lưới sinh thái, cung cấp môi trường sống cho các loài giúp kiểm soát dịch hại, nâng tầm quan trọng của việc sử dụng thuốc trừ sâu sinh học và sản phẩm có chiết xuất thực vật.
- Tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp cũng góp phần thực hiện nông nghiệp bền vững. Nâng cấp sản phẩm thô thành sản phẩm có giá trị thị trường cao hơn giúp cải thiện sinh kế cho nông dân.



© Asianway Travel 2020

Example of intercropping practices in Vietnam
Ví dụ trồng cây xen canh ở Việt Nam



© The Phnom Penh Post 2022

Example of agrotourism in Vietnam
Ví dụ của du lịch nông nghiệp ở Việt Nam

In order to efficiently implement sustainable development in the agriculture sector, the business model has to be adjusted to the existing challenges. Agrotourism as a development approach for rural communities enables tourists to enjoy farming by combining it with agricultural activities. Agrotourism includes direct and indirect farm experiences such as farm crops, 'farm-to-table' cooking, biking tours, and farmers' markets. This approach promotes community work as well as the diversification of incomes. Promoting connections between farmers leads to a cooperative business model that could define a common goal and vision to share profits. This sustainable, community-based approach improves economic efficiency by lowering expenses on input supplies, simultaneously strengthening the social bond. Agro-entrepreneurship could transform an agricultural

Để thực hiện hiệu quả nông nghiệp bền vững, mô hình kinh doanh phải được điều chỉnh phù hợp với những thách thức hiện có. Du lịch nông nghiệp là một cách tiếp cận phát triển cho các cộng đồng nông thôn trong đó khách du lịch được trải nghiệm công việc đồng áng cùng với người dân. Du lịch nông nghiệp bao gồm các trải nghiệm nông trại trực tiếp và gián tiếp như trồng trọt, chế biến món ăn từ các sản phẩm tự thu hoạch, tham quan bằng xe đạp và phiên chợ địa phương. Cách tiếp cận này thúc đẩy công việc cộng đồng cũng như đa dạng hóa thu nhập. Động lực kết nối giữa những người nông dân giúp phát triển mô hình kinh doanh hợp tác trong đó người tham gia xác định một mục tiêu và tầm nhìn chung để cùng chia sẻ lợi ích. Cách tiếp cận bền vững dựa vào cộng đồng này giúp giảm chi phí nguồn cung ứng đầu vào và củng cố mối quan hệ xã hội, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế.



Organic Farming

Nông nghiệp hữu cơ

idea or vision into a new business.

Sustainable agriculture strategies can find an application in the Cu Đê River Valley. Adequate workshops and training for farmers would effectively improve the farmers' skills and knowledge. Moreover, the existing community-based cooperation practices strengthen the farmers' collaborative work and knowledge sharing about the implementation of new techniques and concepts. The economic value of the agriculture practices should be guaranteed by reducing the costs of basic farming inputs and through the provision of funding from government and non-profit organisations.

Khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp giúp hiện thực hoá một ý tưởng thành một doanh nghiệp mới.

Các chiến lược nông nghiệp bền vững có thể được minh chứng ở lưu vực sông Cu Đê. Các hoạt động hội thảo và tập huấn giúp nâng cao kỹ năng và kiến thức cho nông dân. Sự hợp tác dựa vào cộng đồng giúp củng cố tập thể, chia sẻ kiến thức về kỹ thuật và concept nông nghiệp. Giá trị kinh tế của các hoạt động nông nghiệp cần được đảm bảo bằng cách giảm chi phí đầu vào canh tác cơ bản và kêu gọi sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức phi lợi nhuận.



© Ngày, 2022

Bánh ít as a possible tourism product
Bánh ít – một sản phẩm du lịch ở Hoà Bắc



© Ngày, 2022

Traditional Vietnamese foods
Mâm cơm của người Việt

Solid Waste Management

Quản lý chất thải rắn

Dieter Steinbach, AT-Verband
Dieter Steinbach, Tổ chức AT-Verband

The global growth of tourism leads to an increase in the production of waste. Tourists overload waste management systems, especially in rural destinations or nature areas, with a tendency to travel in seasonal peaks. The different cultural backgrounds of tourists mean various dealing with waste, leading to potential improper waste disposal in the area of destination, and in the long-term - environmental problems. The question arises: how can infrastructure be adapted to deal with material flows that vary over time?

The common approach to waste management in touristic resorts is the recycling method. By reusing paper, plastics, aluminium, glass, etc., energy and production costs can be saved while reducing the negative impacts on the environment. Batteries and further problematic waste can be collected separately if there are respective treatment facilities available. Boosting the tourists' motivation to recycle is guaranteed by improved bin designs and the convenience of use. Moreover, it is necessary to raise awareness about the importance of creating interactive information points for waste disposal.

A different type of waste management is composting organic waste for gardening purposes. This method concerns breaking down organic matter through an aerobic process, which contributes to an increase in soil productivity and plant growth. To ensure proper disposal, special bins for organic waste should be implemented in nearby eating facilities. Furthermore, well-managed composting stations can also produce biogas that could be used in homestays and small restaurants.

Sự tăng trưởng toàn cầu của ngành du lịch dẫn đến sự gia tăng lượng chất thải, gây quá tải hệ thống quản lý chất thải, đặc biệt là ở khu vực nông thôn hoặc điểm tham quan tự nhiên vào mùa cao điểm. Khách du lịch đến từ các nền văn hoá khác nhau đồng nghĩa với việc ý thức xử lý rác thải cũng khác nhau, điều này gây ra tình trạng xử lý rác thải không đúng cách tại các điểm đến du lịch và về lâu dài gây ra các vấn đề môi trường. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để điều chỉnh cơ sở hạ tầng ứng phó với các dòng nguyên vật liệu ngày càng thay đổi theo thời gian?

Tái chế là phương pháp phổ biến để quản lý chất thải tại các khu du lịch. Bằng cách tái sử dụng các vật liệu như giấy, nhựa, nhôm, thủy tinh, v.v., chúng ta có thể tiết kiệm năng lượng và chi phí sản xuất đồng thời giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Pin và chất thải khó phân hủy khác có thể được thu gom riêng nếu có sẵn các phương tiện xử lý tương ứng. Việc đưa vào sử dụng thùng rác có thiết kế độc đáo, đảm bảo tính tiện dụng giúp khuyến khích tinh thần tái chế của khách du lịch. Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tạo ra các quầy thông tin tương tác cho xử lý rác thải.

Một hình thức quản lý chất thải khác là ủ chất thải hữu cơ sử dụng cho mục đích trồng trọt. Phương pháp này liên quan đến việc phân hủy chất hữu cơ thông qua quá trình hiếu khí, góp phần làm tăng năng suất đất và tăng trưởng thực vật. Để đảm bảo xử lý chất thải đúng cách, các thùng rác hữu cơ nên được lắp đặt gần các cơ sở ăn uống. Ngoài ra, các trạm ủ phân hữu cơ được quản lý tốt giúp sản xuất khí sinh học sử dụng trong hộ gia đình và nhà hàng quy mô nhỏ.



© Heineken Vietnam, 2018.

Example of solid waste management in Vietnam
 Một ví dụ về việc quản lý chất thải rắn ở Việt Nam

The final approach to waste management is waste prevention and reuse. Prevention and management strategies can be designed by using one or a combination of various measures. The main principle of this strategy is to emphasize the benefits for the environment for tourists. Refillable drinking bottles, returnable mugs, and reusable bags have been gaining significance with successful implementation in many countries.

Cách tiếp cận cuối cùng để quản lý chất thải là ngăn ngừa và tái sử dụng chất thải. Các chiến lược phòng ngừa và quản lý chất thải được thiết kế bằng cách sử dụng một hoặc kết hợp nhiều biện pháp khác nhau. Nguyên tắc chính của chiến lược này là nhấn mạnh với khách du lịch về lợi ích của việc quản lý chất thải đối với môi trường. Nhiều ý tưởng như chai nước dùng nhiều lần, cốc nước có thể trả lại và túi tái sử dụng được triển khai hiệu quả ở nhiều quốc gia, mang lại ý nghĩa tích cực trong công cuộc quản lý chất thải bảo vệ môi trường.



© Ngày, 2022

Hand woven baskets that can be reused by tourists
 Giỏ đan thủ công có thể tái sử dụng

Wastewater Treatment Systems

Hệ thống xử lý nước thải

Mona Möller, Ostfalia University of Applied Sciences
Mona Möller, Đại học Khoa học Ứng dụng Ostfalia

Wastewater treatment refers to the technologies necessary to remove contaminants from wastewater and convert it into clean effluents that can be returned to the water cycle. The existing wastewater treatment can be roughly divided into centralised and decentralised. While the centralised system is characterised by higher efficiency and effortless maintenance, the decentralised system has lower energy costs and can easily adapt to off-the-grid conditions, thus, the recommendation to implement a semi-centralised in the Cu Đê River Valley, with the possibility to treat the wastewater permanently as well as continuously.

Decentralised Wastewater Treatment Systems include:

- The Septic Tank: used primarily for sedimentation and sludge stabilisation, it is designed for household level rather than for the villages, hence avoiding runoff of wastewater into the groundwater. The tank collects wastewater, i.e. black, brown, and greywater, and treats the water through anaerobic degradation.
- Courtyard tank: similar technology to the septic tank, using the V-shaped sedimentation process for primary treatment. As a result, the solids sink to the ground of the tank and fats swim on the fluid.
- Anaerobic filter: serves as secondary wastewater treatment. After successful sedimentation in filtering units, both industrial and municipal wastewater can be discharged. It requires the implementation of one or more filter chambers, each with a fixed bed reactor.

Xử lý nước thải liên quan đến các công nghệ cần thiết để loại bỏ các chất gây ô nhiễm khỏi nước thải và chuyển đổi nó thành nước thải sạch và trở lại vòng tuần hoàn nước. Việc xử lý nước thải hiện tại có thể tạm chia thành tập trung và phi tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được đặc trưng bởi tính hiệu quả cao hơn và dễ bảo trì; hệ thống phi tập trung có chi phí năng lượng thấp hơn và dễ dàng thích ứng với các điều kiện không nổi lười. Hệ thống xử lý nước thải bán tập trung được đề xuất triển khai ở lưu vực sông Cu Đê, với khả năng xử lý nước thải lâu dài và liên tục.

Hệ thống xử lý nước thải phi tập trung bao gồm:

- Bể tự hoại: sử dụng chủ yếu để lắng bùn, được thiết kế phù hợp cho hộ gia đình, hạn chế nước thải chảy vào nước ngầm. Bể thu gom nước thải bao gồm nước đen, nâu và xám và xử lý chúng thông qua quá trình phân hủy kỵ khí.
- Bể sân vườn: công nghệ tương tự như bể tự hoại, sử dụng quá trình lắng hình chữ V để xử lý sơ cấp. Kết quả của quá trình này là chất rắn lắng xuống đáy bể và chất béo nổi trên chất lỏng.
- Lọc kỵ khí: đóng vai trò xử lý nước thải thứ cấp. Nước thải công nghiệp và nước thải đô thị được thải ra ngoài sau quá trình lắng đọng trong các thiết bị lọc. Hệ thống này đòi hỏi phải có một hoặc nhiều buồng lọc, mỗi buồng có một lò phản ứng cố định.

- Anaerobic baffled reactor: to treat domestic and industrial wastewater with a low BOD/COD ratio, the anaerobic baffled reactor is used. Wastewater is forced to flow through the sludge, which must be removed regularly. Dissolved and suspended solids are anaerobically decomposed.
- Constructed wetlands and ponds: feed wastewater onto the soil after the constituents have gone through the physical, chemical, or biological degradation process. The soil around is planted with marsh plants in constructed wetlands. The water flow depends on the chosen surface, e.g. horizontal subsurface flow, and vertical subsurface flow. The construction of ponds also allows solids to be settled into the ground.
- Bể kỵ khí vách ngăn: để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp có tỷ lệ BOD/COD thấp. Nước thải chảy qua lớp bùn được loại bỏ thường xuyên. Các chất rắn hòa tan và lơ lửng được phân hủy kỵ khí.
- Đất ngập nước kiến tạo và ao nhân tạo: đưa nước thải vào đất sau khi trải qua quá trình phân hủy vật lý, hóa học hoặc sinh học. Các loại cây đầm lầy được trồng ở vùng đất xung quanh khu vực này. Lưu lượng nước phụ thuộc vào bề mặt được chọn, ví dụ: dòng chảy dưới bề mặt nằm ngang và dòng chảy dưới bề mặt thẳng đứng. Việc xây dựng ao nhân tạo cũng cho phép các chất rắn lắng xuống đất.

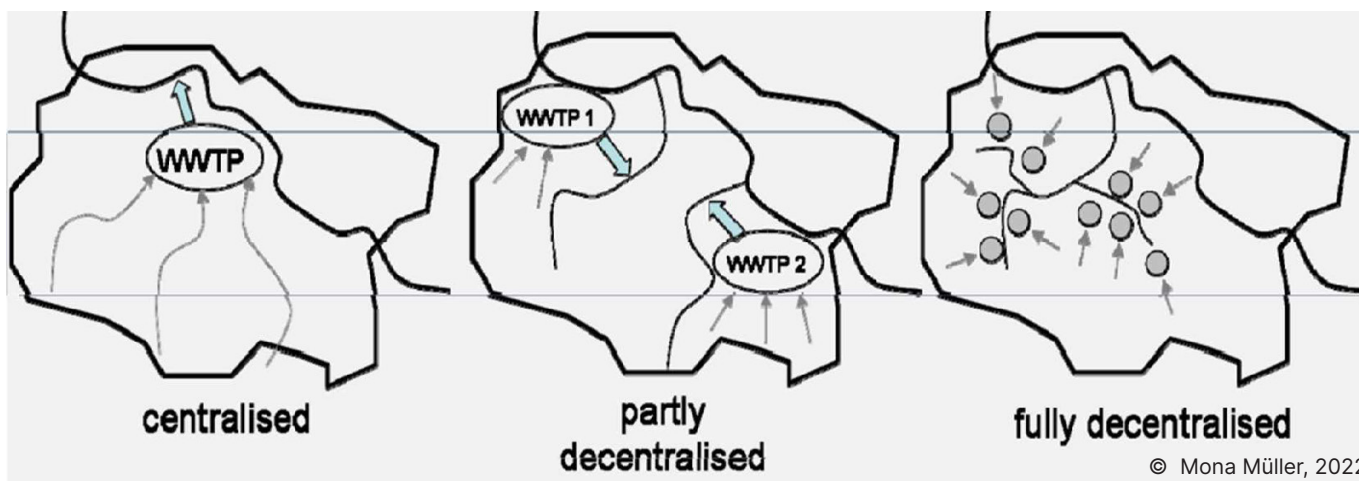


Illustration of centralised, partly-centralised and fully decentralised wastewater treatment systems
 Hình minh họa cho hệ thống xử lý nước thải tập trung, bán phần và phi tập trung

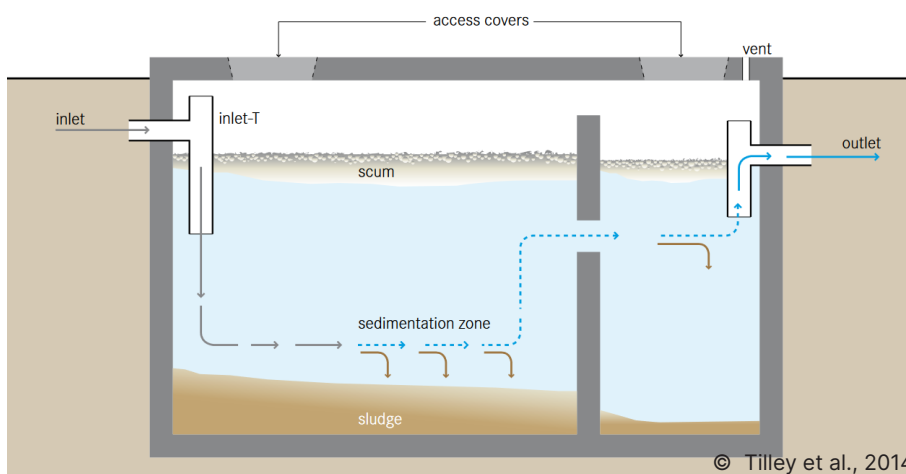
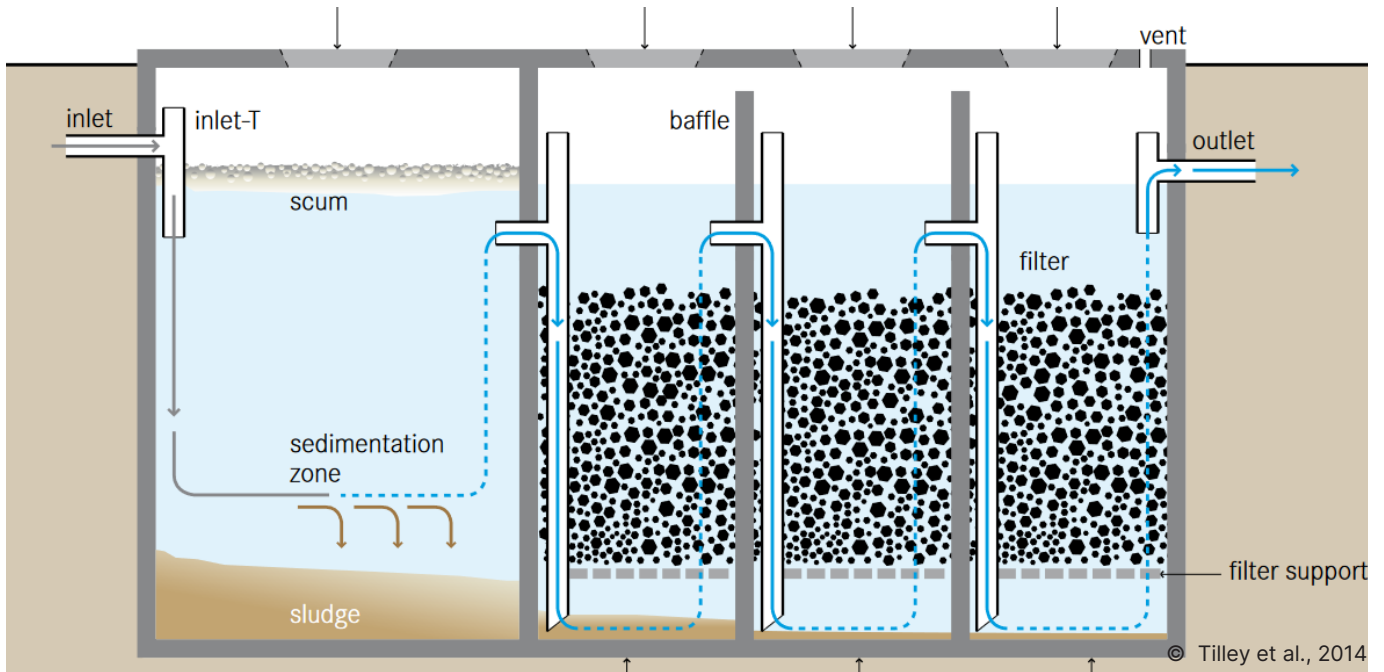
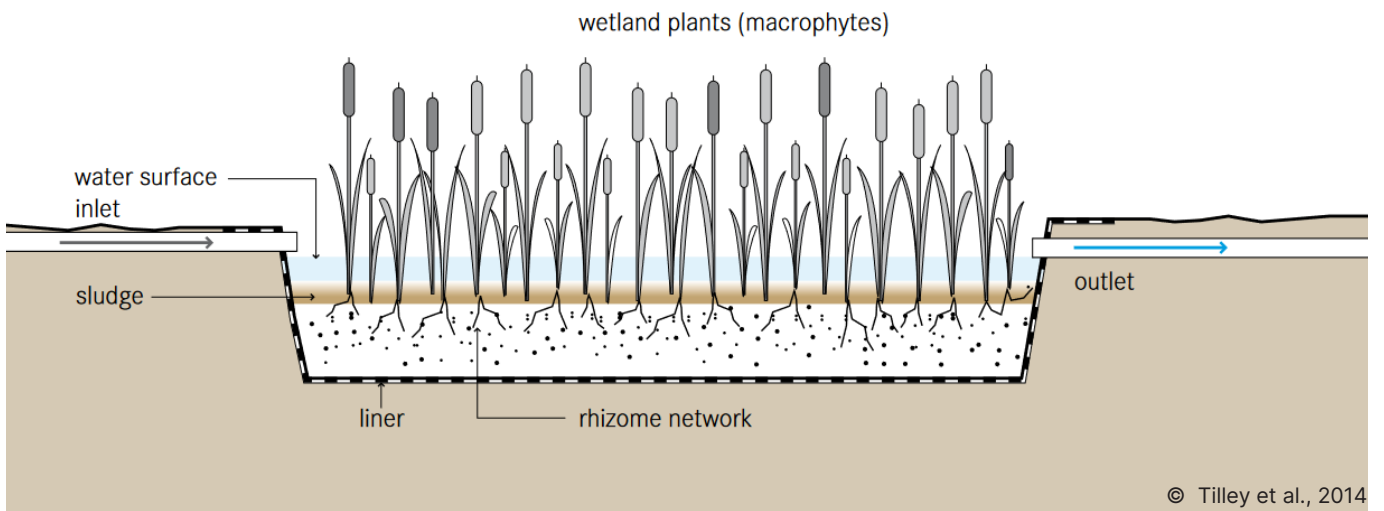


Illustration of a septic tank
 Hình minh họa bể tự hoại



Anaerobic filter wastewater treatment system
 Hệ thống xử lý nước thải lọc kỵ khí



Constructed wetlands wastewater treatment system
 Hệ thống xử lý nước thải đất ngập nước kiến tạo



Implementing Sustainable Tourism in Hòa Bắc

Du lịch Bền vững tại Hòa Bắc

Prof. Trang Phan, CELC/Danang Architecture University

ThS. Phan Trần Kiều Trang, Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng
– Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

The Community Engaged Learning Centre – Danang Architecture University (CELC) has become a bridge to improve the quality of education, helping students connect communities, develop skills in community engagement, and create meaningful opportunities to build campus–community relationships. Within 4 years of operation, CELC has encouraged collaboration among 5 faculties, more than 20 lecturers, 2000 students, and 15 community partners in applying knowledge that fulfils pedagogical objectives and meets community needs via academically based or co-curricular.

The general objectives of the CELC are to support the local people in developing community-based tourism, conserve forest resources, and improve livelihoods. The activities coordinated in tourism development in Hòa Bắc include teaching, workshops, exhibitions, Summer School, and conferences, among others. Although students from DAU have many different majors, they have a common goal of supporting the community to improve tourism capacity and boost the landscape and architecture in the area.

Through intercultural experiences, the students learn from the community and, in exchange, propose potential factors for tourism development, for instance, by designing brochures to introduce ethnic group communication products. Organised workshops to support the community's needs result in many proposed designs and strategies. By arranging conferences, the voice of the community is brought to the government, aiming to enhance their role in contributing ideas to the development of the city through community-

Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng (CELC - DAU) đóng vai trò là cầu nối nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, giúp sinh viên phát triển kỹ năng, gắn kết với cộng đồng, đồng thời giúp xây dựng quan hệ đối tác cộng đồng - trường đại học. Hơn 4 năm hoạt động, Trung tâm đã kết nối 5 khoa thuộc trường và 15 đối tác cộng đồng trong việc thực hiện mô hình CEL, đáp ứng mục tiêu học tập và giúp giải quyết nhu cầu của cộng đồng.

Mục tiêu chung của CELC là hỗ trợ người dân địa phương phát triển du lịch dựa vào cộng đồng, bảo tồn tài nguyên rừng và cải thiện sinh kế. Các hoạt động được phối hợp thực hiện trong dự án phát triển du lịch ở Hòa Bắc bao gồm giảng dạy, workshop, hội thảo, triển lãm và Khóa học Mùa hè... Sinh viên Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng tham gia các hoạt động này thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau nhưng đều có chung mục tiêu là hỗ trợ cộng đồng nâng cao năng lực du lịch và thúc đẩy phát triển cảnh quan, kiến trúc khu vực.

Thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, sinh viên học hỏi từ cộng đồng, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch, ví dụ như thiết kế ấn phẩm truyền thông gắn với yếu tố văn hoá dân tộc. Bên cạnh đó, nhiều phương án thiết kế và chiến lược phát triển du lịch cũng được đề xuất trong các hội thảo để hỗ trợ phát triển cộng đồng. Việc tổ chức các hội thảo như vậy cũng là cơ hội để nâng cao vai trò của cộng đồng trong quá trình đóng góp ý kiến vì sự phát triển của thành phố thông qua du lịch cộng đồng.

based tourism.

The successful implementation of sustainable tourism in Hòa Bắc is limited by capacity development, difficulties in coordination between the community and stakeholders, and high activity dependency on weather conditions. However, both local authorities and the community express an enthusiastic willingness to cooperate and participate in proposed activities. Ensuring regular and continuous initiatives in Cu Đê River Valley could contribute to further community development in the area. Additionally, the co-management mechanism, including all interest sides such as government, private sectors, scientists, and community, is a prerequisite for operating a sustainable community-based tourism model.

Việc tổ chức mô hình du lịch bền vững ở Hòa Bắc gặp một vài hạn chế do các vấn đề về phát triển năng lực, sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa cộng đồng và các bên liên quan cũng như sự phụ thuộc vào điều kiện thời tiết. Tuy nhiên, cả chính quyền địa phương và cộng đồng đều bày tỏ mong muốn sẵn sàng hợp tác và tham gia vào các hoạt động được đề xuất. Việc đảm bảo các sáng kiến được đề xuất thường xuyên và liên tục ở lưu vực sông Cu Đê cũng góp phần vào sự phát triển của cộng đồng. Ngoài ra, cơ chế đồng quản lý, bao gồm tất cả các bên như chính quyền, đơn vị tư nhân, nhà khoa học và cộng đồng, là điều kiện tiên quyết để vận hành hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng bền vững.

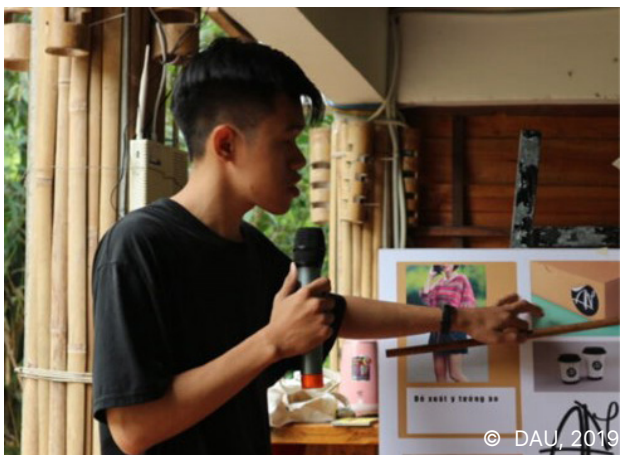


Community Engaged Learning Centre
Trung tâm Học tập Gắn kết Cộng đồng

© DAU, 2022



Brochures for marketing cultural tourism products
Ấn phẩm đồ họa quảng bá sản phẩm Du lịch Văn hóa



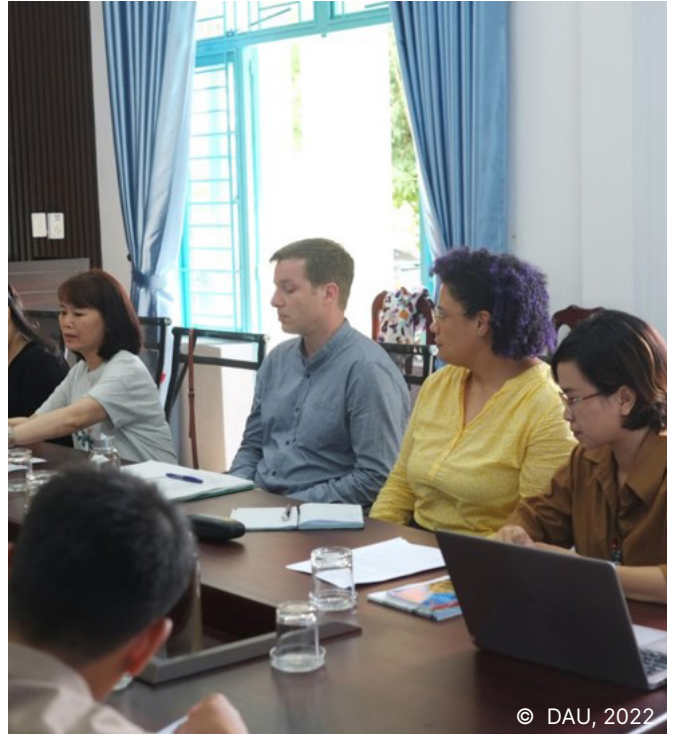
Brand identity design for Homestays in Hòa Bắc
 Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu cho các cơ sở lưu trú tại Hòa Bắc



Conference of community tourism network in Da Nang and Quang Nam
 Hội thảo về mạng lưới du lịch cộng đồng tại Đà Nẵng và Quảng Nam



© Susana Restrepo Rico, 2022



© DAU, 2022



© Ngày, 2022

Co-management mechanisms in the Cu Đê River Valley
 Cơ chế đồng quản lý ở lưu vực sông Cu Đê





© Trang Phan, 2019



© Trang Phan, 2019



© Trang Phan, 2019

Knowledge-sharing activities
Các hoạt động chia sẻ kiến thức



Tourism Development of Da Nang City to 2030, Vision to 2045

Định hướng phát triển Du lịch Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Hoang Ngoc Thanh, Da Nang Tourism Department
Hoàng Ngọc Thành, Sở Du lịch Thành phố Đà Nẵng

Over the past years, tourism in Da Nang became the key economic sector in the city and ranked first in the Vietnam tourism competitiveness index in 2021. Recently, the city was honoured as “Top Asia’s Festival and Event Destination” at the “World Travel Awards” in Asia and Oceania 2022. However, there are many existing difficulties and challenges in the tourism sector, including environmental protection, high pressure on infrastructure, security for tourists, and food safety, among others. The increased number of accommodation providers, dependence on some international tourism markets, and the COVID-19 pandemic have severely affected tourism, leading to a need to overcome existing challenges and prepare necessary scenarios, solutions, and action plans for future risks.

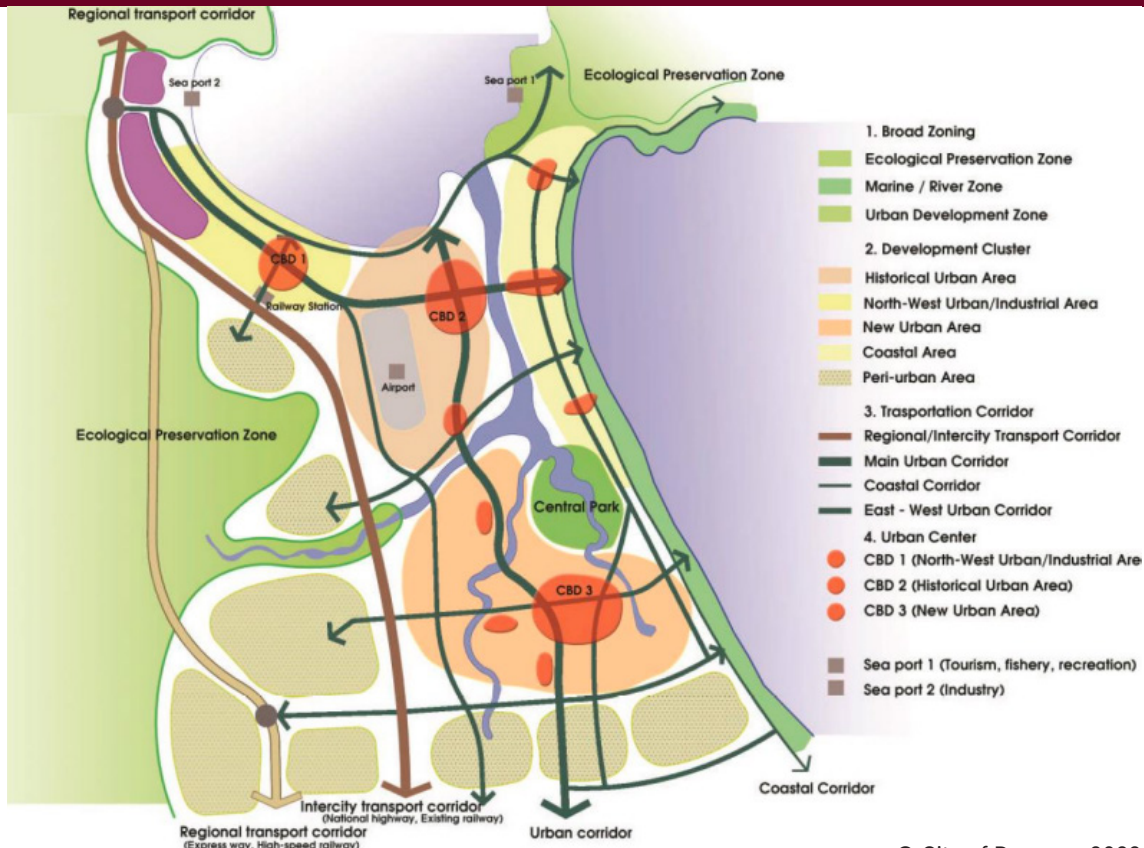
The general goal for Da Nang 2030 is to transform the city into a centre of tourism and high-quality services, an innovative destination in Vietnam and Southeast Asia. The vision for 2045 seeks to develop the city as the top tourist destination in Asia, with luxurious, creative beach resorts, and eco-resort centres for international conferences, events, and festivals.

Furthermore, the vision for 2045, identifies four tourism areas, namely, beach, mountain, urban, and connecting area, along with the definition of the tourism market structure to implement new functional touristic spaces. To establish a well-functioned tourism business, the vision addresses the provision of human resources, investment funds, promotion campaigns, cooperation opportunities, and digital transformation.

Trong những năm qua, du lịch đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Đà Nẵng và đứng đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh du lịch tại Việt Nam trong năm 2021. Mới đây, Đà Nẵng đã được vinh danh là “Điểm đến Lễ hội và Sự kiện hàng đầu châu Á” tại “Giải thưởng Du lịch Thế giới” ở Châu Á và Châu Đại Dương 2022. Tuy nhiên, du lịch Đà Nẵng vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, bao gồm các vấn đề về bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng, an ninh cho khách du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm... Sự gia tăng về số lượng nhà cung cấp dịch vụ lưu trú, sự phụ thuộc vào một số thị trường du lịch quốc tế cũng như ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng đến ngành du lịch, từ đó dẫn đến nhu cầu cấp bách là cần có những giải pháp nhằm vượt qua thách thức hiện tại, chuẩn bị các kịch bản, kế hoạch hành động ứng phó với các rủi ro trong tương lai.

Mục tiêu chung đến năm 2030 của Thành phố Đà Nẵng là trở thành trung tâm du lịch cung cấp dịch vụ chất lượng cao và là điểm đến sáng tạo của Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á. Tầm nhìn cho đến năm 2045 là thành phố trở thành điểm đến du lịch hàng đầu Châu Á với các khu nghỉ dưỡng ven biển sang trọng, các khu nghỉ dưỡng sinh thái, trung tâm tổ chức hội nghị, sự kiện và lễ hội quốc tế.

Hơn thế nữa, tầm nhìn cho đến năm 2045 của thành phố xác định bốn khu vực du lịch, bao gồm du lịch bãi biển, du lịch núi, du lịch đô thị và khu vực kết nối; đồng thời định nghĩa về cấu trúc thị trường du lịch nhằm xây dựng các không gian du lịch với chức năng mới. Tầm nhìn cũng đề cập đến các yếu tố cần thiết để hình thành một trung tâm

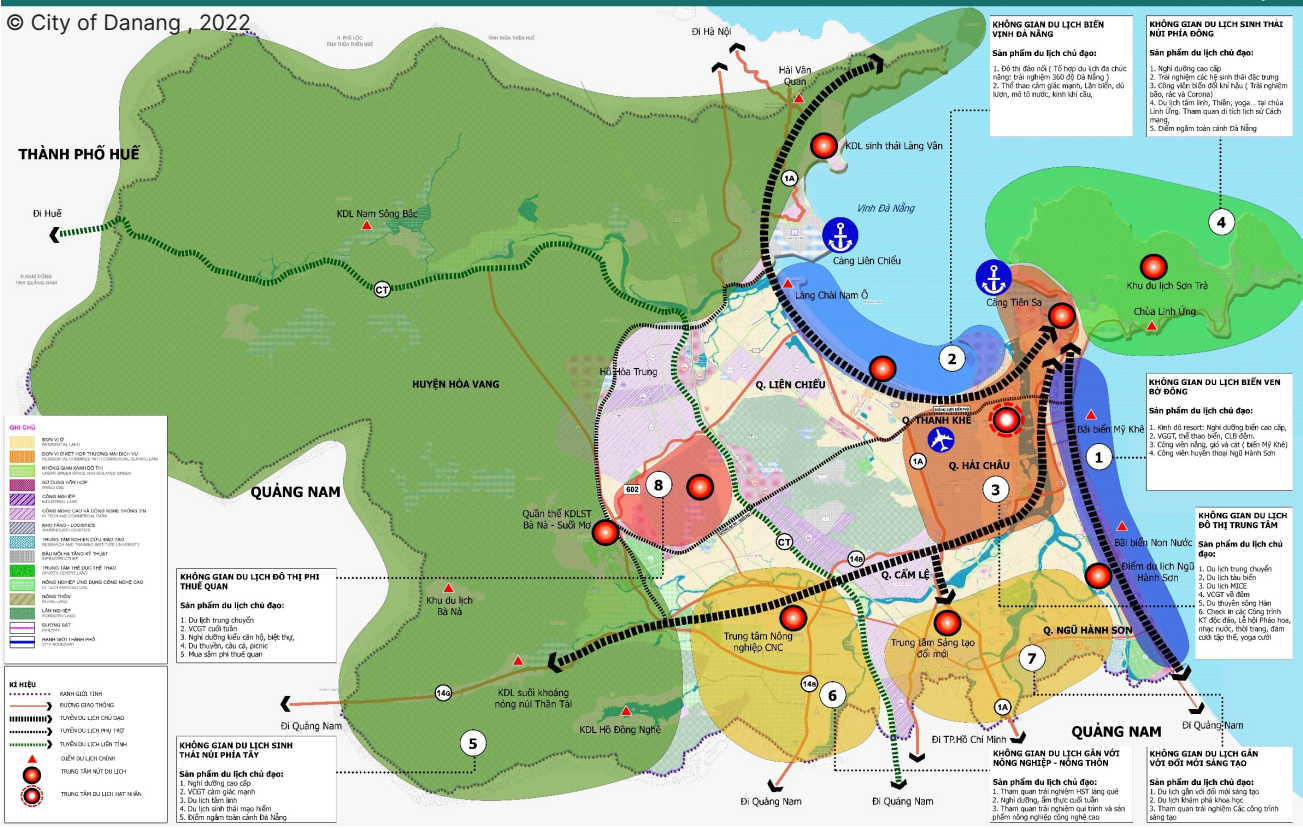


© City of Danang , 2022

Tourism Development Master Plan for Da Nang City
Quy hoạch tổng thể về định hướng phát triển du lịch của thành phố Đà Nẵng

CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

© City of Danang , 2022



Map showing vision for development for tourism spaces for 2045
Bản đồ thể hiện tầm nhìn về phát triển các không gian du lịch đến năm 2045

Additionally, five main development goals were formulated for Da Nang City:

- Systematisation: to harmoniously develop tourism in the general planning system at national and local levels; inherit the approved plans and related projects.
- Sustainability: to develop Da Nang's tourism based on harmonising socio-economic, environmental, security and defence goals; harmonise the interests of the community, industries, organisations, and businesses involved in the tourism value chain; balance between short-term and long-term interests
- Cooperation: to link interdisciplinary, inter-regional, and inter-seasonal space management, and products to create new tourism products.
- Creativity: to raise awareness in resource exploitation, assessing the value of resources from a multi-dimensional and comprehensive perspective; to diversify and save resources, save investment costs and reduce damage to the environment
- Flexibility: compliant but not rigid, to adjust to the changes in the global socio-economic context, climate change, epidemics, security, and politics to form tourism development strategies, policies, and plans promptly that are flexibly adapting in each period.

The general goal for Da Nang 2030 is to transform the city into a centre of tourism. The Orientation for Tourism Development of Danang City to 2030 strategic plan comprises ten fields of action, including:

- The implementation of tourist space on the Danang East Coast.
- Design international standard luxury resorts and forms a night economic centre and tourism services.
- The water facilities are planned with water entertainment areas (Hoang Sa - Vo Nguyen Giap - Truong Sa), water music performances, beach cinemas, international beach sports, and cultural events.
- Developing central urban tourism space to create urban tourism associated with the history of Da Nang city focused on culture and history along the Han River.
- In Da Nang Bay, the goal is to create tourism space associated with economic activities at night by transforming the city into an

du lịch hoạt động hiệu quả, bao gồm nguồn nhân lực, quỹ đầu tư, chiến dịch quảng bá, cơ hội hợp tác và chuyển đổi số.

Năm mục tiêu phát triển chính được đặt ra cho thành phố Đà Nẵng, bao gồm:

- Tính hệ thống: phát triển du lịch một cách hài hòa trong hệ thống quy hoạch chung cấp quốc gia và địa phương; kế thừa từ các quy hoạch, dự án liên quan đã được phê duyệt.
- Tính bền vững: phát triển du lịch Đà Nẵng trên cơ sở hài hòa các mục tiêu kinh tế - xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng; hài hòa lợi ích của cộng đồng, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị du lịch; cân bằng giữa lợi ích ngắn hạn và dài hạn.
- Tính hợp tác: liên kết nhằm quản lý các sản phẩm và không gian du lịch liên ngành, liên vùng, liên mùa; tạo ra các sản phẩm du lịch mới.
- Tính sáng tạo: nâng cao nhận thức trong việc khai thác tài nguyên, đánh giá giá trị của tài nguyên qua góc nhìn đa chiều, toàn diện; đa dạng hóa và tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm chi phí đầu tư và giảm thiểu tác động đến môi trường.
- Tính linh hoạt: tuân thủ nhưng không cứng nhắc, thích ứng linh hoạt với những thay đổi của bối cảnh kinh tế - xã hội toàn cầu, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh, chính trị; từ đó hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển du lịch kịp thời, linh hoạt và thích ứng trong từng thời kỳ.

Mục tiêu chung của Thành phố Đà Nẵng đến năm 2030 là trở thành trung tâm du lịch hàng đầu Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Định hướng phát triển du lịch của Đà Nẵng đến năm 2030 bao gồm 10 lĩnh vực hành động:

- Triển khai không gian du lịch trên bờ biển phía Đông Đà Nẵng.
- Thiết kế khu nghỉ dưỡng cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế và hình thành trung tâm kinh tế và dịch vụ du lịch về đêm.
- Quy hoạch các khu vui chơi giải trí trên bãi biển (Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa), trình diễn nhạc nước, chiếu phim, các sự kiện văn hóa và thể thao quốc tế.
- Phát triển không gian du lịch đô thị ở trung tâm để hình thành du lịch đô thị gắn liền lịch sử của thành phố Đà Nẵng với trọng tâm là

night economic centre through the development of high-quality entertainment complexes, and resorts along the Nguyen Tat Thanh coastal zone.

- Eastern ecotourism and resort space with an environmental guideline and the proposal of an eco-resort centre in the Son Tra Peninsula and the National Tourism Area in Hoang Sa.
- Western ecotourism space to invest in high-quality eco-tourism areas associated with the western forest ecosystem, including eco-tourism attractions combining adventure sports, learning community culture, history, and education.
- Agricultural and rural tourism would be linked to rural villages, agricultural zones, and hi-tech agriculture, limiting new large-scale development.
- High-end tourism services focusing on the smart tax-free commercial urban. It proposes tourism facilities oriented to specific business activities, such as meetings, incentives, conferences, and exhibitions.
- An interdisciplinary and innovative approach to developing tourism through a sports centre for e-tourism.
- Further development of the Da Nang airport and Tien Sa Port to become the tourist gateway of the Central and Highlands of Vietnam, with modern and smart functional subdivisions, serving tourism 24/7.
- The final field refers to linkages among all the strategies and a tourism network. In the long term, high-end tourism spaces are considered to be built in the direction of investing in artificial floating islands in the bay, in the sea, on the river or the lake using 4.0 technology to create a multi-functional complex.

văn hóa, lịch sử dọc theo sông Hàn.

- Hình thành không gian du lịch tích hợp với hoạt động kinh tế đêm thông qua việc phát triển các tổ hợp khu vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng chất lượng cao ven biển Nguyễn Tất Thành.
- Phát triển không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng phía Đông với tôn chỉ bảo vệ môi trường; đề xuất xây dựng khu nghỉ dưỡng sinh thái tại bán đảo Sơn Trà và Khu du lịch quốc gia tại Hoàng Sa.
- Phát triển không gian du lịch sinh thái phía Tây thông qua đầu tư vào các khu du lịch sinh thái chất lượng cao gắn với hệ sinh thái rừng phía Tây, bao gồm các điểm du lịch sinh thái kết hợp với thể thao mạo hiểm, tham quan tìm hiểu về văn hóa, lịch sử và giáo dục cộng đồng.
- Liên kết mảng du lịch nông nghiệp với các làng, khu nông nghiệp công nghệ cao, hạn chế phát triển các khu mới với quy mô lớn.
- Tập trung phát triển các dịch vụ du lịch cao cấp tại khu đô thị thương mại thông minh không áp thuế. Việc này đòi hỏi các cơ sở du lịch phải hướng tới các hoạt động kinh doanh cụ thể, như hội nghị, hội thảo và triển lãm.
- Phát triển du lịch đa ngành và sáng tạo thông qua một trung tâm thể thao dành cho du lịch trực tuyến.
- Tiếp tục phát triển sân bay quốc tế Đà Nẵng và cảng Tiên Sa trở thành cửa ngõ du lịch của miền Trung và Tây Nguyên Việt Nam, với các khu vực chức năng hiện đại và thông minh, phục vụ du lịch 24/7.
- Liên kết tất cả các chiến lược và mạng lưới du lịch. Theo kế hoạch dài hạn, các không gian du lịch cao cấp sẽ được xem xét và xây dựng theo hướng đầu tư vào các đảo nhân tạo nổi trên vịnh, biển, sông hoặc hồ, sử dụng công nghệ 4.0 để tạo ra một khu phức hợp đa chức năng.



Circular Economy and Community-Based Tourism

Kinh tế tuần hoàn và Du lịch dựa vào Cộng đồng

Dr. Chu Manh Trinh
TS. Chu Mạnh Trinh

The proper approach to community-based tourism requires applying an appropriate economic model. A common method is a linear economy, which consists of non-repetitive linear steps. By enhancing extraction and expanding production, investors aim to get more ingredients and finished products that can be further distributed to consumers. However, an increase in consumption leads, in the long term, to waste production disregarding the ecosystem and community's health. As a consequence, the linear economy model contributes to resource depletion, environmental pollution, and natural disasters, among others.

An alternative to the linear economy is the circular economy, which consists of iterative steps in a closed cycle. The main objective of this approach is to reduce the amount of waste that is delivered to landfills, through the reduce, reuse and recycle processes. These reuse the outputs of the production process and create new raw materials for the next production process.

This integrated management of the waste life cycle results in climate change adaptation, biodiversity conservation, and disease control. The possible transition to a circular economy can be prompted by a socio-ecological transformation. Starting from sustainable extraction of raw materials, through effective management and governance in the production phase, ending in an adequate waste treatment system and classification of waste.

Để phát triển du lịch cộng đồng cần áp dụng mô hình kinh tế phù hợp. Một mô hình phổ biến hiện nay là mô hình kinh tế tuyến tính, bao gồm các bước tuyến tính không lặp lại. Bằng cách tăng cường khai thác và mở rộng sản xuất, nhà đầu tư có nhiều nguyên liệu và thành phẩm hơn để phân phối cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, sự gia tăng sản phẩm tiêu thụ cũng kéo theo sự gia tăng của chất thải và sự lơ là trong công tác bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe của cộng đồng. Kết quả là mô hình kinh tế tuyến tính trở thành một trong những nguyên nhân gây cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, thiên tai và nhiều vấn đề khác.

Một giải pháp thay thế cho mô hình kinh tế tuyến tính là mô hình kinh tế tuần hoàn, bao gồm các bước lặp lại trong một chu trình khép kín. Mục tiêu chính của mô hình này là giảm lượng rác thải thông qua quá trình giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế rác thải. Mô hình này tái sử dụng các chất thải từ quá trình sản xuất trước để tạo ra nguyên liệu mới cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Việc quản lý vòng đời của chất thải giúp cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và kiểm soát dịch bệnh. Khả năng chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn có thể được thúc đẩy bởi quá trình chuyển đổi xã hội - sinh thái. Mô hình này bắt đầu từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên bền vững, thông qua cơ chế quản lý hiệu quả quá trình sản xuất và kết thúc bằng hệ thống xử lý, phân loại chất thải thích hợp.

The Asset-Based Community Development (ABCD) Approach

Cách tiếp cận Phát triển Cộng đồng dựa trên đánh giá nguồn lực (ABCD)

Efficient community development can be conducted through conservation and education. The tight bond between university and community generates many shared benefits. In terms of intangible benefits, advanced scientific knowledge and business experience can be provided by teachers and the private sector, while indigenous knowledge and traditional experiences are provided by local communities. The necessary facilities for promoting capacity building include classrooms and a conference hall from the university side, and tourism-related facilities such as homestays from the community side. Furthermore, the university's learning objectives include sustainable use of natural resources, organic agriculture, natural resources conservation, integrated waste management, climate change, and sustainable tourism. Through knowledge sharing, skills, and abilities diverse capacities and activities are held, resulting in sustainable development. For instance, by providing capacity-building training for residents (knowledge), the creation of environmentally friendly livelihood (skill) together with improved policy outcomes (ability) is guaranteed.

Capacity building and community networks are of great matter in Asset Based Community Development (ABCD) approach. The key goals include a high level of local participation and enabling locals to share their benefits through inclusion in the decision-making process and power redistribution. To identify and develop sustainable assets for tourism products, the cooperation of the host community and strong bonds are required. The ABCD approach emphasises the 'learning by doing' method to improve tourism products and meet customer demand.

Moreover, interconnected resources are at the heart of building a community-based economy for the shared benefit of all, including increasing roles for women to strengthen gender equality throughout the network. Community learning engaged researchers, students, and locals creating 'peer-to-peer' learning resulting in a joint passion for the conservation of nature and culture. This process requires enhanced monitoring and

Phát triển cộng đồng có thể được thực hiện thông qua bảo tồn và giáo dục. Mối liên kết chặt chẽ giữa trường đại học và cộng đồng tạo ra nhiều lợi ích chung. Một trong những giá trị vô hình là giảng viên và các đơn vị tư nhân truyền đạt tri thức khoa học và kinh nghiệm kinh doanh cho cộng đồng, trong khi cộng đồng địa phương cung cấp kiến thức bản địa và kinh nghiệm truyền thống. Cơ sở vật chất cần thiết để thúc đẩy nâng cao năng lực, về phía trường đại học bao gồm các phòng học và hội trường, về phía cộng đồng bao gồm các cơ sở vật chất liên quan đến du lịch như cơ sở lưu trú. Bên cạnh đó, trường đại học có thể tích hợp trong chương trình giảng dạy các nội dung như khai thác và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nông nghiệp hữu cơ, quản lý chất thải tập trung, biến đổi khí hậu và du lịch bền vững. Thông qua việc chia sẻ kiến thức và kỹ năng, các hoạt động nâng cao năng lực được tổ chức một cách đa dạng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Ví dụ, thông qua khóa đào tạo nâng cao năng lực cho người dân (kiến thức), việc tạo ra sinh kế thân thiện với môi trường (kỹ năng) và cải thiện chính sách (năng lực) được đảm bảo.

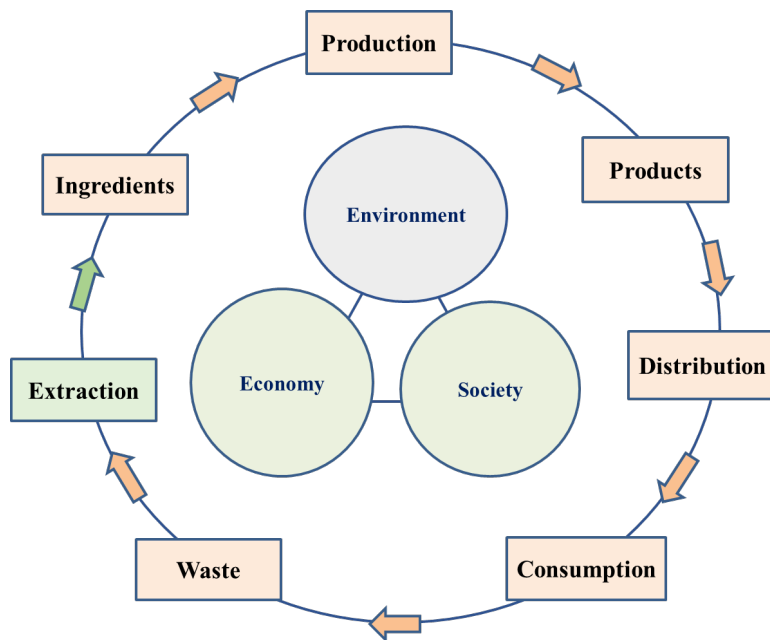
Nâng cao năng lực và mạng lưới cộng đồng đóng vai trò quan trọng Cách tiếp cận Phát triển Cộng đồng dựa trên đánh giá nguồn lực (ABCD). Những mục tiêu chính bao gồm sự tham gia chủ động của cộng đồng và khả năng chia sẻ lợi ích của họ thông qua việc tham gia vào quá trình ra quyết định và phân chia lại tầm ảnh hưởng. Để xác định và phát triển các nguồn lực bền vững cho sản phẩm du lịch, cần có sự hợp tác của cộng đồng địa phương. Cách tiếp cận ABCD nhấn mạnh tầm quan trọng của "giáo dục thực nghiệm" trong việc cải thiện sản phẩm du lịch và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, các nguồn lực được kết nối với nhau cũng là cốt lõi của việc xây dựng nền kinh tế dựa vào cộng đồng, mang lại lợi ích chung cho tất cả các bên, bao gồm cả việc nâng cao vai trò của phụ nữ hướng tới bình đẳng giới trong toàn mạng lưới. Sự tham gia của nhà nghiên cứu cộng đồng, sinh viên và người dân địa phương giúp thúc đẩy tinh thần học hỏi vì mục tiêu chung là bảo tồn thiên nhiên và văn hóa. Quá trình này đòi hỏi sự quản lý và đánh giá chuyên sâu nhằm thu hẹp khoảng

evaluation to cover the knowledge gap between stakeholders leading to improved community development and learning outcomes.

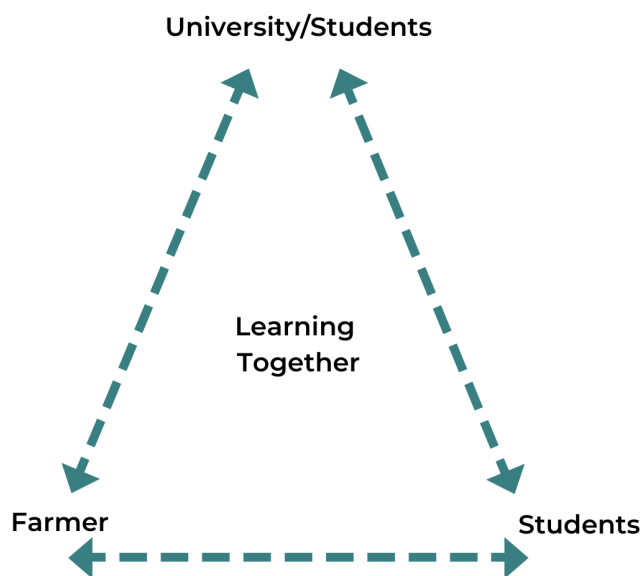
cách kiến thức giữa các bên, hướng đến sự phát triển cộng đồng và kết quả đầu ra học tập.

Diagram illustrating the circular economy
Biểu đồ phân tích mô hình kinh tế tuần hoàn



©Dr. Chu Manh Trinh, 2022

Community engaged learning
Mô hình Học tập Gắn kết Cộng đồng



©Dr. Chu Manh Trinh, 2022



© City of Danang , 2022



© City of Danang , 2022



© City of Danang , 2022



© City of Danang , 2022



© City of Danang , 2022



© City of Danang , 2022

'Peer to peer' learning opportunities
Các chương trình giao lưu, học hỏi kiến thức, kinh nghiệm





© Ngày, 2022



© Ngày, 2022



© Ngày, 2022

Current Community-Based Tourism Offers in Hòa Bắc



Thực trạng Du lịch
cộng đồng
tại Hòa Bắc

Assessment of Current Activities

The communities of Nam Yen, Ta Lang and Gian Bi organised different tourism programmes for all the participants of the Summer School 2022. The communities organised themselves with the coordination of the Nam Yen tourism cooperative and proposed activities in the fields of cultural and ecotourism in the Ta Lang and Gian Bi Villages, and agro-tourism and forestry programmes in the Nam Yen area. The activities were defined and directed by members of the community. In this section, this documentation will present the assessment of the existing tourism programmes, infrastructure and collaboration processes presented by the student in the second week of the Summer School.

The assessment was a collaborative procedure inspired by the World Café methodology where the students identified value elements as well as the areas where change or improvement is needed for each one of the Summer School topics. The students were asked 4 basic questions on each table/topic: i) positive elements; ii) aspects to be improved; iii) aspects to be eliminated;

Đánh giá các hoạt động hiện có

Cộng đồng thôn Nam Yên, thôn Tà Lang và Giàn Bí tham gia tổ chức các hoạt động du lịch khác nhau trong Khóa học Mùa hè 2022. Với sự phối hợp của hợp tác xã du lịch Nam Yên, cộng đồng đã tự tổ chức và đề xuất các hoạt động trải nghiệm văn hóa và du lịch sinh thái tại thôn Tà Lang và Giàn Bí, cũng như các hoạt động du lịch nông nghiệp và lâm nghiệp tại thôn Nam Yên. Các hoạt động này đã được thống nhất và chỉ đạo thực hiện bởi chính các thành viên của cộng đồng. Chương này sẽ trình bày đánh giá về các hoạt động du lịch hiện có, cơ sở hạ tầng và quy trình hợp tác thông qua các bài trình bày của nhóm sinh viên trong Khóa học mùa hè 2022.

Quá trình đánh giá lấy ý tưởng từ phương pháp “World Café”, trong đó sinh viên xác định các yếu tố giá trị cũng như các lĩnh vực cần thay đổi hoặc cải thiện đối với từng chủ đề của Khóa học Mùa hè. Sinh viên được yêu cầu xác định 4 yếu tố cơ bản trong từng chủ đề: i) các nhân tố tích cực cần phát huy; ii) các khía cạnh cần cải thiện; iii) các khía cạnh cần loại bỏ;



Student from Summer School writing and reading notes
Sinh viên tham gia Khóa học Mùa hè

iv) and aspects to be created. All the students could share their opinions in writing and later on, the responsible team summarised and presented the main ideas proposed by the participants. This methodology allows the collection of different kinds of knowledge based on the background of each participant. This assessment approach provides a comprehensive perspective of the current situation of community-based tourism development in the villages.

iv) và các khía cạnh cần tạo mới. Người tham gia đóng góp ý kiến cho các nhóm khác bằng cách viết lên giấy ghi chú. Sau đó, các nhóm tổng hợp và trình bày ý kiến thu được từ người tham gia. Phương pháp này cho phép thu thập nhiều kiến thức khác nhau dựa trên chuyên môn của mỗi thành viên, từ đó hình thành góc nhìn toàn diện về tình hình phát triển du lịch cộng đồng hiện có ở các thôn.



Assessment of Cultural and Ecotourism Activities

Đánh giá các hoạt động Văn hóa và Du lịch sinh thái

The cultural and ecotourism programme was experienced by groups 1 and 2 consisting of students with backgrounds in tourism development, sustainable development, education, infrastructure development, etc.

The communities located in these two villages belong to the Co Tu ethnicity, with different traditions, customs and cultures different to the predominant Kinh ethnicity shared by Vietnamese communities. These different traditions extend to architecture, history, gender interactions, handicrafts, agricultural and culinary traditions. Their culture is based on a codependent relationship with the natural environment and the transfer of traditions, language and customs to younger generations. The cultural tourism programme displayed the Co Tu cultural traits allowing the students to learn about the culture and observe the community closely. Moreover, the beautiful nature surrounding the villages creates a peaceful environment where the possibilities for sustainable living based on community action can be developed.

The Co Tu culture is still alive within the community, however, the younger generations need more motivation to become part of the intergenerational cultural transfer. Implementing capacity building activities for the development of cultural tourism could be a catalyst for promoting interest among the younger population in learning about their own culture as well as methods for transferring that knowledge to the visitors by building story-telling capacities. However, to preserve the Co Tu cultural traditions, these should be recorded and compiled in tangible forms that allow the documentation and safekeeping of the Co Tu history and traditions for future generations.

Furthermore, younger generations could become part of the cultural tourism activities by creating new commercial products from the existing handicrafts to diversify the offer and make innovative handcrafted products more accessible to visitors. In the same way, the younger members of the community could advise the homestay owners about the accommodation facilities that modern visitors would require. With access to the

Nhóm 1 và nhóm 2 tham gia trải nghiệm hoạt động văn hóa và du lịch sinh thái gồm sinh viên chuyên ngành Du lịch, Phát triển bền vững, Giáo dục, Phát triển cơ sở hạ tầng... Cộng đồng ở hai thôn Tà Lang – Giàn Bí là người dân tộc Cơ Tu, có những truyền thống và phong tục khác biệt so với người Kinh - dân tộc chiếm số đông ở Việt Nam. Những nét khác biệt này thể hiện qua lối kiến trúc, lịch sử, phân biệt giới tính, nghề thủ công, canh tác nông nghiệp và ẩm thực. Văn hóa của họ được hình thành dựa trên sự kết nối với thiên nhiên và lưu truyền những giá trị truyền thống, ngôn ngữ và phong tục qua các thế hệ. Hoạt động du lịch văn hóa thể hiện những nét văn hóa đặc trưng của dân tộc Cơ Tu, giúp sinh viên tìm hiểu về văn hóa và quan sát cộng đồng một cách gần gũi. Thêm vào đó, phong cảnh thiên nhiên yên bình ở thôn cũng tạo điều kiện thuận lợi để phát triển lối sống bền vững dựa trên nguyên tắc hoạt động tập thể.

Hiện nay, văn hóa dân tộc Cơ Tu vẫn còn được lưu giữ, tuy nhiên thế hệ trẻ cũng cần tiếp thêm động lực để tiếp tục lưu truyền các giá trị văn hóa truyền thống. Việc triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phục vụ phát triển du lịch văn hóa là yếu tố thúc đẩy thế hệ trẻ tìm hiểu văn hóa cũng như chia sẻ thông tin cho khách du lịch thông qua các câu chuyện. Tuy nhiên, để bảo tồn các giá trị lịch sử văn hóa của người Cơ Tu, những câu chuyện này nên được ghi chép và biên soạn, tài liệu hóa, bảo quản cẩn thận và truyền lại cho thế hệ sau.

Thế hệ trẻ có thể tham gia vào hoạt động du lịch văn hóa bằng cách tạo ra sản phẩm mới từ mô hình sản phẩm thủ công hiện có, làm phong phú thêm cũng như biến tấu sản phẩm sao cho phù hợp thị hiếu của khách du lịch. Tương tự như vậy, những người trẻ cũng có thể tư vấn cho các cơ sở lưu trú về tiện nghi lưu trú cần thiết để phục vụ du khách. Với khả năng sử dụng thành thạo Internet và mạng xã hội, những người trẻ có thể nắm bắt thông tin nhanh chóng - điều mà thế hệ trước khó có thể làm được.

internet and social media, young residents have access to information that older generations do not.

In ecotourism, the cultural and ecological principles intersect, to create a sustainable approach for the implementation of tourism projects coherent with the local conditions and protective of existing resources. In this sense, the traditional architecture of the Co Tu community is a good example of the use of sustainable materials in construction. These traditions could be extended to future tourism facilities and the internal design and distribution of homestays and commercial establishments. The expansion of traditional architecture not only ensures the material and financial sustainability of the villages but also showcases the Co Tu culture and serves as an instrument for the transferability of traditions to younger generations.

Trong du lịch sinh thái, nguyên tắc kết hợp giữa văn hóa và sinh thái tạo nên một cách tiếp cận du lịch bền vững, phù hợp với điều kiện sẵn có của địa phương và bảo vệ nguồn tài nguyên. Theo định hướng này, kiến trúc truyền thống của cộng đồng Cơ Tu là một ví dụ điển hình cho việc sử dụng vật liệu xây dựng có độ bền cao, có tính ứng dụng trong thiết kế nội thất cho các cơ sở du lịch. Việc ứng dụng rộng rãi kiến trúc truyền thống không chỉ đảm bảo tính bền vững về vật liệu và tài chính của thôn mà còn góp phần truyền bá văn hóa Cơ Tu đến thế hệ trẻ.



© Ngày, 2022

Traditional dance from the Co Tu minority group
Điệu nhảy truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số Cơ Tu

CULTURAL TOURISM

POSITIVE

- Interesting culture and story-telling
- Beautiful nature and landscapes
- Ethnic diversity
- Willingness to learn
- Strong social cohesion.
- Potential for sustainable living
- Rich traditional foods
- Iconic architecture
- Regular community meetings
- Existence of homestays.

ELIMINATE

- Garbage burning
- Acacia logging
- Forest fires
- Selling land for other land uses is different to agrotourism.

IMPROVE

- Motivation for self-organisation
- Involvement of youth in tourism development
- Capacity building for community
- Documentation of history and traditions.
- Diversify the offer of traditional handicrafts
- Adopt basic sanitary and infrastructure facilities
- Options for accommodation within the village
- Logistics and organisation for tours and activities
- Keep traditional jobs.

CREATE

- Diversification of incomes from acacia logging and agriculture
- Empowerment and participation of women in the village decisions
- Tourism transportation.
- Showrooms for information, marketing and commercialisation of handicrafts
- Build capacities for tourism services
- Extend traditional architecture to interior architecture
- Raise awareness for environmental protection and cultural preservation.

PHÁT HUY

- Văn hóa và câu chuyện
- Cảnh quan thiên nhiên
- Đa dạng sắc tộc
- Mong muốn học hỏi
- Sự gắn kết xã hội chặt chẽ
- Tiềm năng xây dựng lối sống bền vững
- Ẩm thực phong phú
- Lối kiến trúc mang tính biểu tượng
- Cuộc họp định kỳ có sự tham gia của cộng đồng.
- Cơ sở lưu trú sẵn có

XOÁ BỎ

- Hành vi đốt rác
- Khai thác cây keo
- Hành vi đốt rừng
- Tình trạng bán đất để sử dụng cho mục đích khác với du lịch nông nghiệp.

CẢI THIỆN

- Động lực để tự tổ chức
- Sự tham gia của thế hệ trẻ trong việc phát triển du lịch
- Hoạt động nâng cao năng lực cộng đồng
- Tài liệu hóa các giá trị truyền thống và lịch sử
- Đa dạng hóa các sản phẩm thủ công truyền thống
- Cơ sở vật chất và hệ thống vệ sinh cơ bản
- Loại hình và số lượng cơ sở lưu trú
- Dịch vụ, hoạt động và tour tham quan
- Kế hoạch bảo tồn nghề truyền thống.

TẠO MỚI

- Đa dạng hóa thu nhập từ khai thác cây keo và nông nghiệp
- Trao quyền và nâng tầm ảnh hưởng của nữ giới trong việc đưa ra các quyết định tập thể
- Hệ thống giao thông phục vụ du lịch
- Trung tâm thông tin, quảng bá và trưng bày sản phẩm thủ công
- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cung cấp dịch vụ du lịch
- Kết hợp kiến trúc truyền thống trong thiết kế nội thất
- Ý thức bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa.

The Cu Đê River shapes the beautiful natural landscape in the Hòa Bắc Commune from the mountains where the Ta Lang and Gian Bi villages are located to the vast agricultural plains of Nam Yên, Pho Nam and An Định. The students recognised the abundant natural resources present in all the villages and the potential for these to be used towards sustainable tourism based on eco and educational tourism practices. The Co Tu communities coexist with the forest and the river, hence their economic survival is closely connected with the preservation of the natural environment and the protection of the native flora and fauna.

There is extensive local knowledge among the Co Tu communities about the medicinal plants available in the forest as well as small-scale agriculture processes that at the moment complement their economic activities. The current main economic activity of the Co Tu community is based on acacia logging, which causes not only a risk of forest fires in the mountains but also depletes the soil of nutrients and increases the risk of landslides caused by erosion. Protection of the native forest is a concept that correlates well with ecotourism practices, with the establishment of hiking and trekking routes by the local community where the visitors can enjoy the beautiful natural surroundings, learn about traditional medicinal practices and experience the local culture and traditions with the communities. The educational character of the current tourism activities in the region should be maintained and expanded to include the preservation of cultural traditions, and the protection of the built environment as well as to propose climate change mitigation and adaptation strategies to prevent natural disasters and increase the resilience of the community to the impacts of climate change in their livelihoods and culture.

Within the frame of the Summer School, the community organised itself to provide tours for the students, combined with cultural and educational activities to learn about the medicinal traditions of the Co Tu people.

From these activities, the students could identify several needs for the community, namely, building capacities for the development of ecotourism related to hiking and trekking, including the capacities for local guides and hospitality. Moreover, the students recognised the value in

Sông Cu Đê uốn lượn tạo nên cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp cho khu vực xã Hòa Bắc, trải dài từ những ngọn núi thuộc thôn Tà Lang và Giàn Bí, cho đến những cánh đồng rộng lớn của thôn Nam Yên, Phò Nam và An Định. Sinh viên tham gia Khóa học Mùa hè đã trải nghiệm sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên tại các thôn và tiềm năng phát triển du lịch bền vững trong khu vực thông qua các hoạt động du lịch sinh thái và tour học tập. Đời sống của người Cơ Tu gắn với núi rừng và sông, do đó nền kinh tế của họ gắn bó chặt chẽ với việc bảo tồn môi trường tự nhiên và hệ động thực vật bản địa.

Người Cơ Tu am hiểu về các loại thảo dược trong rừng cũng như quy trình canh tác nông nghiệp quy mô nhỏ để gia tăng thu nhập. Hoạt động kinh tế chính của người dân hiện nay là từ canh tác cây keo, điều này không chỉ gây nguy cơ cháy rừng mà còn làm suy thoái đất, tăng nguy cơ sạt lở do xói mòn. Bảo vệ rừng bản địa là giải pháp phù hợp với du lịch sinh thái, trong đó người dân địa phương thiết lập các tuyến đường đi bộ và leo núi. Nhờ vậy, khách du lịch có thể thưởng lãm khung cảnh thiên nhiên, tìm hiểu về y học truyền thống, trải nghiệm văn hóa địa phương cùng với cộng đồng. Tính giáo dục của hoạt động du lịch hiện có nên được duy trì và mở rộng nhằm mục tiêu bảo tồn giá trị truyền thống và văn hóa, bảo vệ môi trường cũng như đề xuất các chiến lược giảm thiểu biến đổi khí hậu, ngăn ngừa và thích ứng với thiên tai, tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng đối với tác động của biến đổi khí hậu lên sinh kế và đời sống văn hóa của họ.

Trong khuôn khổ Khóa học Mùa hè, cộng đồng đã tự tổ chức các tour tham quan kết hợp với hoạt động văn hóa và học tập để giúp sinh viên tìm hiểu về y học truyền thống của dân tộc Cơ Tu.

Từ những hoạt động này, sinh viên có thể xác định một số nhu cầu của cộng đồng như nâng cao năng lực nhằm phát triển du lịch sinh thái liên quan đến dịch vụ đi bộ đường dài và leo núi; nâng cao năng lực cho hướng dẫn viên địa phương và dịch vụ lưu trú. Bên cạnh đó, sinh viên nhận ra giá trị của các sản phẩm thủ công truyền thống của cộng đồng Cơ Tu, đề xuất đa dạng hóa sản phẩm thành một số mặt hàng có giá trị kinh tế cao hơn, sử dụng hiệu quả các vật liệu dẹt và thủ công, từ đó tăng thu nhập cho cộng đồng, đồng thời tạo cho các sản phẩm có kích thước nhỏ hơn, phù hợp với túi tiền của khách hàng.



© Ngày, 2022

Guided tour of the Hòa Bắc commune
Tour tham quan tại xã Hòa Bắc

the traditional handicrafts produced by the Co Tu community but proposed diversification of the products into several value-added articles that utilise efficiently the textiles and handcrafted materials, increasing the revenue for the community while making the products smaller and more affordable for the customers.

However, the commercialisation of products is difficult if the visitors cannot see them, thus the students propose a community centre where the visitors can learn about the Co Tu community, inform themselves about the tourism offers in the villages and have the opportunity to buy some of the handicrafts. This community centre could have a role in the marketing process of the ecotourism activities as well as in strengthening community cohesion and providing some employment to local guides and residents. Moreover, the community centre could complement the role of the Traditional Co Tu house by exhibiting architecture traditions and collecting documentation about the Co Tu history and customs. This centre could become the local tourist reception area for the Co Tu villages and all activities could be coordinated from this point.

Việc tiếp thị các sản phẩm này hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, do đó, sinh viên đã đề xuất thành lập Trung tâm cộng đồng, nơi khách du lịch có thể tìm hiểu về cộng đồng dân tộc Cơ Tu, các dịch vụ du lịch trong thôn cũng như mua một số sản phẩm thủ công. Trung tâm cộng đồng còn đóng vai trò là nơi giới thiệu các hoạt động du lịch sinh thái, tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng, tạo cơ hội việc làm cho hướng dẫn viên và người dân địa phương. Hơn thế nữa, Trung tâm cộng đồng giúp bổ sung vai trò của nhà Gươl - nơi sinh hoạt truyền thống của người Cơ Tu thông qua việc trưng bày các sản phẩm kiến trúc truyền thống và lưu trữ tài liệu về lịch sử, phong tục của cộng đồng Cơ Tu. Nơi này cũng có thể trở thành khu vực tiếp đón du khách và tổ chức các hoạt động có liên quan.

ECOTOURISM

POSITIVE

- Abundant natural resources: Forests, rivers, mountains, flora and fauna.
- Existing local knowledge about small-scale agriculture, traditional fishing practices and logging processes
- Traditional knowledge about medicinal plants
- Awareness about the need to protect the natural resources.

ELIMINATE

- Inefficient septic tanks
- Garbage burning
- Acacia logging and forest fires
- Plastic consumption and use of natural materials when possible.

IMPROVE

- Develop capacities for experience-based tourism
- Develop value-added products from existing handicrafts.
- Capitalise on the educational principles of ecotourism to further develop ecotourism programmes
- Extend traditional sustainable construction techniques to tourism facilities.

CREATE

- Capacities for tourism services
- Decentralised sanitation and waste collection systems and facilities
- Transport connection to Nam Yen and Da Nang.
- Local transport facilities
- Basic standard sanitation services in the homestays
- Environmental protection practices
- Activities in the house gardens
- Ecotourism activities related to the Cu Đê river.

PHÁT HUY

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú: Rừng, sông, núi, hệ động thực vật
- Kiến thức địa phương về canh tác nông nghiệp quy mô nhỏ, tập quán ngư nghiệp và quy trình khai thác gỗ
- Kiến thức dân gian về cây thuốc
- Nhận thức về sự cần thiết của việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

XOÁ BỎ

- Bể tự hoại không hiệu quả
- Hành vi đốt rác
- Khai thác cây keo và đốt rừng
- Tiêu thụ nhựa và thay thế bằng việc sử dụng vật liệu tự nhiên khi có thể.

CẢI THIỆN

- Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ du lịch trải nghiệm
- Sản phẩm giá trị gia tăng từ các nghề thủ công hiện có
- Nguyên tắc giáo dục về du lịch sinh thái để phát triển chương trình du lịch sinh thái
- Ứng dụng kỹ thuật xây dựng bền vững truyền thống trong các cơ sở du lịch.

TẠO MỚI

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch
- Hệ thống vệ sinh và thu gom chất thải phi tập trung
- Tuyến giao thông kết nối Nam Yên và Đà Nẵng
- Phương tiện giao thông trong khu vực
- Điều kiện vệ sinh tiêu chuẩn tại các cơ sở lưu trú
- Biện pháp bảo vệ môi trường
- Các hoạt động trong nhà vườn
- Các hoạt động du lịch sinh thái gắn với sông Cu Đê.

Assessment of Sustainable Agriculture and Forestry Activities

Đánh giá hoạt động Nông lâm nghiệp Bền vững

One of the common problematic aspects identified by all groups was the proliferation of acacia plantations throughout the valley. Although acacia represents the main income for many households in the commune, this income activity is not sustainable in the long term. The profit from acacia logging reduces substantially with time while the harvesting process has substantial negative impacts on the condition of the flora, fauna and soil. However, as part of the Summer School activities the students could observe examples of sustainable forestry in the An Dinh area, where an agroforestry approach as a combination of timber, fruits and agriculture could complement each other to transform a former acacia plantation into a sustainable forestry approach that provides constant income for the farmer while promoting environmental protection activities. The students also visited an organic farm where they could appreciate the benefits of low-input agriculture and understand the importance of intercropping, agro-biodiversity and crop rotation for the sustainability of the Hòa Bắc commune.

The implementation of organic agriculture practices could provide vegetables and fruits for the local tourism sector along with educational activities for visitors and farmers to develop capacities in transitioning from the common chemical-based agriculture methods to more sustainable agriculture and forestry practices to be implemented in other areas of the province.

For the transferability of these experiences to other agricultural areas in the commune, the community and farmers need to build their capacities in educational activities as well as motivate young farmers to adopt sustainable agriculture and forestry methods. Innovation in sustainable agriculture practices in the form of efficient processes or appropriate mechanisation techniques could be an incentive for younger farmers to implement sustainability principles.

Một trong những vấn đề mà tất cả các nhóm đều chỉ ra đó là sự phổ biến của cây keo trên khắp khu vực. Mặc dù cây keo mang lại nguồn thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình, song hoạt động này không mang tính bền vững lâu dài. Dần dần, lợi nhuận từ việc khai thác keo suy giảm đáng kể, tác động tiêu cực lên hệ động thực vật và đất đai. Sinh viên tham gia Khóa học Mùa hè đã có cơ hội quan sát những ví dụ về lâm nghiệp bền vững tại khu vực An Định - nơi kết hợp trồng xen kẽ cây lấy gỗ, cây ăn trái nhằm biến rừng keo cũ thành khu vực canh tác lâm nghiệp bền vững, mang lại nguồn thu liên tục cho nông dân, đồng thời khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường. Sinh viên cũng tham quan trang trại hữu cơ nhằm đánh giá lợi ích của nông nghiệp ít phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, tìm hiểu về tầm quan trọng của phương pháp xen canh, luân canh và đa dạng sinh học đối với sự phát triển bền vững của Hòa Bắc.

Việc thực hiện nông nghiệp hữu cơ giúp cung cấp rau củ và trái cây cũng như phục vụ các hoạt động du lịch học tập cho khách du lịch và nông dân, từ đó phát triển năng lực, chuyển đổi từ phương pháp canh tác nông nghiệp sử dụng hóa chất sang nông lâm nghiệp bền vững.

Để chuyển giao những kinh nghiệm này sang các khu vực nông nghiệp khác của xã, cộng đồng nói chung và người nông dân nói riêng cần phát triển năng lực thông qua các hoạt động giáo dục, khuyến khích nhà nông triển khai giải pháp nông lâm nghiệp bền vững. Việc cải tiến nông nghiệp bền vững thông qua tối ưu hóa quy trình hoạt động hoặc áp dụng kỹ thuật cơ giới phù hợp giúp khuyến khích thế hệ nông dân trẻ thực hiện sản xuất nông nghiệp bền vững.



© Ngày, 2022

Participants walking through a cassava plantation

Đi qua một vườn sắn

Moreover, the capacity building activities should also promote social cohesion among farmers by implementing knowledge sharing activities where they can exchange their experiences and learn from other farmers about the benefits and challenges of their enterprises. Likewise, the creation of value-added products from raw agricultural produce would increase incomes from agriculture practices. A tourist centre or local market where locals and visitors could learn about agriculture practices and buy value-added products would be beneficial for local revenues as well as for the educational purposes of sustainable tourism.

Sustainable forestry and agriculture practices ensure a future for farmers concerning their incomes. Additionally, these practices can initiate a process of mitigation and adaptation to the impacts of climate change, protecting the livelihoods of all residents in Hòa Bắc. Sustainable forestry has an impact on reducing erosion, flooding, water pollution and the incidence of pests in rural areas.

Bên cạnh đó, việc chia sẻ kiến thức, trao đổi kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau về lợi ích cũng như khó khăn gặp phải khi vận hành doanh nghiệp thúc đẩy sự đoàn kết giữa những người nông dân. Việc tạo ra nông sản có giá trị gia tăng giúp tăng thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp. Một trung tâm thông tin du lịch hoặc chợ địa phương được hình thành sẽ tạo ra không gian để người dân và khách du lịch tìm hiểu về các phương pháp canh tác nông nghiệp, mua bán sản phẩm giá trị gia tăng, từ đó mang lại lợi ích kinh tế, đồng thời hỗ trợ hoạt động học tập nhằm thúc đẩy du lịch bền vững.

Hoạt động nông lâm nghiệp bền vững đảm bảo nguồn thu nhập cho nông dân trong tương lai. Hơn nữa, những hoạt động này là bước đầu để giảm thiểu và thích nghi với các tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ sinh kế cho cư dân khu vực Hòa Bắc. Hoạt động lâm nghiệp bền vững góp phần giảm thiểu xói mòn đất, bão lũ, ô nhiễm nguồn nước và tỷ lệ sâu bệnh ở khu vực nông thôn.

SUSTAINABLE AGRICULTURE AND FORESTRY

POSITIVE

- Low-input agriculture
- Abundant natural and freshwater resources
- High agro-biodiversity.
- Existing organic agricultural products
- Potential for self-supply of agricultural products
- Crop rotation and intercropping
- Presence of agroforestry in the region.

ELIMINATE

- Acacia logging and forest fires
- Misuse of vacant agricultural land
- Use of chemicals and synthetic fertilisers and pesticides.

IMPROVE

- Approaches for mitigation and adaptation to climate change
- Appropriate mechanisation processes
- Expand the farmers' cooperation.
- Produce value-added products from abundant agricultural harvests
- Capacity development for sustainable agriculture and forestry
- Motivation for young farmers to implement sustainable agriculture practices.

CREATE

- Creation of new value-added products
- Marketing of existing organic products and new value-added products through an organic agriculture brand or cooperative
- Promote knowledge sharing among farmers.
- Raise awareness about the importance of sustainable agriculture practices
- Support agrotourism as a form of income generation
- Increase cattle agriculture
- Implementation of composting and organic waste disposal for fertilisers.

PHÁT HUY

- Phương pháp canh tác nông nghiệp ít phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên
- Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú
- Đa dạng sinh học nông nghiệp
- Sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sẵn có
- Tiềm năng tự cung ứng sản phẩm nông nghiệp
- Kỹ thuật luân canh và xen canh
- Hoạt động nông lâm nghiệp kết hợp sẵn có.

XOÁ BỎ

- Khai thác cây keo và đốt rừng
- Tình trạng đất nông nghiệp bị bỏ hoang hoặc sử dụng sai mục đích
- Hóa chất, phân bón và thuốc trừ sâu tổng hợp.

CẢI THIỆN

- Biện pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu
- Quy trình cơ giới hóa phù hợp
- Sự hợp tác giữa các nhà nông
- Nông sản giá trị gia tăng
- Năng lực phục vụ phát triển nông lâm nghiệp bền vững
- Động lực thực hiện nông nghiệp bền vững.

TẠO MỚI

- Sản phẩm giá trị gia tăng mới
- Thương hiệu nông nghiệp hữu cơ hoặc hợp tác xã để quảng bá sản phẩm hữu cơ hiện có và sản phẩm giá trị gia tăng mới
- Chia sẻ kiến thức giữa các nhà nông
- Nhận thức về tầm quan trọng của nông nghiệp bền vững
- Phát triển du lịch nông nghiệp để tăng thu nhập
- Gia tăng chăn nuôi gia súc
- Phân bón từ chất thải hữu cơ.

Assessment of Rural Infrastructure Development

Đánh giá về Phát triển Cơ sở hạ tầng nông thôn

The main aspects to eliminate all community-based tourism activities in the Hòa Bắc commune are related to the provision of public services in the Co Tu villages, especially the lack of garbage collection services that translates into burning non-organic waste products as a method for waste management. This issue not only pollutes the air and the environment but also prevents the implementation of circular economies where plastics and other reusable products can become part of the closed economic cycle and be collected and sold for profit. For a garbage collection system to be successful, the residents have to raise awareness about the need to separate different waste products, and implementation of composting methods to be utilised as agriculture fertilisers in organic practices, thus reducing the amount of waste products going to landfills along with the demand for collection services. In the issue of rural infrastructure development, the involvement of the local government and partnerships with private and community actors are crucial.

Likewise, the villages require investment in public water provision and sanitation networks, to prevent the pollution of the river with runoff and grey wastewater and ensure the quality of the water for human consumption. An emplement! pilot project is underway at the Alan Nu homestay, where a decentralised wastewater collection and treatment system is being constructed to examine the requirements and appropriate system design for the specific conditions of the Hòa Bắc context.

Regarding the infrastructure for tourism, the commune requires information and traffic signs that allow visitors to orient themselves and access the offers in the villages. Access to the villages from and to Da Nang has been done by private transport in the form of motorbikes. To increase the number of visitors to the area the government, in partnership with the community has to find a solution to provide some form of public transport that allows spontaneous travel for interested tourists or arrangement of travel through the members of the community.

Những khía cạnh du lịch cộng đồng tại Hòa Bắc cần xoá bỏ đều liên quan đến việc cung cấp dịch vụ công cộng tại các làng dân tộc Cơ Tu, đặc biệt là sự thiếu hụt dịch vụ thu gom rác thải. Điều này dẫn đến tình trạng người dân đốt các chất thải không phân hủy được gây ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực lên quá trình thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn. Với mô hình này, nhựa và các sản phẩm có khả năng tái sử dụng khác được thu gom, bán lại để thu lợi. Để có một hệ thống thu gom rác hiệu quả, người dân cần phải có nhận thức rõ ràng về phân loại rác và sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ canh tác nông nghiệp, từ đó giảm thiểu lượng rác thải và nhu cầu thu gom rác. Sự tham gia của chính quyền địa phương, các đối tác tư nhân và cộng đồng đóng vai trò cốt lõi trong quá trình phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn.

Các thôn cần đầu tư vào hệ thống cung cấp nước sạch và vệ sinh công cộng, nhằm ngăn ngừa vấn nạn ô nhiễm sông ngòi do nước thải sinh hoạt và nước mưa chứa các chất thải đổ ra, đồng thời đảm bảo nguồn nước sạch cho sinh hoạt. Một dự án thí điểm về xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phi tập trung đang được thực hiện tại homestay Alang Như, nhằm nghiên cứu các yêu cầu và thiết kế hệ thống phù hợp với điều kiện, bối cảnh cụ thể của Hòa Bắc.

Về cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, xã cần lắp đặt thêm các biển báo giao thông, giúp khách du lịch định hướng và tiếp cận với các dịch vụ trong thôn. Việc di chuyển từ các thôn đến Thành phố Đà Nẵng và ngược lại đã trở nên dễ dàng hơn khi sử dụng phương tiện cá nhân như xe máy. Tuy nhiên để tăng lượng khách du lịch, chính quyền địa phương cần phối hợp với cộng đồng để tìm giải pháp, cung cấp phương tiện giao thông công cộng thuận tiện hơn, cho phép khách du lịch tự do di chuyển hoặc có sự hỗ trợ của người dân địa phương.



© Michael Peterek, 2022

Road infrastructure surrounding the Ta Lang tourism centre

Cơ sở hạ tầng giao thông gần Trung tâm thông tin du lịch ở thôn Tà Lang

Also, a part of the infrastructure is the provision of facilities for skill training, knowledge sharing and capacity building. These facilities could be constructed in partnership with the community, using the Co Tu or Vietnamese traditional architecture methods and materials or use the opportunity to introduce innovative construction techniques that implement renewable energy technologies or sustainable materials available in the region; the combination of local and expert knowledge to bring innovation to the commune is essential for the sustainability in the future. Additionally, these collaborative processes strengthen the capacity development processes for the community as well as the local networks for knowledge sharing.

Một trong những lợi ích của việc xây dựng cơ sở hạ tầng là cung cấp cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo kỹ năng, chia sẻ kiến thức và nâng cao năng lực. Các tiện ích này có thể được xây dựng qua quá trình hợp tác với cộng đồng, sử dụng các phương pháp và vật liệu kiến trúc truyền thống của người Cơ Tu hoặc người Kinh, nhân đó giới thiệu các kỹ thuật xây dựng cải tiến, ứng dụng năng lượng tái tạo hoặc vật liệu bền vững sẵn có trong khu vực. Sự kết hợp giữa kiến thức địa phương và kiến thức của chuyên gia trong việc đề xuất những khía cạnh cần đổi mới là điều cần thiết cho phát triển bền vững. Sự kết hợp này cũng góp phần phát triển năng lực cho cộng đồng cũng như mở rộng mạng lưới chia sẻ kiến thức giữa các địa phương.

RURAL INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT

POSITIVE

- There are waste separation processes already in place in the community of Nam Yen
- Fresh water supply
- Good road infrastructure
- Increase in sanitation facilities and decentralised sanitation (septic tanks)
- Awareness about the need for sustainable development and the protection of the environment

ELIMINATE

- Acacia logging and forest fires
- Misuse of vacant agricultural land
- Garbage in public areas
- Runoff going to the river

IMPROVE

- Education about sustainable infrastructure development
- Appropriate waste collection system
- Improve the quality and provision of water.
- Accessibility to the Ta Lang and Gian Bi Villages and the whole commune from Da Nang
- Improve secondary roads.

CREATE

- Public lighting and recreational/cultural facilities
- Implementation of appropriate renewable energy infrastructure facilities
- Water filters in homes and homestays
- Wastewater treatment to prevent river pollution.
- Day tourism facilities: traffic signs, parking and location information, possible activities, commercial areas, restaurants, cafes, walking routes, transport facilities (phone numbers), general maps
- Safety infrastructure along the river for water activities
- Public education facilities.

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN

PHÁT HUY

- Kiến thức về phân loại rác thải đã được phổ biến tại cộng đồng Nam Yên
- Nguồn nước sạch sẵn có
- Cơ sở hạ tầng giao thông tốt
- Các tiện ích và hệ thống vệ sinh phi tập trung (bể tự hoại)
- Nhận thức về nhu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

XOÁ BỎ

- Khai thác cây keo và đốt rừng
- Đất nông nghiệp bị bỏ hoang hoặc sử dụng sai mục đích
- Rác thải ở khu vực công cộng
- Nước mưa kéo theo chất thải đổ ra sông.

CẢI THIÊN

- Tuyên truyền về phát triển cơ sở hạ tầng bền vững
- Hệ thống thu gom rác thải phù hợp
- Chất lượng và nguồn cung cấp nước
- Tuyến giao thông từ TP. Đà Nẵng đến thôn Tà Lang, Giàn Bí và toàn xã Hòa Bắc
- Các nhánh giao thông phụ.

TẠO MỚI

- Hệ thống chiếu sáng công cộng và các tiện ích giải trí
- Các tiện ích, cơ sở hạ tầng sử dụng năng lượng tái tạo
- Hệ thống lọc nước trong hộ gia đình và các cơ sở lưu trú
- Hệ thống xử lý nước thải và ngăn ngừa ô nhiễm sông ngòi
- Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch trong ngày: biển báo giao thông, bãi đỗ xe và thông tin về địa điểm, hoạt động tham quan/trải nghiệm, khu vực mua bán, nhà hàng, cà phê, tuyến đi bộ, tiện ích giao thông (số điện thoại), bản đồ tổng quát
- Cơ sở y tế, cứu hộ dọc sông nhằm đảm bảo an toàn cho khách du lịch tham gia hoạt động dưới nước
- Các tiện ích giáo dục công cộng.

Assessment of the Regional Sustainable Tourism Network

Đánh giá Mạng lưới Du lịch bền vững Vùng

The Summer School brought together not only the Ta Lang, Gian Bi and Nam Yen Communities but also other villages in the Da Nang and Quang Nam provinces, visiting diverse cultural and agrotourism attractions and learning from other farming communities and their efforts to establish community-based tourism. As the main elements for the establishment of the regional sustainable tourism network, the students identified the willingness of the residents to collaborate internally and to learn and build their capacities for the implementation of sustainable tourism projects. This social cohesion must be supported by a multiplicity of local and external actors, especially the local government to provide the access to the necessary knowledge and facilitate the legal frameworks that would allow the implementation of these projects. The involvement of other actors such as NGOs or academic institutions would result in economic support in the form of tourism and visitors as well as giving back to the communities through research results and analyses.

Self-organisation is crucial for community-based development. The Hòa Bắc communities have made a great effort in coordinating and operating the activities for the Summer School inside and outside Hòa Bắc. The success of the Summer School activities is attributable to the strong leadership role that many members of the community took, the close collaboration between the academic and the civil actors, and the support of the provincial government in providing permissions and facilitating the execution of the Summer School.

Central Vietnam is an area with much potential for ecotourism and sustainable recreational activities. The strengths of the region rely on its pristine natural environment and the ethnic diversity present in some of the communities. To protect these elements and enhance the potential for sustainable tourism, these communities need to be more connected in tangible and intangible forms; in other words, the public transport connections between the villages and the cities must be established along with communication channels between the local leaders that allow the

Khóa học mùa hè có sự tham gia của cộng đồng thôn Tà Lang, Giàn Bí và Nam Yên cũng như các cộng đồng khác ở Đà Nẵng và Quảng Nam để cùng tham quan các điểm du lịch văn hóa và nông nghiệp, học hỏi kinh nghiệm và sự nỗ lực trong việc xây dựng mô hình du lịch cộng đồng. Qua đó, nhóm sinh viên nhận thấy rằng tinh thần sẵn sàng học hỏi lẫn nhau, mong muốn được nâng cao năng lực của cộng đồng là những yếu tố then chốt thúc đẩy quá trình xây dựng mạng lưới du lịch bền vững vùng. Mỗi liên kết xã hội này cần được hỗ trợ từ nhiều yếu tố trong và ngoài cộng đồng, đặc biệt là chính quyền địa phương trong việc cung cấp kiến thức cần thiết và tạo điều kiện pháp lý. Sự đồng hành của các tổ chức phi chính phủ, trường đại học cũng là những nhân tố giúp mang lại lợi ích kinh tế và đóng góp vào kết quả phân tích nghiên cứu.

Năng lực tự tổ chức là điều cốt yếu để phát triển cộng đồng. Cộng đồng Hòa Bắc đã rất nỗ lực trong việc phối hợp và tổ chức các hoạt động trong khuôn khổ Khóa học Mùa hè. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo, phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức học thuật và chính quyền địa phương trong việc cấp phép và triển khai các hoạt động cũng là yếu tố góp phần to lớn vào sự thành công của Khóa học.

Miền Trung Việt Nam là khu vực có tiềm năng lớn về du lịch sinh thái và các hoạt động giải trí bền vững khác. Điểm mạnh của khu vực này là thiên nhiên và sự đa dạng về bản sắc dân tộc. Để phát huy thế mạnh và nâng cao tiềm năng du lịch bền vững, cộng đồng cần được kết nối nhiều hơn cả trên hình thức hữu hình và vô hình; nói cách khác, hệ thống giao thông công cộng kết nối các thôn và thành phố cần được thiết lập song hành với các kênh giao giữa các lãnh đạo địa phương, cho phép chia sẻ kiến thức phát triển cộng đồng và phối hợp tổ chức hoạt động du lịch.



© Ngày, 2022

The community centre in Chợ Túy Loan
Điểm du lịch học tập cộng đồng chợ Túy Loan

knowledge sharing for community development and coordination for tourism purposes.

These communication channels could be established through technological methods such as websites; however, the active involvement of the government in supporting this community network becomes essential for its establishment.

A regional network can share information but also inspire the residents to implement new approaches to address issues such as gender inequalities, social services or disaster prevention and management. The regional sustainable tourism network would become an instrument for capacity building in many sectors of knowledge and from a diversity of actors, simultaneously fostering accountability and transparency in the definition, design and implementation of projects and community-based initiatives.

Các kênh giao tiếp này có thể được thiết lập thông qua các nền tảng công nghệ như website; tuy nhiên, sự chủ động của chính quyền là rất quan trọng trong việc hỗ trợ thiết lập mạng lưới cộng đồng.

Thiết lập mạng lưới vùng có thể giúp ích cho việc chia sẻ thông tin, khuyến khích người dân thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phát triển dịch vụ xã hội hoặc phòng chống và quản lý thiên tai. Mạng lưới du lịch bền vững vùng sẽ trở thành một công cụ hữu ích giúp nâng cao năng lực với nhiều kiến thức khác nhau, với sự tham gia của các bên, đồng thời thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và tính minh bạch trong quá trình hình thành dự án và sáng kiến cộng đồng.

REGIONAL SUSTAINABLE TOURISM NETWORK

POSITIVE

- Ethnic diversity
- Preservation of traditions and culture
- Established leadership in the Co Tu community and the Nam Yen village
- Awareness about ecological protection and sustainability
- NGO programmes for environmental protection
- Great environment for recreational and educational activities
- Use of natural sustainable materials: bamboo, straw, composting, palm leaf, etc

ELIMINATE

- Acacia logging processes
- Land use conflicts for agrotourism

IMPROVE

- Communication between the community leaders and the government
- Sharing traditional knowledge among the Co Tu communities present in the Da Nang province and protecting their cultural heritage
- Develop a regional and local network
- Gender inequality
- Engage students, communities and young residents in sustainable tourism activities
- Accountability and transparency of collaborative processes and benefits
- Transport and connections to the urban areas
- Public infrastructure and social services provision, especially waste collection services and implementation of decentralised sanitation system.

CREATE

- Capacities for sustainable tourism, business management and leadership
- Community safety and disaster prevention measures
- Marketing and advertising
- Support from the government for sustainable development
- Capacities for the commercialisation of handicrafts
- Website for information, marketing, and information sharing.

PHÁT HUY

- Đa dạng sắc tộc
- Bảo tồn văn hoá truyền thống
- Năng lực lãnh đạo trong cộng đồng Cơ Tu và thôn Nam Yên
- Ý thức bảo vệ hệ sinh thái và sự bền vững
- Chương trình bảo vệ môi trường của tổ chức phi chính phủ
- Điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục và giải trí
- Sử dụng vật liệu tự nhiên bền vững: tre, rơm, phân bón hữu cơ, lá cọ...

XOÁ BỎ

- Khai thác cây keo
- Xung đột về việc sử dụng đất cho du lịch nông nghiệp.

CẢI THIỆN

- Kết nối giữa lãnh đạo cộng đồng và chính quyền
- Chia sẻ kiến thức và bảo tồn di sản văn hóa cộng đồng dân tộc Cơ Tu sinh sống ở Đà Nẵng
- Mạng lưới vùng và địa phương
- Bất bình đẳng giới
- Sự tham gia của sinh viên, cộng đồng và thế hệ trẻ trong hoạt động du lịch bền vững
- Trách nhiệm giải trình, tính minh bạch trong quá trình hợp tác và chia sẻ lợi ích
- Hệ thống giao thông kết nối với khu vực thành thị
- Cơ sở hạ tầng công cộng và các dịch vụ xã hội, đặc biệt là dịch vụ thu gom chất thải và xây dựng hệ thống vệ sinh phi tập trung.

TẠO MỚI

- Năng lực phục vụ du lịch bền vững, năng lực quản lý doanh nghiệp
- Biện pháp phòng chống thiên tai và đảm bảo an toàn cho cộng đồng
- Tiếp thị và quảng cáo
- Hỗ trợ từ chính quyền để phát triển bền vững
- Năng lực thương mại hóa các sản phẩm thủ công
- Website để truyền thông, tiếp thị và chia sẻ thông tin.

FINAL STUDENT PRESENTATIONS

BÀI TRÌNH BÀY
CỦA CÁC NHÓM
SINH VIÊN



Cultural Tourism | Du lịch Văn hóa

Cultural tourism aims to promote the implementation of sustainable tourism activities that preserve and foster the inter-generational transferability of cultural traditions and customs. Moreover, cultural tourism implemented through a community-based approach can strengthen social cohesion and local identities, enhancing the existing tangible and intangible traditions. The main objectives of the proposed cultural tourism projects in Cu Đê River Valley include:

- Strengthening community-based development.
- Promoting the existing tangible and intangible cultural traditions.
- Promote knowledge sharing and community empowerment.
- Developing capacities among the residents for self-organisation, tourism management and entrepreneurship.

As presented in the analysis, there is cultural diversity among the communities located in the Cu Đê valley, however, only a few local people can provide knowledge-sharing experiences to tourists, while the large format and a limited number of products decrease the possibility of increased incomes. As a result, the students formulated the following projects for developing community-based cultural tourism.

Mục đích của du lịch văn hóa là thúc đẩy các hoạt động du lịch bền vững nhằm bảo tồn và phát huy phong tục truyền thống qua nhiều thế hệ. Du lịch văn hóa được thực hiện thông qua cách tiếp cận dựa vào cộng đồng giúp tăng cường sự gắn kết xã hội và bản sắc địa phương, phát huy truyền thống vật thể và phi vật thể hiện có. Mục tiêu chính của dự án du lịch văn hóa được đề xuất ở lưu vực sông Cu Đê bao gồm:

- Tăng cường sự phát triển dựa vào cộng đồng.
- Phát huy truyền thống vật thể và phi vật thể hiện có.
- Tăng cường chia sẻ kiến thức và trao quyền cho cộng đồng.
- Phát triển năng lực tự tổ chức, quản trị du lịch và khởi nghiệp của người dân.

Như đã trình bày trong phần phân tích, mặc dù có sự đa dạng văn hóa giữa các cộng đồng ở lưu vực sông Cu Đê, chỉ một số ít người dân có thể cung cấp thông tin cho khách du lịch và số lượng sản phẩm du lịch còn hạn chế. Vì thế, các sinh viên đề xuất một số dự án sau đây nhằm mục tiêu phát triển du lịch văn hóa dựa vào cộng đồng.

PROJECT 1

DỰ ÁN 1

PRESERVE AND PROTECT THE CO TU MINORITY CULTURE

BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ CƠ TU

The Co Tu and Kinh traditions and customs are valuable cultural capital for the Hòa Bắc community that promotes diversity and provide a sense of community to the residents. The preservation of the Co Tu culture is essential for community development since it is from their ethnic commonalities that the communities in Ta Lang and Gian Bi understand social interactions, social structures and their connection with the natural environment. Project 1 for cultural tourism has as its objective to preserve the existing cultural traditions of the Co Tu community and motivate young generations to learn and protect their traditions.

Phong tục tập quán của người Cơ Tu và người Kinh là vốn văn hóa vô cùng quý giá của cộng đồng Hòa Bắc, giúp thúc đẩy sự đa dạng và ý thức cộng đồng của người dân. Việc bảo tồn văn hóa dân tộc Cơ Tu là rất cần thiết đối với sự phát triển cộng đồng vì chính những điểm chung trong văn hóa giúp cho cộng đồng Tà Lang và Gian Bi hiểu được sự tương tác, cấu trúc xã hội và sự kết nối của họ với thiên nhiên. Mục tiêu chính của dự án thứ nhất về du lịch văn hóa là bảo tồn văn hóa truyền thống và tạo động lực để thế hệ trẻ tìm hiểu, bảo tồn các giá trị truyền thống này.

PROJECT COMPONENTS

- Acquiring and sharing knowledge about lost traditions and cultural history through meetings with other Co Tu communities in the region.
- Integrate cultural knowledge and traditions in the schools' curriculum.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Thu thập và chia sẻ kiến thức về các nét truyền thống và lịch sử văn hóa đã mất thông qua việc gặp gỡ các nhóm cộng đồng Cơ Tu khác trong khu vực.
- Tích hợp kiến thức và văn hóa truyền thống vào chương trình giảng dạy tại trường học.

Traditional dress for women in the Co Tu culture

Trang phục truyền thống của phụ nữ Cơ Tu



© Susana Restrepo Rico 2022

IMPROVING ACCOMMODATION AND INTERIOR DESIGN IN HOMESTAYS

NÂNG CẤP VÀ THIẾT KẾ NỘI THẤT CHO CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ

The implementation of sustainable tourism activities requires accommodation options in the Cu Đê valley. The creation of homestays requires investment and management skills as well as a stable demand from tourists to create a real possibility of income generation. The offer of accommodation in section B is broad and diverse, however, the offer in Ta Lang and Gian Bi is limited to two homestays, one long-established and well-developed and the other in process of consolidation. The homestay income could allow the abandonment of acacia logging practices for some residents and the transition to a more sustainable form of income. The second project aims at improving accommodation and amenities in homestays. It seeks to showcase the ethnic minority cultural traits and provide jobs to local communities, creating simultaneously diversification in incomes. This way, the local culture is introduced to tourists through the interior design of the homestays, making the tourist feel like a part of the community.

Việc thực hiện các hoạt động du lịch bền vững ở lưu vực sông Cu Đê đòi hỏi phải có nhiều lựa chọn lưu trú. Việc xây dựng các cơ sở lưu trú đòi hỏi sự đầu tư, kỹ năng quản lý cũng như lượng khách ổn định để tạo ra thu nhập cho người dân. Các loại hình lưu trú ở khu B hiện nay khá đa dạng, tuy nhiên ở khu vực Tà Lang – Giàn Bí chỉ giới hạn ở hai cơ sở, một cơ sở đã có từ lâu và đang phát triển tốt, cơ sở còn lại đang trong quá trình cải tạo. Nguồn thu từ các cơ sở này có thể giúp người dân dừng khai thác cây keo và chuyển sang hình thức kinh doanh bền vững hơn. Dự án thứ hai nhằm mục đích cải thiện nơi lưu trú và tiện ích ở các cơ sở lưu trú. Từ đó tạo cơ hội để giới thiệu các đặc điểm văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tạo sinh kế đồng thời đa dạng hóa nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương. Văn hóa địa phương sẽ được phổ biến rộng rãi thông qua việc cải thiện nội thất, giúp khách du lịch có cảm giác thoải mái và gắn kết với cộng đồng trong thời gian lưu trú.



© Sabena Thomas, 2022

**Traditional crafts and interior design
in the Alang Nhu homestay**
Một số sản phẩm thủ công và trang trí
nội thất ở homestay Alang Nhu

PROJECT 2

DỰ ÁN 2

PROJECT COMPONENTS

- Increasing the cultural components in homestays by decorating homestay interiors with locally-made handicrafts, utensils and ethnic pieces.
- Using natural and locally-sourced materials such as bamboo, wood, palm leaves, and rattan for furniture and facilities. As a result, the local natural resources are used, and cultural preservation is enhanced.
- Showcasing the diversity of the local natural environment by growing native species in the homestays as part of the landscape design.
- An additional component involves setting up small marketing corners with handicrafts and introducing them for sales purposes.
- Improvement of the facilities offered by the homestays, including sanitation and collection of waste. The focus on sustainable development has to be ensured, reducing environmental harm through sustainable design in homestays, e.g. recycling bins and reusing water standards.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Gia tăng các yếu tố văn hóa bằng cách sử dụng sản phẩm thủ công trong trang trí nội thất tại các cơ sở lưu trú.
- Sử dụng vật liệu thiên nhiên và có nguồn gốc địa phương như tre, gỗ, lá cọ... để làm các sản phẩm nội thất từ mây tre và vật liệu khác. Nhờ vậy, tận dụng được tài nguyên thiên nhiên địa phương và tăng cường công tác bảo tồn văn hóa.
- Thể hiện sự đa dạng môi trường tự nhiên địa phương thông qua thiết kế cảnh quan khu vực lưu trú với các loại cây trồng bản địa.
- Trưng bày và bán các sản phẩm thủ công.
- Nâng cấp cơ sở vật chất tại cơ sở lưu trú bao gồm hệ thống vệ sinh và thu gom chất thải. Việc tập trung vào sự phát triển bền vững thông qua thiết kế bền vững tại các cơ sở lưu trú như thùng rác tái chế và các tiêu chuẩn tái sử dụng nước, cần được đảm bảo nhằm giảm tác hại lên môi trường.

Homestay in Ta Lang Gian Bi
Cơ sở lưu trú ở thôn Tà Lang – Giàn Bí



© Michael Peterek, 2022

PROJECT 3

DỰ ÁN 3

IMPROVING THE TOURISM CENTRE IN TA LANG CẢI TẠO TRUNG TÂM DU LỊCH THÔN TÀ LANG

The residents have identified cultural and ecotourism as possibilities to complement their incomes and showcase their culture. However, the analysis shows that the activities or initiatives related to culture and ecotourism are scattered throughout the village and it is difficult for tourists to have access to information about these activities. The third project focuses on improving the tourist centre in Ta Lang – Gian Bi to create an open space where tourists can have more information about the Co Tu minority. The main objective of this project is to showcase the culture of the communities in the valley, highlighting local cultural preservation and development of tourism in Hòa Bắc, especially Ta Lang Gian Bi.

Người dân đã xác định du lịch văn hóa và du lịch sinh thái chính là tiềm năng giúp họ cải thiện thu nhập và giới thiệu văn hóa đến du khách. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy các hoạt động hoặc sáng kiến liên quan đến du lịch văn hóa và du lịch sinh thái lại nằm rải rác ở các thôn, khiến khách du lịch khó tiếp cận thông tin về các hoạt động này. Dự án thứ ba tập trung vào việc cải tạo Trung tâm du lịch thôn Tà Lang – Giàn Bí để tạo ra một không gian mở, nơi du khách có thể tìm hiểu về dân tộc Cơ Tu. Mục tiêu chính của dự án này là giới thiệu văn hoá của các cộng đồng trong lưu vực, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo tồn văn hóa địa phương và phát triển du lịch ở Hòa Bắc, đặc biệt là ở hai thôn Tà Lang – Giàn Bí.

Ta Lang tourism centre
Trung tâm du lịch ở thôn Tà Lang



PROJECT 3

PROJECT COMPONENTS

- The renovation of the already existing building and transformation into a tourist centre, so that it can serve as a gathering area for the community, events and information centre managed by local people.
- Promotion and advertisement of local handicraft products through infographics, leaflets, and marketing campaigns on social media.
- Collaboration with travel agencies to organise cultural experience trips.

DỰ ÁN 3

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Cải tạo công trình kiến trúc hiện có thành Trung tâm du lịch do người dân địa phương quản lý để hội họp, tổ chức sự kiện.
- Quảng bá sản phẩm thủ công địa phương thông qua các ấn phẩm đồ họa, tờ rơi và các chiến dịch tiếp thị trên mạng xã hội.
- Hợp tác với các đại lý du lịch để tổ chức các tour trải nghiệm văn hóa.

Community leader at one of the temples in the Cu Đê River Valley
Lãnh đạo cộng đồng đến thăm công trình kiến trúc tâm linh ở lưu vực sông Cu Đê



© Ngày, 2022

Capacity Development Needs for Cultural Tourism

Nhu cầu Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Du lịch Văn hóa

There is a need to create skills for knowledge sharing and learning the Co Tu's native language and traditions. For successful tourism management, the community requires developing new capacities, such as foreign languages, developing an accommodation booking system, and exhibiting some of their traditions and culture in the homestays and accommodations.

Building capacities for business management and tourism services could generate new employment opportunities that could be combined with child care or education activities for women and younger community members, thus balancing gender inequalities and preventing the rural-to-urban migration of the younger population looking for a better economic future in the city. Moreover, the creation of a tourist centre could also serve as a local identity booster, connecting the residents and generating a sense of belonging to the community.

The capacity development process for cultural tourism is strongly based on collaboration among communities and partnerships with academic institutions that could guide the homestay owners on sustainable design and provide design options for the community. These capacities can be created with the support of the local and provincial government to connect communities and create spaces for knowledge exchange; the department of culture to support documentation processes and events to promote Co Tu culture; and external organisations such as NGOs and academic institutions to foster the skill training processes. The target group for this project would be the Co Tu community in the Cu Đê valley, especially the young generation, the students in Ta Lang – Gian Bi villages, Hòa Bắc commune. They should be able to gain knowledge interactively and interestingly from the village leaders or local teachers in Hòa Bắc commune.

Việc hình thành các kỹ năng chia sẻ kiến thức, học hỏi ngôn ngữ bản địa và truyền thống của đồng bào dân tộc Cơ Tu là điều vô cùng cần thiết. Để quản lý du lịch một cách hiệu quả, cộng đồng cần phát triển năng lực mới như: ngoại ngữ, hệ thống đặt chỗ và trưng bày sản phẩm truyền thống tại các cơ sở lưu trú.

Nâng cao năng lực quản trị kinh doanh và các dịch vụ du lịch giúp tạo cơ hội việc làm mới kết hợp với các hoạt động chăm sóc trẻ, tập huấn cho phụ nữ và thanh thiếu niên, từ đó giúp cân bằng giới tính và hạn chế tình trạng di cư từ nông thôn ra thành thị để tìm kiếm cơ hội việc làm. Bên cạnh đó, việc thành lập trung tâm thông tin du lịch giúp thúc đẩy yếu tố bản sắc địa phương, kết nối cư dân và tạo sự gắn kết trong cộng đồng.

Quá trình nâng cao năng lực phục vụ phát triển du lịch văn hóa phụ thuộc vào sự hợp tác giữa cộng đồng và các tổ chức học thuật để tư vấn phương án thiết kế bền vững phù hợp cho các cơ sở lưu trú. Những năng lực này có thể được hình thành với sự hỗ trợ của chính quyền tỉnh và địa phương để kết nối các cộng đồng và tạo không gian để trao đổi kiến thức; ban Văn hóa hỗ trợ tài liệu hoá và tổ chức sự kiện quảng bá văn hóa dân tộc Cơ Tu; các tổ chức khác như tổ chức phi chính phủ và các tổ chức học thuật hỗ trợ thúc đẩy quá trình đào tạo kỹ năng. Đối tượng hưởng lợi của dự án này là cộng đồng dân tộc Cơ Tu ở lưu vực sông Cu Đê, đặc biệt là thế hệ trẻ ở thôn Tà Làng – Giàn Bí, xã Hòa Bắc, giúp họ tiếp thu kiến thức từ các lãnh đạo cộng đồng và giáo viên bản địa một cách thú vị và gần gũi.



© Ngày, 2022



© Ngày, 2022

Collaboration between communities and academic institutions
Sự hợp tác giữa cộng đồng và các tổ chức học thuật

CULTURAL TOURISM

EXISTING CAPITALS

- Communication with other communities
- Acknowledgement of their unique cultural traditions, e.g. language, history, spiritual and culinary customs, etc
- Traditional architecture
- Awareness about the importance of environmental protection
- Sustainable traditional forestry and agriculture practices
- Existing homestays and eagerness to develop cultural tourism offers
- Handicrafts made out of sustainable local materials not available in the city
- Practising artisans
- Hòa Bắc tourism cooperative.

NEEDED CAPACITIES

- Capacities for self-organisation.
- Skill training in multi-stakeholder collaboration
- Capacities for knowledge transfer and documentation of cultural traditions
- Training of teachers for cultural classes.
- Capacities for digital marketing
- Skill training in sustainable tourism services
- Capacities for knowledge transfer (skill training) of traditional handicrafts
- Capacities for small business development
- Capacities for tourism management
- Capacities for waste management
- Skill training in sustainable construction.

NGUỒN LỰC HIỆN CÓ

- Sự kết nối giữa các cộng đồng
- Nhận thức về văn hoá bản địa độc đáo bao gồm ngôn ngữ, lịch sử, văn hoá tâm linh và ẩm thực...
- Kiến trúc truyền thống
- Nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường
- Hoạt động nông lâm kết hợp bền vững
- Cơ sở lưu trú hiện có và nhu cầu phát triển du lịch văn hoá
- Sản phẩm thủ công làm từ chất liệu địa phương
- Các nghệ nhân lành nghề
- Hợp tác xã du lịch Hòa Bắc.

NĂNG LỰC CẦN THIẾT

- Năng lực tự tổ chức
- Tập huấn kỹ năng với sự tham gia của các bên
- Năng lực chuyển giao tri thức và các tài liệu văn hóa truyền thống
- Đào tạo giáo viên cho các lớp học về văn hóa
- Năng lực tiếp thị số
- Tập huấn kỹ năng về dịch vụ du lịch bền vững
- Năng lực chuyển giao tri thức (tập huấn kỹ năng) các sản phẩm thủ công truyền thống
- Năng lực khởi nghiệp
- Năng lực quản trị du lịch
- Năng lực quản lý chất thải
- Tập huấn về xây dựng bền vững.

Proposed Capacity Development Activities for Cultural Tourism

Đề xuất Các hoạt động Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Du lịch Văn hóa

- Regional field trips for cultural exchange among Co Tu communities with the coordination of NGOs and the participation of local and provincial departments to promote inter-departmental collaboration.
- Field trips to communities with developed community-based tourism experiences.
- Storytelling workshops within the Co Tu Communities in the Cu Đê valley to promote inter-generational knowledge transfer, self-organisation and document existing cultural traditions, with the participation of student groups and academic institutions.
- Training seminars for local teachers in Co Tu culture.
- Conducting practice-oriented workshops for community-based tourism management in cooperation with other villages developing community-based tourism.
- English courses for the community.
- Seminars/Courses in Da Nang for business owners.
- Skill training courses for digital marketing for younger residents
- Financial support from the government in access to credit for the acquisition of hardware and software for digital information management and marketing.
- Partnerships with the architecture universities for tourist centre design.
- Public-Private partnerships with construction companies for skill training in sustainable construction and maintenance of traditional architecture.
- Chuyển đi thực địa để giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng Cơ Tu với sự phối hợp của các tổ chức phi chính phủ, sự tham gia của các sở ban ngành tỉnh và địa phương để thúc đẩy hợp tác liên ngành.
- Chuyển tham quan học hỏi các sáng kiến du lịch dựa vào cộng đồng.
- Hoạt động kể chuyện nhằm thúc đẩy sự chuyển giao tri thức giữa các thế hệ, tài liệu hóa các truyền thống văn hóa của cộng đồng dân tộc Cơ Tu tại lưu vực Sông Cu Đê.
- Hội thảo tập huấn giáo viên bản địa về văn hóa Cơ Tu.
- Workshop về quản trị du lịch dựa vào cộng đồng.
- Khóa học tiếng Anh cho cộng đồng.
- Hội thảo/ Khóa học cho các chủ doanh nghiệp.
- Khóa tập huấn tiếp thị số cho thế hệ trẻ.
- Sự hỗ trợ từ chính quyền trong việc tiếp cận gói tín dụng để thực hiện quản lý thông tin và tiếp thị số.
- Sự hợp tác với các trường đại học kiến trúc để thiết kế trung tâm thông tin du lịch.
- Quan hệ đối tác công - tư với các công ty xây dựng để tập huấn về xây dựng bền vững và bảo tồn kiến trúc truyền thống.

GROUP 1: CULTURAL TOURISM

PROJECT 1



PRESERVING AND DEVELOPING OF CULTURAL'S CO TU MINORITY

- SEND REPRESENTATIVES OF THE COMMUNITY TO NAM GIANG TO STUDY AND LEARN ABOUT CULTURAL HISTORY
- INTEGRATE KNOWLEDGE OF LOCAL CULTURE INTO SCHOOL SESSIONS

OPEN TOURIST CENTRE AT TA LANG GIAN BI

- RENOVATE THE EXISTING BUILDING
- SHOW THE HISTORY AND THE CULTURE BY INFOGRAPHICS, BOOKS, ...
- MANAGED BY LOCAL RESIDENTS
- RECEIVE A SMALL SOUVENIR AS A GIFT FOR GETTING A TICKET
- PARTNER WITH LOCAL AGENCIES TO ORGANIZE TOURS
- ADVERTISE THE TOURIST CENTRE



PROJECT 2

PROJECT 3



IMPROVE ACCOMMODATION AND DECORATION IN HOMESTAYS

- DECORATION: WITH HANDICRAFTS, PATTERN, ETHNIC PIECES
- FACILITIES: IMPROVE THE QUALITY OF SERVICE

© emplement!, 2022

Community- Based Ecotourism

Ecotourism is a form of sustainable tourism associated with environmental education and the natural environment. Ecotourism contributes to the conservation and sustainable growth of communities with the active participation of local residents. Native forests with high biodiversity and diverse landscapes provide an opportunity to develop ecotourism, hence complementing local incomes and strengthening their connection with nature. However, the local community still struggles with the quality of public infrastructure and their need to improve their socio-economic condition.

Nevertheless, ecotourism represents a good opportunity to produce income from the forest avoiding the depletion of natural resources while allowing a gradual transition from unsustainable forestry practices to sustainable development. Thus, the ecotourism group proposed as a general objective an approach to sustainable tourism based on nurturing ecotourism. The target groups proposed for this approach are groups of students from diverse educational institutions, families who want to foment love for nature in their children, and individual tourists interested in natural and cultural experiences.

Du lịch Sinh thái dựa vào Cộng đồng

Du lịch sinh thái là một hình thức du lịch bền vững đi kèm với giáo dục môi trường và môi trường tự nhiên. Du lịch sinh thái góp phần bảo tồn và phát triển cộng đồng bền vững với sự tham gia của người dân địa phương. Những cánh rừng bản địa với sự đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên phong phú tạo cơ hội cho phát triển du lịch sinh thái, từ đó cải thiện thu nhập cho người dân cũng như giúp tăng cường kết nối giữa con người và thiên nhiên. Tuy nhiên, cộng đồng địa phương vẫn đang gặp khó khăn về chất lượng của cơ sở hạ tầng công cộng và nhu cầu cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội.

Du lịch sinh thái giúp tạo thu nhập từ những cánh rừng, hạn chế tình trạng cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên đồng thời cho phép chuyển đổi dần sang nông lâm nghiệp bền vững. Do đó, nhóm du lịch sinh thái đã đề xuất hướng tiếp cận du lịch sinh thái để phát triển du lịch bền vững. Đối tượng của dự án này là sinh viên từ các cơ sở giáo dục, các gia đình muốn nuôi dưỡng tình yêu thiên nhiên cho con cái của họ, khách du lịch thích trải nghiệm văn hóa và thiên nhiên.

PROJECT 1

MAPPING THE REGION LẬP BẢN ĐỒ KHU VỰC

Mapping allows communities to learn more about their own environment and understand the potentials and challenges that the area offers, identifying landmarks, hiking routes, areas for protection and areas for tourism development. Mapping is a form of collecting specific information that could be used for many purposes by the community, also serving as an instrument for self-organisation and the implementation of community-based initiatives.

PROJECT COMPONENTS

- Tracking and creation of maps for tours
- Tracks for hiking and guided tours in the forest
- Ecofriendly exploration of the forest and learning about the biodiversity in the area.

DỰ ÁN 1

Việc lập bản đồ cho phép cộng đồng tìm hiểu về môi trường; xác định tiềm năng và thách thức; xác định các địa danh, tuyến đi bộ đường dài, khu vực bảo tồn và khu vực phát triển du lịch. Lập bản đồ là một hình thức thu thập thông tin phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau, đồng thời đóng vai trò là công cụ hỗ trợ để thực hiện các sáng kiến cộng đồng.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Lập bản đồ các tour tham quan
- Thiết kế tuyến đi bộ và tour tham quan rừng
- Khám phá hệ sinh thái rừng và sự đa dạng sinh học trong khu vực.

Map of the region in Chợ Túy Loan Bản đồ khu vực chợ Túy Loan

The community centre in Chợ Túy Loan
Trung tâm cộng đồng chợ Túy Loan



BIODIVERSITY GUIDED TOURS**TOUR THAM QUAN ĐA DẠNG SINH HỌC**

The second project aims to develop guided tours, involving local people, with the involvement of the younger generations, forest conservationists, local authorities, and students. It is necessary to enable visitors to experience different kinds of exploration in the form of organised tours, field trips, or solo travellers. These guided tours would allow visitors to discover wildlife and explore natural landmarks but also learn how to live in harmony with the environment. Consequently, exploring the forest can be an excellent opportunity to educate tourists and raise awareness about the harmful impact of burning acacia plantations and the necessity of developing sustainable forestry methods. Additionally, ecotourism guided tours can be combined with cultural activities, such as learning traditional dances, knitting and weaving, cooking classes, and storytelling, among others.

Dự án thứ hai nhằm mục đích phát triển các tour tham quan với sự tham gia của người dân địa phương, thế hệ trẻ, nhà bảo tồn rừng, chính quyền địa phương và sinh viên. Khách du lịch có thể trải nghiệm các loại hình khám phá khác nhau như tour du lịch, chuyến dã ngoại hoặc du lịch tự túc. Các tour tham quan cho phép khách du lịch khám phá các loài động vật hoang dã, các thắng cảnh tự nhiên cũng như học cách sống hài hòa với thiên nhiên. Từ đó, giúp nâng cao nhận thức về tác hại của việc đốt rừng trồng keo và sự cần thiết của việc triển khai các giải pháp lâm nghiệp bền vững. Ngoài ra, các tour du lịch sinh thái có thể kết hợp với các hoạt động văn hóa như ca múa nhạc truyền thống, đan lát, dệt, các lớp học nấu ăn và kể chuyện...

A biodiversity guided tour during the Summer School

Tour tham quan đa dạng sinh học trong Khoá học Mùa hè



© Ngày, 2022

PROJECT 2

PROJECT COMPONENTS

- Guided tours to explore wildlife and natural habitats for groups.
- Guided tours to the river basin and exploration of native medicinal plants and tea.
- Individual trekking tours.
- Guided research tours for experts.
- Cultural activities combined with guided tours (in collaboration with the cultural tourism activities proposed in the former section).

DỰ ÁN 2

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Tour khám phá môi trường tự nhiên và động vật hoang dã.
- Tour tham quan lưu vực sông và tìm hiểu các loại cây trồng bản địa.
- Tour leo núi và đi bộ đường dài cá nhân.
- Tour nghiên cứu cho các chuyên gia.
- Hoạt động văn hóa kết hợp với tour tham quan.

Mr. Trung leading a biodiversity guided tour
Bác Trung dẫn Tour tham quan đa dạng sinh học



© Ngày, 2022

PROJECT 3

ECO-DEVELOPMENT CENTRE TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN SINH THÁI

The third project aims at designing a gathering place, to share ideas about ecotourism, education or sustainability. Moreover, the place could host many cultural activities, events, and workshops, encouraging everyone regardless of race, age, or gender to participate in the community-development process. During long tourist treks, the location can also serve as a rest spot, where they could find more information about the community, listen to traditional music, and try traditional foods. This cross-cultural experience connects the visitors with villagers and enables a knowledge-sharing environment.

DỰ ÁN 3

Dự án thứ ba nhằm mục đích xây dựng các địa điểm hội họp, chia sẻ ý tưởng về du lịch sinh thái, giáo dục và bền vững. Nơi này còn dành cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, sự kiện và hội thảo nhằm khuyến khích tinh thần bình đẳng về chủng tộc, độ tuổi và giới tính để cùng tham gia vào quá trình phát triển cộng đồng. Trong những chuyến du lịch dài ngày, đây còn là điểm dừng chân cho khách du lịch để tìm hiểu thêm về cộng đồng, thưởng thức âm nhạc truyền thống và đặc sản địa phương. Sự trải nghiệm đa văn hóa này sẽ giúp khách du lịch kết nối với người dân, tạo điều kiện để chia sẻ kiến thức về môi trường.

Example of a possible rest stop for tourists to relax
Một ví dụ về điểm dừng chân dành cho khách du lịch



© Ngày, 2022

PROJECT 3

PROJECT COMPONENTS

- Information and education space for tourists (connecting with the mapping project).
- Space for cultural activities, e.g. spiritual, music and dance.
- Rest stop with bathroom and local foods.
- Spaces for workshops and educational activities.

DỰ ÁN 3

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Không gian giới thiệu thông tin và hoạt động giáo dục dành cho khách du lịch.
- Không gian dành cho các hoạt động văn hóa bao gồm văn hoá tâm linh, âm nhạc.
- Điểm dừng chân có nhà vệ sinh và khu bán sản phẩm địa phương.
- Không gian tổ chức workshop và hoạt động giáo dục khác.

Local Vietnamese foods
Ẩm thực địa phương



© Ngay, 2022

Capacity Development Needs for Community-Based Ecotourism

Nhu cầu Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng

Mapping requires diverse specific knowledge: local knowledge to identify the interesting areas and guide the initial exploration into the forest; skills for tracking in real-time and utilising technological equipment; and specific IT knowledge to transfer the collected data into maps for information and development of activities. With digitalization onwards, the maps could be shared online with downloading possibilities for users to increase convenience. For this reason, it is necessary to supplement the needed capacities. Knowledge about software, planning touristic infrastructure, and routing the hiking tracks require support from local authorities, experts, tourism agencies, or researchers.

The capacity building activities for ecotourism are a progressive learning process starting with the creation of maps with the participation of local authorities; the identification of routes and planning of the hiking experiences, followed by a marketing campaign to attract tourists to the area. Moreover, the routes have to be maintained regularly and extend for different activities over time, thus the importance of the active participation of a multitude of stakeholders such as the government and academic institutions.

The ecotourism field requires a considerable amount of training and preparation of information for the implementation of the project components. Although the project is based on knowledge and has a more intangible character, the activities require capacities in different forms of tourist management to avoid incidents and ensure a pleasant experience for both the visitor and the locals. The knowledge of English language and public speaking ability has to be acquired. Moreover, first-aid training is required for tour guides to provide safe trips. Students and researchers at Da Nang University Medical Technology and Pharmacy can share this capacity.

Việc lập bản đồ đòi hỏi kiến thức chuyên môn đa dạng bao gồm kiến thức địa phương để xác định các địa điểm và đưa ra hướng dẫn cơ bản cho hành trình khám phá rừng; kỹ năng theo dõi thời gian thực và sử dụng thiết bị công nghệ; kiến thức CNTT để chuyển đổi dữ liệu thành bản đồ. Với công nghệ số hóa, các bản đồ có thể được chia sẻ trực tuyến và cho phép người dùng tải xuống thiết bị để tăng tiện ích. Vì lý do này, kỹ năng sử dụng bản đồ là năng lực cần thiết phải bổ sung. Kiến thức về phần mềm, quy hoạch hạ tầng du lịch và định tuyến các tuyến đường bộ đòi hỏi phải có sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, các chuyên gia, các công ty du lịch hoặc các nhà nghiên cứu.

Các hoạt động nâng cao năng lực phục vụ phát triển du lịch sinh thái là một quá trình học tập bắt đầu từ việc lập các bản đồ với sự tham gia của chính quyền địa phương; xác định các tuyến đường và lập kế hoạch cho những chuyến đi bộ đường dài; tiếp theo là chiến dịch tiếp thị để thu hút khách du lịch đến với khu vực. Các tuyến đường cần được bảo trì thường xuyên và mở rộng theo thời gian, do đó sự tham gia chủ động của các bên liên quan như chính quyền và các tổ chức học thuật là rất quan trọng.

Lĩnh vực du lịch sinh thái đòi hỏi một sự đầu tư đáng kể về đào tạo và thông tin cụ thể để triển khai ý tưởng dự án. Mặc dù dự án được thực hiện dựa trên nguồn tri thức và có giá trị vô hình, các hoạt động dự án lại yêu cầu năng lực quản trị du lịch để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo trải nghiệm thú vị cho khách du lịch và người dân địa phương. Việc trau dồi ngoại ngữ, kỹ năng nói trước đám đông là rất cần thiết. Việc đào tạo kỹ năng sơ cấp cứu cho hướng dẫn viên cũng rất quan trọng và Đại học Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng có thể giúp tập huấn kỹ năng này.

Furthermore, to efficiently implement an eco-development centre, the participants, needs, and financial resources must be identified. By engaging architectural students, the site development can be conducted sustainably, with the use of natural resources, such as bamboo, palm leaves, and local timber.

Để Trung tâm phát triển sinh thái vận hành một cách hiệu quả, cần xác định nhân lực, nhu cầu và nguồn lực tài chính. Với sự hỗ trợ của sinh viên Kiến trúc, việc phát triển khu vực này có thể được tiến hành một cách bền vững bằng cách sử dụng vật liệu thiên nhiên như tre, lá cọ và gỗ địa phương trong các phương án thiết kế.



Public speaking abilities as important knowledge to be acquired
Tầm quan trọng của việc thực hành Kỹ năng nói trước đám đông

COMMUNITY-BASED ECOTOURISM

EXISTING CAPITALS

- Vast knowledge about the natural forest by the Co Tu community
- Interesting area for hiking and trekking
- Rich biodiversity in the forest and diversity of natural environments
- Academic institutions interested in the biodiversity of the area.
- Available spaces for a community and tourist information centre in Ta Lang.

NEEDED CAPACITIES

- Technical knowledge for software operation and mapping
- Support for route and activity planning
- Legal support for route planning
- Capacities for tourism management
- Skill training as tour guides
- Capacity building for first aid
- Marketing skills.
- Capacities for knowledge sharing about the forest among the community members
- Language skills
- Collaboration skills with the other villages and the government
- Capacities for tourism management
- Skill for construction and maintenance of facilities, including sanitation.

DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

NGUỒN LỰC HIỆN CÓ

- Kiến thức về rừng tự nhiên của đồng bào dân tộc Cơ Tu
- Khu vực trekking và leo núi
- Tài nguyên rừng phong phú và môi trường tự nhiên đa dạng
- Sự quan tâm của các tổ chức học thuật đối với đa dạng sinh học trong khu vực
- Không gian để xây dựng Nhà văn hóa cộng đồng và Trung tâm thông tin du lịch ở thôn Tà Lang.

NĂNG LỰC CẦN THIẾT

- Kiến thức để sử dụng phần mềm và lập bản đồ
- Sự hỗ trợ để lập các tuyến đường và tổ chức các hoạt động
- Sự hỗ trợ về mặt pháp lý cho việc quy hoạch tuyến đường
- Năng lực quản trị du lịch
- Đào tạo hướng dẫn viên
- Nâng cao năng lực sơ cấp cứu
- Kỹ năng tiếp thị
- Sự chia sẻ những hiểu biết về rừng giữa các thành viên cộng đồng
- Kỹ năng ngôn ngữ
- Kỹ năng hợp tác với chính quyền địa phương và các thôn lân cận
- Năng lực quản trị du lịch
- Kỹ năng xây dựng, bảo trì cơ sở vật chất, bao gồm cả dịch vụ vệ sinh.

Proposed Capacity Development Activities for Community-Based Ecotourism

Đề xuất Các hoạt động Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Du lịch Sinh thái Dựa vào Cộng đồng

- Meetings with the community and local authorities to identify the potential activities in the forest.
- Skill training workshops for mapping activities.
- IT training for digitalisation and marketing.
- Field trips in the forest for mapping.
- Tourism management workshops in collaboration with the other villages.
- Field trips to observe other ecotourism offers in the region. Peer-to-peer exchange.
- Public-private partnerships for tourism marketing seminars.
- Skill and language training for the tour guides.
- First aid workshops for the community.
- Community workshops for knowledge sharing about the local flora.
- Workshops with architecture students for architectural advice.
- Peer-to-peer skill training for construction with sustainable materials, i.e. bamboo, rattan, palm leaves, and local timber (Connection to Nam Yen).
- Skill training in the implementation of decentralised infrastructure.
- Seminars and skill training for tourism management.
- Language and tour guide training.
- Public-private partnerships for financing and construction support.
- Làm việc với cộng đồng và chính quyền địa phương để xác định các hoạt động khám phá có thể tổ chức trong rừng.
- Workshop lập bản đồ.
- Tập huấn kiến thức CNTT về số hóa và tiếp thị.
- Chuyển đi thực địa trong rừng để lập bản đồ.
- Workshop quản trị du lịch với sự phối hợp của các thôn lân cận.
- Chuyển tham quan học hỏi hoạt động du lịch sinh thái ở các cộng đồng khác trong khu vực.
- Quan hệ đối tác công - tư cùng tổ chức các hoạt động quảng bá du lịch.
- Tập huấn kỹ năng ngôn ngữ và hướng dẫn tour.
- Workshop sơ cấp cứu cho cộng đồng.
- Workshop chia sẻ kiến thức về hệ thực vật địa phương.
- Workshop tư vấn thiết kế kiến trúc.
- Tập huấn kỹ năng xây dựng sử dụng vật liệu bền vững như tre, mây, lá cọ và gỗ địa phương (Kết nối với khu vực Nam Yên).
- Tập huấn kỹ năng thực hiện cơ sở hạ tầng phi tập trung.
- Hội thảo chuyên đề và tập huấn kỹ năng quản trị du lịch.
- Tập huấn ngôn ngữ và hướng dẫn tour.
- Quan hệ đối tác công - tư để hỗ trợ về tài chính và xây dựng.

NURTURE ECO-TOURISM

Dự án 1: MAPPING_ Bản đồ

Dự án mapping là khởi đầu của việc nuôi dưỡng du lịch sinh thái ở hoà bắc. Nhằm giúp cung cấp thông tin và tạo cách tiếp cận với sinh thái ở hoà bắc vừa an toàn, vừa bảo vệ sinh thái ở đây



Dự án 2: TOURGUIDE_ Hướng Dẫn Viên

Để có một chuyến đi du lịch sinh thái, người hướng dẫn viên là yếu tố quan trọng trong kết nối cộng đồng và khách du lịch. Đồng thời, thúc đẩy du lịch sinh thái trong giai đoạn đầu



Dự án 3: GATHER SPOT_ Điểm giao thoa



Là dự án cuối trong quá trình phát triển du lịch sinh thái. Giao điểm xanh là nơi đưa a của cộng đồng và khách du lịch gắn bó với nhau và cùng trở

Sustainable Agriculture and Forestry

The natural diversity in the Cu Đê River Valley has great potential to develop community-based agrotourism. Natural resources, biodiversity, fresh water, organic practices, and traditional cuisine are existing capitals that would support community development. However, there are also some agricultural practices with harmful impacts on the natural environment, such as the use of chemical fertilizers, burning acacia plantations for regrowth, and water contamination.

As a result, group three focused on proposing environmentally friendly projects that lead the community towards a transition to organic agriculture, sustainable forestry, agrotourism and value-added products. A sustainable approach to agriculture that involves agrotourism could have a positive impact on the environment and natural resources existing in the Cu Đê Valley while generating socio-economic improvement, community revitalisation, and employment of the younger generation.

Nông Lâm nghiệp Bền vững

Sự đa dạng tự nhiên ở lưu vực sông Cu Đê là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nông nghiệp dựa vào cộng đồng. Nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự đa dạng sinh học, nguồn nước sạch, phương thức canh tác hữu cơ và ẩm thực truyền thống là những nguồn lực hiện có để phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một vài phương thức canh tác nông nghiệp gây hại cho môi trường bao gồm việc sử dụng phân bón hóa học, đốt rừng trồng keo, ô nhiễm nguồn nước.

Vì thế, nhóm 3 đề xuất các dự án thân thiện với môi trường giúp cộng đồng chuyển đổi sang phương thức canh tác nông nghiệp hữu cơ, lâm nghiệp bền vững, du lịch nông nghiệp và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng. Cách tiếp cận nông nghiệp bền vững bao gồm du lịch nông nghiệp mang lại tác động tích cực cho môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có ở lưu vực sông Cu Đê, đồng thời giúp phát triển kinh tế - xã hội và tạo cơ hội việc làm cho thế hệ trẻ.

PROJECT 1

DỰ ÁN 1

TRANSITION TO ORGANIC AGRICULTURE AND AGROTOURISM

CHUYỂN ĐỔI SANG HÌNH THỨC NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ VÀ DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

The objectives of the project are to promote a gradual transition into organic agriculture, sustainable forestry and agrotourism, by building and developing the capacities of the community in organic agriculture and forestry practices that prevent the use of chemicals such as pesticides and fertilisers.

Mục tiêu của dự án là thúc đẩy quá trình chuyển đổi dần sang nông nghiệp hữu cơ, lâm nghiệp và du lịch nông nghiệp bền vững, bằng việc phát triển và nâng cao năng lực cộng đồng trong các hoạt động nông lâm nghiệp hữu cơ nhằm ngăn chặn việc sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu.

PROJECT COMPONENTS

- Learning about organic agriculture practices suitable for the region.
- Explore options to replace chemicals in agriculture.
- Learn about sustainable forestry alternatives to acacia logging.
- Develop agrotourism in the valley by offering new services and selling organic products to visitors, i.e. traditional cooking classes, rice harvesting workshops, and organic farmers market.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Tìm hiểu phương thức canh tác nông nghiệp hữu cơ phù hợp với khu vực.
- Tìm hiểu những lựa chọn thay thế chất hóa học sử dụng trong nông nghiệp.
- Nghiên cứu các giải pháp lâm nghiệp bền vững thay thế cho việc trồng keo.
- Phát triển du lịch nông nghiệp trong khu vực bằng cách cung cấp các dịch vụ mới và bán các sản phẩm hữu cơ cho khách du lịch, ví dụ như tổ chức các lớp học nấu ăn, các buổi thu hoạch lúa và chợ nông sản hữu cơ.

Farmer sharing organic agricultural practices and knowledge

Nông dân chia sẻ kiến thức và phương thức canh tác nông nghiệp hữu cơ



© Ngày, 2022

PROJECT 2

DỰ ÁN 2

INCREASE INCOME THROUGH VALUE-ADDED PRODUCTS

CẢI THIỆN THU NHẬP TỪ CÁC SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Value-added products increase the revenue of sales as well as farmers' incomes by transforming raw materials into products that are more attractive to visitors and tourists. The development of new value-added agricultural products that do not require high investment or complex processing could complement the farmers' incomes coming from organic agriculture and support farmers through the process of transitioning to organic agriculture. Moreover, the need for collaboration among the farmers to produce value-added products could foster the local identity by creating a local brand for marketing the products and promoting collaboration between members.

Các sản phẩm giá trị gia tăng giúp tăng doanh thu cũng như thu nhập cho nông dân bằng cách chế biến các nguyên liệu thô thành các sản phẩm hấp dẫn và góp phần thu hút khách du lịch. Việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp mới có giá trị gia tăng không đòi hỏi quá nhiều sự đầu tư hay quy trình chế biến phức tạp, giúp cải thiện thu nhập cho nông dân và hỗ trợ quá trình chuyển đổi hoàn toàn sang nông nghiệp hữu cơ. Nhu cầu hợp tác của nông dân để sản xuất ra các sản phẩm giá trị gia tăng giúp tăng cường sự nhận diện của cộng đồng thông qua việc hình thành thương hiệu địa phương phục vụ cho tiếp thị sản phẩm và củng cố sự hợp tác giữa các thành viên.

Process of making Bánh ít
Quy trình làm bánh ít



© Ngày, 2022

PROJECT COMPONENTS

- Create organic agriculture farmers' cooperatives.
- Create an organic brand, a marketing strategy and apply for a certified organic label.
- Create a community processing centre.
- Develop value-added products: teas, infusions, dry fruits, traditional rice and beans, chilli sauces, dry mushrooms, sweet potatoes, banana chips, peanut butter, fruit juices, fruit oils, casava and rice flour, etc.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Thành lập Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ.
- Xây dựng thương hiệu hữu cơ, chiến lược tiếp thị và đăng ký chứng nhận thương hiệu hữu cơ.
- Thành lập Trung tâm chế biến cộng đồng.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng: trà, sản phẩm pha chế, trái cây sấy, gạo què, đậu, tương ớt, nấm, khoai lang, chuối sấy, bơ đậu phộng, nước ép trái cây, dầu, sắn, bột gạo...

Selling tourist products during a festival

Bán các sản phẩm địa phương cho khách du lịch trong mùa lễ hội



©Susana Restrepo Rico, 2023

Capacity Development Needs for Sustainable Agriculture and Forestry

Nhu cầu Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Nông Lâm nghiệp Bền vững

The transition towards sustainable agriculture is based on attracting visitors and customers who value organic products and are interested in practical learning about agricultural processes and environmentally friendly food production. The successful experience of the Tra Que village shows that transformation to organic agriculture and reduction of chemical fertilizers is possible. The transition would be implemented through workshops, which include university support and inter-generational knowledge sharing approaches. The projects also target sustainable forestry as an alternative to monoculture acacia plantations. Through a mix of natural planting, e.g. fruit trees, cinnamon, pepper, timber, bamboo, and medicinal trees, the decrease in harmful practices can be achieved.

Connecting and promoting sustainable practices via agrotourism would attract tourists willing to experience sustainable agriculture practices, take part in guided tours through the forest, and try regional cuisine. With the help of local authorities and NGOs, the community can receive financial and educational support. The projects focus on establishing a farmers' cooperative and organic certification to increase incomes. With governmental and university support, the community can improve their practices and products, attracting potential tourists through sustainable organic agriculture.

Sustainable agriculture and forestry promote the development of a community processing centre taking into account value-added products, which could initiate the Cu Đê Valley organic brand. Product processing, marketing and certification could strengthen the local identity and helps attract tourists and consumers and diversify the benefits. The support of universities, institutions, and the local government is essential for accountability and capacity development.

Hoạt động chuyển đổi hướng đến nông nghiệp bền vững nhằm mục tiêu thu hút khách lịch và đối tượng khách hàng quan tâm đến các sản phẩm hữu cơ và trải nghiệm thực tế quy trình nông nghiệp. Sự thành công của làng rau Trà Quế đã chứng minh cho khả năng chuyển đổi sang hình thức nông nghiệp hữu cơ và giảm thiểu sử dụng phân bón hóa học. Quá trình chuyển đổi được diễn ra thông qua các buổi workshop, có sự hỗ trợ của trường đại học và cách tiếp cận chia sẻ kiến thức giữa các thế hệ. Các dự án hướng tới mục tiêu lâm nghiệp bền vững thay thế phương pháp trồng keo độc canh. Sự kết hợp cây trồng tự nhiên như cây ăn quả, quế, tiêu, gỗ, tre, nứa giúp làm giảm các khả năng gây hại đến môi trường.

Việc thúc đẩy du lịch nông nghiệp giúp khuyến khích khách du lịch tham gia vào hoạt động nông nghiệp bền vững, các tour tham quan rừng và thưởng thức ẩm thực địa phương. Với sự tham gia của chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng nhận được hỗ trợ về mặt tài chính và giáo dục. Các dự án này tập trung vào việc thành lập Hợp tác xã nông nghiệp và chứng nhận nông nghiệp hữu cơ để gia tăng thu nhập. Với sự hỗ trợ của chính quyền và trường đại học, phương thức canh tác và chất lượng sản phẩm của cộng đồng được nâng cao, thu hút khách du lịch tham gia vào hoạt động nông nghiệp hữu cơ bền vững.

Nông lâm nghiệp bền vững thúc đẩy sự phát triển của Trung tâm chế biến cộng đồng để sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng, bước đầu xây dựng thương hiệu hữu cơ ở lưu vực Sông Cu Đê. Quy trình chế biến, tiếp thị và chứng nhận sản phẩm làm tăng tính nhận diện địa phương, thu hút khách du lịch, khách hàng và đa dạng hóa lợi ích. Sự hỗ trợ của các trường đại học, tổ chức và chính quyền địa phương là rất cần thiết đối với trách nhiệm giải trình và nâng cao năng lực.

SUSTAINABLE AGRICULTURE AND FORESTRY

EXISTING CAPITALS

- Existing capacities for organic agriculture among farmers
- Availability of water resources
- Rich biodiversity
- Good soil for agriculture
- Geography suitable for sustainable forestry
- Academic institutions interested in the biodiversity of the area
- Crop diversity.
- Interest in transitioning to organic agriculture and agrotourism.

NEEDED CAPACITIES

- Capacities Knowledge transfer among farmers for organic agriculture, agroforestry and sustainable technologies
- Skill training for agrotourism services
- Capacities for sustainable forestry
- Language skills
- Financial support for investment in the processing centre.
- Capacity building in processing value-added products
- Support and capacity building for marketing and branding.

NÔNG LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG

NGUỒN LỰC HIỆN CÓ

- Năng lực hiện có của nông dân phục vụ phát triển nông nghiệp hữu cơ
- Nguồn nước sẵn có
- Đa dạng sinh học
- Đất đai màu mỡ phục vụ cho nông nghiệp
- Địa lý thích hợp cho hoạt động lâm nghiệp bền vững
- Sự quan tâm của cơ sở nghiên cứu đối với đa dạng sinh học trong khu vực
- Đa dạng cây trồng
- Mối quan tâm đối với việc chuyển đổi sang hình thức nông nghiệp hữu cơ và du lịch nông nghiệp.

NĂNG LỰC CẦN THIẾT

- Năng lực chuyển giao kiến thức nông nghiệp hữu cơ, nông lâm kết hợp và công nghệ bền vững giữa những người nông dân
- Tập huấn kỹ năng tổ chức du lịch nông nghiệp
- Năng lực triển khai lâm nghiệp bền vững
- Kỹ năng ngôn ngữ
- Hỗ trợ tài chính để xây dựng Trung tâm chế biến
- Nâng cao năng lực trong quy trình chế biến các sản phẩm giá trị gia tăng
- Nâng cao năng lực xây dựng thương hiệu và tiếp thị sản phẩm.

Proposed Capacity Development Activities for Sustainable Agriculture and Forestry

Đề xuất Các hoạt động Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Nông Lâm nghiệp Bền vững

Year 1

Workshop 1: How to grow organic food? With the participation of members from the Tra Que village, the university support and focuses on knowledge transfer from older to younger generations.

Workshop 2: How to implement sustainable agroforestry? Exploring successful examples in the valley and university support for skill and knowledge transfer.

Field trip to Tra Que village to experience first-hand and learn from the implementation of agrotourism in other communities.

Year 2

Workshop 1: Joint workshop with the members of Tra Que for the inclusion of agrotourism practices in the Hòa Bắc Community-Based Tourism Cooperative.

Field trip to Tra Que village to observe the process of the production centre, where farmers can learn about processing and sustainable technologies. Skill training in product processing and creation of a low-investment processing centre.

Workshop 2: Brand development among all cooperative members. Definition of objectives and target groups for the Hòa Bắc organic brand and a marketing strategy.

Seminar: Organic certification label. Learning from other communities how to cooperate among the community and obtain organic certification.

Năm thứ nhất

Workshop 1: Làm thế nào để sản xuất thực phẩm hữu cơ? Nhờ sự hỗ trợ của cộng đồng làng rau Trà Quế, của trường đại học và việc chia sẻ kiến thức giữa các thế hệ.

Workshop 2: Làm thế nào để triển khai nông lâm nghiệp bền vững? Học hỏi từ các cộng đồng thành công và tận dụng sự hỗ trợ của trường đại học để phát triển kỹ năng và chuyển giao tri thức. Tổ chức chuyến tham quan Làng rau Trà Quế để học hỏi kinh nghiệm triển khai du lịch nông nghiệp.

Năm thứ hai

Workshop 1: Đồng tổ chức workshop với cộng đồng Trà Quế về việc lồng ghép các hoạt động du lịch nông nghiệp tại Hợp tác xã du lịch cộng đồng Hòa Bắc.

Chuyến tham quan Làng rau Trà Quế để tìm hiểu quy trình và công nghệ chế biến.

Tập huấn về quy trình chế biến sản phẩm và thành lập Trung tâm chế biến vốn đầu tư thấp.

Workshop 2: Xây dựng thương hiệu giữa các Thành viên Hợp tác xã. Xác định mục tiêu, nhóm đối tượng cho thương hiệu hữu cơ Hòa Bắc và chiến lược tiếp thị sản phẩm.

Hội thảo chuyên đề: Chứng nhận thương hiệu hữu cơ. Học hỏi kinh nghiệm hợp tác giữa các cộng đồng và quy trình đạt được chứng nhận hữu cơ.

AGROTOURISM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

What we have ... (Chúng ta đã có gì ...)

- Natural resources / Tài nguyên thiên nhiên
- Fresh water / Nước sạch
- Agritourism / Du lịch nông nghiệp
- Community / Cộng đồng



- Poor soil / Đất bạc màu
- Biodiversity loss / Mất cân bằng sinh thái
- Water contamination / Thiếu nước
- Climate change / Biến đổi khí hậu

We have challenges ... (Đối mặt những gì)

Cube River Now



- Biodiversity / Đa dạng sinh học
- Fresh water / Nước sạch
- Organic practices / Kiến thức hữu cơ

What we have ... (Chúng ta đã có gì ...)

We have challenges ... (Đối mặt những gì)



- Poor soil / Đất bạc màu
- Water pollution / Ô nhiễm nguồn nước
- Income / Thu nhập
- Climate change / Biến đổi khí hậu



FIRST YEAR



FIELD TRIP: TO DONG GIA FARM IN H

GOAL: Motivating the community, sharing agriculture with other communities and experienc

MỤC TIÊU: Tạo động lực cho cộng đồng, chia sẻ kiến th các cộng đồng khác nhau và kinh nghiệm làm du lịch n

MEMBER: Community from Hoi An; Universities; Sc

THÀNH VIÊN: Cộng đồng ở Hội An; Các trường Đại học; phủ và cộng đồng.

FIRST YEAR



WORKSHOP: OFFER & ATTRACT TOURISM

HỘI THẢO: THU HÚT KHÁCH DU LỊCH

GOAL: Developing argotourism in the community, offering new services, attracting tourist to the farm and selling organic products to the tourist.

MỤC TIÊU: Phát triển du lịch nông nghiệp trong cộng đồng, tạo ra các dịch vụ mới, thu hút khách du lịch đến với vườn nông nghiệp và bán các sản phẩm đến khách du lịch.

MEMBER: Comunity of Hoi An; Universities; Science; Enterprise; Tourism business; NGO and Community.

THÀNH VIÊN: Cộng đồng đến từ Hội An; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Doanh nghiệp địa phương; Doanh nghiệp du lịch; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.

Cube River How

WORKSHOP: HOW TO GROW?

HỘI THẢO: CÁCH TRỒNG HỮU CƠ?

GOAL: Learning and developing organic agriculture practices and how to reduce or even eliminate the use of chemical pesticides and fertilizers like NPK.

MỤC TIÊU: Nghiên cứu và phát triển thực hành nông nghiệp hữu cơ và tìm cách cắt giảm hoặc không sử dụng thuốc trừ sâu hoặc phân bón hóa học như NPK

MEMBER: Organic Famers (from Hoi An); Universities; Science; Non Profit Organization and Community.

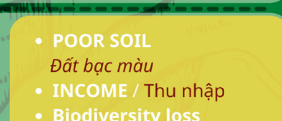
THÀNH VIÊN: Nông dân hữu cơ (đến từ Hội An); Các trường Đại học; Nhà khoa học; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.

SUSTAINABLE FORESTRY / LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG

NATURAL RESOURCES

- Tài nguyên thiên nhiên
- Fresh water / Nước sạch
- Biodiversity / Đa dạng sinh học
- Community / Cộng đồng

What we have ... (Chúng ta đã có gì ...)



We have challenges ... (Đối mặt những gì)

- POOR SOIL / Đất bạc màu
- INCOME / Thu nhập
- Biodiversity loss / Đánh mất đa dạng sinh học

FIRST YEAR



WORKSHOP: SUSTAINABLE AGROFOR

HỘI THẢO: RỪNG BỀN VỮNG

GOAL: Looking for alternatives to acacia planation and developing sustainable forestry, like agroforestry and forest garden.

MỤC TIÊU: Tìm kiếm loại cây thay thế cho CÂY KEO và phát triển các rừng cây bền vững, ví dụ như việc kết hợp nông lâm nghiệp và trồng vườn rừng.

MEMBER: Successful experience; owner of land; forest manager; Universities; Science; Non Profit Organization and Community.

THÀNH VIÊN: Các mô hình thành công; Chủ đất; Người quản lý rừng; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.

HOI AN VILLAGE
knowledge about organic
agro-tourism.

hức về nông nghiệp hữu cơ giữa
ng nghiệp.
Science; NGO and Community.
Nhà khoa học; Tổ chức phi chính



FIELD TRIP: TO QUANG NAM

GOAL: Motivating the community, learning about a community processing center and the sustainable technologies, and came up with new ideas of value-added products.

MỤC TIÊU: Tạo động lực cho cộng đồng, học tập từ các cộng đồng đã thành công và các công nghệ bền vững, với mục tiêu gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp hiện có.



MEMBER: Community from Quang Nam; Universities; Science; NGO and Community.

THÀNH VIÊN: Cộng đồng ở Quảng Nam; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.



FIELD TRIP

HỌC TẬP THỰC TẾ

SECOND YEAR



WORKSHOP: BRAND AND MARKETING

HỘI THẢO: THƯƠNG HIỆU VÀ CHIẾN LƯỢC

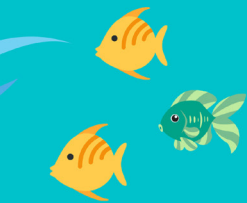
GOAL: Developing a new BRAND OF CU DE VALLEY products and a marketing strategy to attract tourist and consumers and selling them organic products

MỤC TIÊU: Phát triển một thương hiệu mới cho thung lũng sông Cu Đê (ví dụ: Gạo Cơ Tụ) và chiến lược quảng bá để thu hút khách du lịch và bán sản phẩm như một đặc sản cùng miền.



MEMBER: Community of Hoi An; Universities; Science; Enterprise, Tourism bussiness; NGO and Community.

THÀNH VIÊN: Cộng đồng đến từ Hội An; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Doanh nghiệp địa phương; Các tổ chức du lịch; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.



CuDe River Future

SECOND YEAR



WORKSHOP: COOPERATIVE AND CERTIFICATION

HỘI THẢO: HỢP TÁC XÃ VÀ CHỨNG NHẬN

GOAL: Learning how to form an organic farmer's cooperative and having an organic certification to increase our income

MỤC TIÊU: Nghiên cứu thành lập một hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ và có được giấy chứng nhận nông nghiệp hữu cơ để tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp của khu vực.



MEMBER: Government, Community of Hoi An; Universities; Science; Enterprise, NGO and Community.

THÀNH VIÊN: Chính quyền, Cộng đồng hữu cơ đến từ Hội An; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Doanh nghiệp địa phương; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.



How we grow Organic?/Trồng cây hữu cơ như thế nào?

TRANSITION TO ORGANIC AGRICULTURE
CHUYỂN ĐỔI SANG NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ

AGRICULTURE



SECOND YEAR



WORKSHOP: HOW ADD VALUE TO PRODUCTS OF SF

HỘI THẢO: TĂNG GIÁ TRỊ SẢN PHẨM RỪNG BỀN VỮNG



GOAL: Developing a community processing center to add value to the farmers organic/sustainable products and increasing their income.

MỤC TIÊU: Phát triển trung tâm hỗ trợ cộng đồng để hỗ trợ gia tăng giá trị sản phẩm nông/lâm nghiệp hữu cơ bền vững và tăng thu nhập người dân.



MEMBER: Owner of land; Handcraft men; Enterprise; forest manager; Universities; Science; Non Profit Organization and Community.

THÀNH VIÊN: Chủ đất; Nghệ nhân; Doanh nghiệp; Người quản lý rừng; Các trường Đại học; Nhà khoa học; Tổ chức phi chính phủ và cộng đồng.



Rural Infrastructure Development

Hòa Bắc is located 40 kilometres north of Da Nang's city centre. Connecting the area to the provincial sanitation and water networks presents several problems. The best approach in rural areas is a decentralised infrastructure approach where each household or a small cluster of households built their sanitation system using localised technologies that would facilitate implementation and lower investment costs. The infrastructure field focuses on strategies for the development of decentralised infrastructure approaches that contribute to the protection of biodiversity and the preservation of the natural environment in the Cu Đê River Valley. Consequently, group four proposed three community-based infrastructure development projects that improve the condition of the built environment and protect the water and soil from pollutants.

Phát triển Cơ sở Hạ tầng Nông thôn

Hòa Bắc cách Trung tâm thành phố Đà Nẵng 40km về phía Bắc. Việc kết nối Hoà Bắc với mạng lưới cấp nước và vệ sinh của thành phố tồn tại một số vấn đề. Cơ sở hạ tầng phi tập trung là cách tiếp cận phù hợp cho khu vực nông thôn, trong đó hộ gia đình hoặc một cụm các hộ gia đình xây dựng hệ thống vệ sinh bằng công nghệ địa phương để dễ thực hiện và giảm chi phí đầu tư. Phát triển cơ sở hạ tầng phi tập trung góp phần bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn môi trường tự nhiên ở lưu vực sông Cu Đê. Do đó, nhóm 4 đã đề xuất 3 dự án phát triển cơ sở hạ tầng dựa vào cộng đồng nhằm cải thiện môi trường xây dựng, bảo vệ nguồn nước và đất khỏi các chất ô nhiễm.

PROJECT 1

RAISING AWARENESS NÂNG CAO NHẬN THỨC

The first project focuses on the importance of the proper waste collection, management and related hygiene and health practices. According to the previous analysis, the residents understand the need for sanitation and waste collection processes but lack the facilities and knowledge to implement projects themselves. A shared-knowledge approach with the involvement of a diversity of participants, such as community, tourists, and researchers, would increase awareness regarding infrastructure and sustainability measures for the protection of the built environment in the Cu Đê River Valley.

PROJECT COMPONENTS

- Reduce-Reuse-Recycle: create a culture of waste minimisation based on the reduce-reuse-recycle approach where the community offers reusable and recyclable materials for the consumption of products in the valley, avoiding single-use plastics.
- Educate the residents about sustainable development in their environment and the consequences of environmental pollution caused by untreated wastewater or waste.
- Raise awareness about the hygiene standards for tourism.

DỰ ÁN 1

Dự án đầu tiên tập trung vào thu gom, quản lý rác thải và các vấn đề liên quan đến vệ sinh và sức khỏe. Theo các phân tích trước đây, người dân nhận thức được sự cần thiết của quy trình vệ sinh và thu gom rác thải nhưng thiếu cơ sở vật chất và kiến thức để thực hiện. Cách tiếp cận chia sẻ kiến thức với sự tham gia của các bên bao gồm cộng đồng, khách du lịch, nhà nghiên cứu sẽ giúp nâng cao nhận thức về cơ sở hạ tầng và các biện pháp bền vững để bảo vệ môi trường xây dựng ở lưu vực sông Cu Đê.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Giảm thiểu – Tái sử dụng – Tái chế: hình thành thói quen giảm thiểu chất thải dựa trên phương pháp 3Rs, trong đó cộng đồng sử dụng vật liệu tái chế, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.
- Giáo dục người dân về sự phát triển môi trường bền vững và hậu quả của ô nhiễm môi trường gây ra do rác thải và nước thải chưa qua xử lý.
- Nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong ngành du lịch.

PROJECT 2

IMPROVING WASTE MANAGEMENT QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Environmental protection depends on the awareness of the community in preventing pollutants as well as the possibilities they have to manage harmful products. Project 1 addresses the environmental awareness and knowledge base for sustainable community development. Project 2 sets up basic small-scale projects that can protect the community from the influx of new tourists and help them manage the repercussions of developing tourism offers.

PROJECT COMPONENTS

- Reduce-Reuse-Recycle facilities for the community where recyclable products can be collected and a reliable collection scheme. Recyclable products could be sold as income generation activity for some community members or as part of cooperative work to finance other community projects.
- Composting: organic waste from tourist facilities or households could be transformed into hummus for fertilising organic crops. This approach is already being implemented by some households in the Cu Đê Valley.
- Decentralised sanitation and wastewater treatment: Dry toilets as an option for decentralised sanitation coupled with a wastewater collection system e.g. septic tank, constructed wetlands or an anaerobic baffled reactor.

DỰ ÁN 2

Việc bảo vệ môi trường phụ thuộc vào ý thức của cộng đồng trong việc ngăn ngừa và kiểm soát các chất gây ô nhiễm. Dự án thứ nhất tập trung vào nâng cao nhận thức về môi trường để phát triển cộng đồng bền vững. Dự án thứ hai thiết kế các dự án quy mô nhỏ giúp hạn chế du lịch đại chúng và kiểm soát tác động của phát triển dịch vụ du lịch.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Cơ sở để thực hiện 3Rs là nơi thu gom các sản phẩm có thể tái chế theo một quy trình chuẩn. Các sản phẩm tái chế có thể được trưng bày mua bán để tạo thu nhập cho thành viên cộng đồng hoặc đầu tư cho dự án cộng đồng khác.
- Ủ phân hữu cơ: rác thải hữu cơ từ các cơ sở du lịch hoặc hộ gia đình được chuyển hoá thành mùn để bón cho cây trồng. Cách tiếp cận này đã được áp dụng ở một số hộ gia đình ở lưu vực sông Cu Đê.
- Hệ thống vệ sinh và xử lý nước thải phi tập trung: nhà vệ sinh khô là một lựa chọn cho hệ thống vệ sinh phi tập trung cùng với hệ thống thu gom nước thải ví dụ như bể tự hoại, đất ngập nước kiến tạo hoặc bể phân huỷ kỵ khí có vách ngăn.



Construction materials from building tourist facilities
Vật liệu xây dựng tại các cơ sở du lịch



Cooking can also produce organic waste
Hoạt động nấu ăn có thể tạo ra chất thải hữu cơ

IMPROVING LOCAL INFRASTRUCTURE FOR TOURISM

NÂNG CẤP CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ CHO DU LỊCH

Pollution problems are not only related to a lack of knowledge but to a lack of facilities for visitors and locals to dispose correctly their waste products. The infrastructure group identified the lack of garbage bins, lack of waste separation facilities and lack of waste collection services as the main problems to address in a practical way. Moreover, public parking, traffic and parking signs, public toilets and the implementation of a decentralised sanitation system could reduce considerable the risks of pollution in the area. This project focuses on highlighting low-investment measures that could be implemented from a community-based approach for the improvement of public infrastructure with the active involvement and support of the local government and public services institutions.

Vấn đề ô nhiễm không chỉ liên quan đến việc thiếu kiến thức về môi trường mà còn thiếu cơ sở vật chất để xử lý rác thải đúng cách. Nhóm cơ sở hạ tầng cho rằng việc thiếu thùng rác, thiếu phương tiện phân loại rác và thiếu dịch vụ thu gom rác là những vấn đề chính cần được giải quyết. Bên cạnh đó, bãi đỗ xe công cộng, biển báo giao thông, nhà vệ sinh công cộng và hệ thống vệ sinh phi tập trung giúp giảm đáng kể nguy cơ ô nhiễm trong khu vực. Dự án này tập trung vào các giải pháp đầu tư thấp để nâng cấp cơ sở hạ tầng công cộng với sự tham gia và hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như các tổ chức cộng đồng.

PROJECT COMPONENTS

- Collection centres: attractive tourist rest stations with toilets and bins for recyclable and organic waste with information about activities, transport and parking and first aid kit for tourists.
- Production of reusable mugs and water bottles out of sustainable materials found in the valley that could be sold to tourists or reused and returned in different locations.
- Public lighting project with solar energy.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

- Điểm thu gom chất thải: trạm dừng chân có nhà vệ sinh, thùng rác tái chế, thùng rác hữu cơ, thông tin du lịch và dụng cụ sơ cấp cứu cho khách du lịch.
- Sản xuất cốc và chai nước từ vật liệu xanh để bán cho khách du lịch hoặc tái sử dụng và có thể trả lại tại các địa điểm khác nhau.
- Hệ thống chiếu sáng công cộng sử dụng năng lượng mặt trời.



Providing attractive and photogenic rest stations for tourists
Trạm dừng chân có cảnh quan đẹp thu hút khách du lịch



The provision of lighting and comfortable seating and the use of sustainable materials in Nam Yen
Trạm dừng chân có chỗ ngồi thoải mái, sử dụng vật liệu xanh ở Nam Yên

Capacity Development Needs for Rural Infrastructure Development

Nhu cầu Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Cơ sở Hạ tầng Nông thôn

It is essential to raise awareness about the connection between the survival of rural communities and the condition of the natural environment. Any form of pollution puts the whole community at risk and endangers not only the tourism approach but the existing livelihoods by polluting their own water source and agricultural production. These projects aim at creating that awareness and laying the foundations for the sustainable development of all the villages in Hòa Bắc. .

The projects look at several small-scale projects that would enhance the tourism activities offered in the Cu Đê Valley. Moreover, the increase in tourism means an increase in waste and demand for sanitation and more public infrastructure. Through the implementation of informative posters and signs, the tourists become conscious of waste procedures. These projects address the unsatisfied basic needs that exist in the Hòa Bắc community, i.e. a proper sanitation and wastewater management system and a reliable waste collection and disposal system. These basic needs cannot be met solely through the community-based project, since the waste and wastewater products can cause health problems among the residents. In this case, the involvement of the local and provincial government is essential for the protection of the built and natural environment as well as all other capitals that exist nowadays in the Hòa Bắc community. Thus, the mobilisation of public and private stakeholders is crucial to initiate the transferability of knowledge and skill among the community for the implementation of decentralised sanitation infrastructure and a localised small-scale greywater management system.

Nâng cao nhận thức về mối liên kết giữa cộng đồng nông thôn và môi trường tự nhiên là rất cần thiết. Bất kể hình thức ô nhiễm nào cũng đều chứa đựng những rủi ro và gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động du lịch và sinh kế của người dân. Những dự án này nhằm mục đích nâng cao nhận thức và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Hòa Bắc.

Các dự án quy mô nhỏ được đề xuất nhằm tăng cường hoạt động du lịch tại lưu vực sông Cu Đê. Tuy nhiên, sự phát triển của du lịch đồng nghĩa với việc rác thải và nhu cầu vệ sinh cũng như cơ sở hạ tầng công cộng ngày càng tăng theo. Nhờ vào việc đặt các biển báo và poster, khách du lịch sẽ có ý thức hơn về các quy trình xử lý chất thải. Các dự án này giúp giải quyết nhu cầu cơ bản chưa được đáp ứng ở Hòa Bắc, bao gồm hệ thống quản lý nước thải và vệ sinh; hệ thống thu gom, xử lý chất thải. Những nhu cầu này không thể chỉ được đáp ứng thông qua dự án cộng đồng vì nước thải và chất thải có thể gây ra vấn đề về sức khỏe cho người dân. Trong trường hợp này, sự can thiệp của các sở ban ngành là cần thiết để bảo vệ môi trường tự nhiên cũng như các nguồn lực hiện có ở Hòa Bắc. Do đó, việc huy động sự tham gia của các đơn vị công và tư là rất quan trọng để bắt đầu việc chia sẻ kiến thức và kỹ năng cho cộng đồng nhằm thực hiện giải pháp cơ sở hạ tầng vệ sinh phi tập trung cũng như hệ thống quản lý nước thải cục bộ, quy mô nhỏ.

RURAL INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT

EXISTING CAPITALS

- Property ownership.
- Most households are connected to the public energy grid
- Cu Đê river as a source of water for Hòa Bắc and Da Nang
- Emplement! pilot project being constructed in Ta Lang
- Space on properties for decentralised sanitation options
- Community cohesion and collaboration.
- Small villages
- Available space for infrastructure
- Availability of sustainable renewable natural resources.

NEEDED CAPACITIES

- Capacities for knowledge sharing
- Skill training for waste separation
- Financial support for investment in decentralised sanitation approaches
- Involvement of the government in the provision of public infrastructure.
- Capacity building in renewable energies
- Capacities for manufacturing reusable products
- Capacities for tourism management
- Abilities for sustainable construction.

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN

NGUỒN LỰC HIỆN CÓ

- Quyền sở hữu tài sản
- Hầu hết các hộ gia đình được kết nối với lưới điện quốc gia
- Sông Cu Đê là nguồn cung cấp nước cho Hòa Bắc và Đà Nẵng
- Emplement! - dự án thí điểm đang được triển khai tại thôn Tà Lang
- Không gian để xây dựng hệ thống vệ sinh phi tập trung
- Sự gắn kết và cộng tác trong cộng đồng
- Quy mô các thôn nhỏ.
- Không gian dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng
- Nguồn tài nguyên thiên nhiên tái tạo.

NĂNG LỰC CẦN THIẾT

- Năng lực chia sẻ kiến thức.
- Tập huấn kỹ năng phân loại rác
- Hỗ trợ tài chính để xây dựng hệ thống vệ sinh phi tập trung
- Sự tham gia của chính quyền vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng
- Nâng cao năng lực trong lĩnh vực năng lượng tái tạo
- Năng lực sản xuất các sản phẩm tái sử dụng
- Năng lực quản trị du lịch
- Năng lực xây dựng bền vững.

Proposed Capacity Development Activities for Rural Infrastructure and Development

Đề xuất Các hoạt động Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Cơ sở Hạ tầng Nông thôn

- Workshops with the community and the government to share knowledge about sustainable living and the risks of untreated waste.
- Workshop about tourism hygiene standards and how to achieve them.
- A practical workshop for knowledge building about decentralised sanitation options.
- Workshop about renewable energy options for Hòa Bắc.
- Workshop for constructing decentralised sanitation facilities at the household level.
- Community meeting with the participation of the government for the definition of a waste collection system, location and schedule.
- Joint workshop peer-to-peer with organic farmers for knowledge sharing about composting.
- Seminar about the options for renewable energies.
- Consultancy with TUD for more decentralised sanitation and infrastructure options in the valley.
- Skill training workshop for construction with sustainable materials in collaboration with DAU.
- Seminar about renewable energies and their benefits for decentralised infrastructure.
- Workshop in the production of reusable articles.
- Seminar in tourism and business management.
- Consultancy with DAU for the construction of sanitation facilities for tourists.
- Làm việc với cộng đồng và chính quyền địa phương về những rủi ro của chất thải chưa qua xử lý.
- Workshop về tiêu chuẩn vệ sinh trong hoạt động du lịch.
- Workshop về giải pháp vệ sinh phi tập trung.
- Workshop về giải pháp năng lượng tái tạo cho Hòa Bắc.
- Workshop xây dựng công trình vệ sinh phi tập trung cho hộ gia đình.
- Cuộc họp cộng đồng có sự tham gia của chính quyền để xác định hệ thống, địa điểm và lịch trình thu gom chất thải.
- Workshop đồng tổ chức với sự tham gia của nông dân về phân bón hữu cơ.
- Hội thảo chuyên đề về các giải pháp năng lượng tái tạo.
- Tham vấn với Đại học Bách Khoa Đà Nẵng về các giải pháp cơ sở hạ tầng và vệ sinh phi tập trung trong khu vực.
- Workshop về vật liệu xanh trong xây dựng với sự tham gia của Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.
- Hội thảo về năng lượng tái tạo và lợi ích đối với cơ sở hạ tầng phi tập trung.
- Workshop sản xuất sản phẩm tái sử dụng.
- Hội thảo về quản trị du lịch.
- Tham vấn với Đại học Kiến trúc Đà Nẵng về việc xây dựng các công trình vệ sinh dành cho khách du lịch.

01

RAISING AWARENESS

NÂNG CAO NHẬN THỨC NGƯỜI DÂN

- **Missing Knowledge Sharing.**
Chia sẻ kiến thức.
- **Differences Between Hoa Bac and International Tourists.**
Sự khác biệt chuyến du lịch quốc tế và Hòa Bắc
- **Missing Waste Water Collection and Treatment**
Thiếu hệ thống thu gom và xử lý nước thải
- **Consequences of Environmental Pollution**
Hậu quả của Ô Nhiễm môi trường



02

IMPROVING WASTE MANAGEMENT CAPACITY

- **Compost**
Phân Compost
- **Landing System: Bag | C**
Sản phẩm thân thiện với môi trường
- **Reuse**
Tái Sử dụng
- **More Bins | Espcial Cre**
Bổ Sung thêm thùng rác
- **Collecting Waste together**
Thu gom và tái sử dụng rác
- **Siging Bins Out | Mappi**
Biển báo chỉ dẫn thùng rác
- **Compast-Toilets (Dry To**
Phân Compast từ Toilet
- **Septik Tanks**
Bể Tụ Hoại
- **Constructed Wetlands**
Xử Lý Nước thải bằng đất x



Group 4 poster for proposed capacity development activities for rural infrastructure development
Poster của Nhóm 4 đề xuất các hoạt động nâng cao năng lực phục vụ phát triển Cơ sở hạ tầng Nông thôn

WASTE-MANAGEMENT QUẢN LÝ CHẤT THẢI



Cup | Bottles

ô nhiễm : Túi vải | Ly | Chai

ative Bins

her (Recyclables)

chất thải

ng

obilet)

ây dựng ngập nước

RURAL INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN

03

IMPROVING INFRASTRUCTURE FOR TOURISM

CẢI THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO DU LỊCH

- **The needs of the infrastructure For Fitting the Touristic Needs**
Nhu cầu về cơ sở Hạ tầng
- **Giving ideas on where to start as community**
Những ý tưởng có thể được thực bởi cộng đồng
- **The government to Step in**
Những dự án cần được chính phủ hỗ trợ



CU DE RIVER SÔNG CU ĐỀ NAM YÊN



Regional Sustainable Tourism Network

The Regional Sustainable Tourism Network combined all other research topics to create a network of activities, people, and capacities. The main results for this group were two maps that illustrated the tourist landmarks and facilities in the region, accompanied by a design proposal to attract the attention of the tourists. These maps can serve as interactive advertisements and informative instruments for the region and be shared on a website. Furthermore, the research team developed a network where they identified the involved members of the community, creating a network of collaboration on different levels. The main objective of this group was to promote the exchange of tourism development tools and knowledge sharing among the communities in the region.

Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng

Mạng lưới du lịch bền vững vùng kết nối các chủ đề nghiên cứu khác tạo thành một mạng lưới các hoạt động, nguồn nhân lực và năng lực. Kết quả làm việc của nhóm 5 là hai bản đồ minh họa các điểm du lịch, cơ sở vật chất trong khu vực và đề xuất thiết kế giúp thu hút khách du lịch. Những bản đồ này được sử dụng cho nhu cầu quảng cáo hoặc cung cấp thông tin trên website của mạng lưới. Nhóm nghiên cứu đã xác định được thành phần tham gia mạng lưới, bước đầu hình thành mạng lưới hợp tác ở các cấp độ khác nhau. Mục tiêu chính của nhóm là thúc đẩy sự trao đổi công cụ phát triển du lịch và chia sẻ kiến thức giữa các cộng đồng trong vùng.

PROJECT 1

DỰ ÁN 1

SUPPORT FOR COMMUNITY-BASED TOURISM

HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Community-based tourism -CBT- is a top-down development process that empowers communities to initiate their projects based on their objectives, needs and available resources. However, for community-based tourism to be successful and have a positive effect on the community, it must mobilise different sectors of society, gathering under the same principles and objectives a diversity of stakeholders that bring different kinds of knowledge, assets and capacities.

Du lịch dựa vào cộng đồng là một quá trình phát triển từ trên xuống nhằm trao quyền cho cộng đồng thực hiện các dự án dựa trên mục tiêu, nhu cầu và nguồn lực sẵn có. Để du lịch dựa vào cộng đồng có thể thành công và mang lại những ảnh hưởng tích cực cần huy động các bên liên quan cùng đóng góp kiến thức, tài sản và năng lực theo nguyên tắc và mục tiêu phát triển chung.

PROJECT COMPONENTS

This project focuses on the mobilisation of the relevant actors for sustainable tourism development in the region, categorising them into 3 main groups: government, non-governmental organisations and community leaders. Each stakeholder is necessary for community development and can contribute to the implementation of small and medium-scale tourism projects. Support for CBT initiatives can be understood from many different perspectives; From the legal frameworks for the implementation of small tourism projects on land destined for different land uses, to financing, to capacity building for business management and more practical approaches such as skill training for decentralised sanitation or interior design of touristic accommodation. The willingness of the residents is essential for CBT to be implemented, but the communities require guidance, support and legitimacy.

Government stakeholders: Provincial and local government actors who can explain and discuss the legal framework to facilitate the proper implementation of projects and the permissions for them. Moreover, the active participation of the government in the project definition is crucial for legitimacy, mobilisation of the community, access to credit for investment, and the implementation of larger projects to meet the unsatisfied basic

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

Dự án này tập trung vào việc huy động sự tham gia của các bên liên quan phục vụ cho phát triển du lịch bền vững, bao gồm 3 nhóm chính đó là chính quyền, các tổ chức phi chính phủ và lãnh đạo cộng đồng. Vai trò của mỗi bên đều cần thiết cho sự phát triển của cộng đồng và góp phần vào việc thực hiện các dự án vừa và nhỏ. Việc hỗ trợ cho các sáng kiến du lịch dựa vào cộng đồng có thể được hiểu từ nhiều khía cạnh khác nhau; từ khung pháp lý để thực hiện các dự án nhỏ với mục đích sử dụng đất khác nhau cho đến vấn đề tài chính, nâng cao năng lực quản trị kinh doanh và các phương pháp tiếp cận thực tế như tập huấn kỹ năng về vệ sinh phi tập trung hoặc thiết kế nội thất cho các địa điểm lưu trú. Tinh thần tham gia của người dân là rất cần thiết để thực hiện dự án, tuy nhiên, cộng đồng cũng cần có sự hướng dẫn, hỗ trợ và tính hợp pháp.

Chính quyền: Các cơ quan chính quyền cấp tỉnh và địa phương có thể giải thích và thảo luận về khung pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dự án. Sự tham gia của chính quyền trong quá trình hình thành dự án là rất quan trọng nhằm đảm bảo tính hợp pháp, khả năng huy động cộng đồng, khả năng tiếp cận gói tín dụng ưu đãi để đầu tư và thực hiện các dự án lớn hơn nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản ở các thôn.

needs existing in the villages.

NGO stakeholders: all institutions that could support the community in the development process that are not part of the government, such as academic institutions that can help the community develop capacities in different fields; and international institutions that can provide innovation or new technologies. The independence from the government for these stakeholders allows them to bring new ideas to the project design process and broaden the possibilities for the community. Furthermore, these institutions create a sense of accountability for the other stakeholders and can have an objective understanding of the situation.

Community Leaders: legally elected or informally recognised by the community, the community leaders mobilise the residents and coordinate activities. In the case of Hòa Bắc, the community leaders have understood their job as community coordinators and have convinced the community to apply for formal recognition as a tourism cooperative, which allows them to access financing and have more decision-making influence with the local government.

Tổ chức phi chính phủ: Các tổ chức đều có thể tham gia hỗ trợ phát triển cộng đồng, ví dụ như các tổ chức học thuật giúp phát triển năng lực cộng đồng; các tổ chức quốc tế cung cấp những phát minh và cải tiến về công nghệ. Tính tự chủ cho phép các tổ chức đưa ra những ý tưởng mới trong quá trình thiết kế dự án và mở ra cơ hội mới cho sự phát triển của cộng đồng. Hơn nữa, các tổ chức này giúp đặt ra yêu cầu về trách nhiệm giải trình cho các bên liên quan khác và có sự hiểu biết khách quan về tình hình chung.

Lãnh đạo cộng đồng: Lãnh đạo cộng đồng, được cộng đồng bầu chọn hợp pháp hoặc không chính thức, là người có trách nhiệm vận động người dân tham gia và điều phối các hoạt động. Ở Hòa Bắc, lãnh đạo cộng đồng hiểu được vai trò của họ là điều phối cộng đồng và thuyết phục cộng đồng thành lập Hợp tác xã du lịch, điều này cho phép họ tiếp cận nguồn tài chính và nâng tầm ảnh hưởng trong việc ra quyết định với chính quyền địa phương.

Bringing together important stakeholders in the region

Kết nối các bên liên quan



© Ngày, 2022

PROJECT 2

DỰ ÁN 2

COMMUNITY-BASED TOURISM ACTIVITIES

HOẠT ĐỘNG DU LỊCH DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

This project includes community-to-community communication, knowledge sharing and cooperation to create a sustainable network of complementary tourism activities in the region. Cultural and ecotourism activities could be the basis for the sustainable tourism development of the Da Nang and Quang Nam provinces, highlighting the differences in traditions, cuisine and agrobiodiversity. Guided tours and events, such as festivals, marathons, and farmer's markets could form a tourism network that attracted visitors interested in coexisting peacefully with nature and learning about other cultures.

Dự án này tập trung vào sự kết nối giữa các cộng đồng, chia sẻ kiến thức và hợp tác để hình thành một mạng lưới du lịch bền vững vùng. Các hoạt động du lịch văn hóa và du lịch sinh thái là cơ sở cho sự phát triển du lịch bền vững của Đà Nẵng và Quảng Nam, làm nổi bật sự khác biệt về truyền thống, ẩm thực và đa dạng sinh học nông nghiệp. Các tour tham quan và sự kiện như lễ hội, chạy marathon và chợ nông sản giúp hình thành mạng lưới du lịch, thu hút sự quan tâm của khách du lịch yêu thích thiên nhiên và tìm hiểu về văn hoá.

Cooking classes as an example of community tourism activities

Một ví dụ của du lịch cộng đồng là tổ chức các lớp học nấu ăn



PROJECT COMPONENTS

This project proposed three main activity fields in which the communities could cooperate for regional or local tourism, namely, educational tourism, ecotourism or cultural tourism.

- Educational tourism: The activities are aimed at raising awareness about the importance of environmental protection for the sustainable development of the region, impacts on climate change and bringing city dwellers closer to nature and the process of agricultural production, e.g. traditional agriculture and harvesting methods, agro-forestry, agrotourism, biodiversity expeditions, etc.
- Ecotourism: guided tours through the forest and sports activities that are respectful of the natural surrounding and allow tourists to experience the benefits of a protected natural environment. In this sense, marathons, biking, hiking and trekking tours are the main activities that could be developed in this field, along with picnic stations and water activities on the river that have the necessary safety measures for the protection of the water and users. The Cu Đê River area and the region offer exceptional opportunities for guided tours and short-term ecotourism experiences.
- Cultural tourism: The different ethnicities present in the valley offer a unique experience for many visitors. These ethnicities could be featured in different events that focus on cultural traditions such as dance festivals, agrotourism festivals, a farmers market where local handicrafts could be exhibited and sold, etc. Moreover, as proposed by the cultural tourism group, the use of traditional architecture and handicrafts in the interior design of homestays and accommodations could highlight the cultural background of the villages and create a special atmosphere for tourism in the region.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

Dự án này đề xuất ba lĩnh vực hoạt động chính mà cộng đồng có thể hợp tác để phát triển du lịch địa phương và du lịch vùng đó là du lịch giáo dục, du lịch sinh thái và du lịch văn hóa.

- Du lịch giáo dục: Hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển bền vững của cả vùng, tác động của biến đổi khí hậu, kết nối cư dân thành thị với thiên nhiên và quá trình sản xuất nông nghiệp, ví dụ như việc tham gia thu hoạch và hoạt động nông nghiệp truyền thống, nông lâm kết hợp, du lịch nông nghiệp, tìm hiểu đa dạng sinh học...
- Du lịch sinh thái: Tour tham quan rừng và các hoạt động thể thao không gây hại môi trường và cho phép khách du lịch trải nghiệm thiên nhiên. Chạy marathon, đạp xe, đi bộ đường dài, leo núi cũng như các điểm dã ngoại, hoạt động giải trí trên sông an toàn là những hoạt động tiềm năng. Khu vực sông Cu Đê và một số khu vực khác là địa điểm thuận lợi để tổ chức các tour tham quan và trải nghiệm sinh thái ngắn hạn.
- Du lịch văn hóa: Sự đa dạng sắc tộc trong khu vực mang đến trải nghiệm độc đáo cho khách du lịch. Các đặc điểm sắc tộc này có thể được giới thiệu trong sự kiện văn hoá như biểu diễn văn nghệ, lễ hội du lịch nông nghiệp, chợ nông sản nơi trưng bày các sản phẩm thủ công địa phương. Ngoài ra, theo đề xuất của nhóm du lịch văn hóa, việc sử dụng yếu tố kiến trúc truyền thống và sản phẩm thủ công trong thiết kế nội thất của các cơ sở lưu trú giúp làm nổi bật giá trị văn hóa của các thôn và tạo ra không gian trải nghiệm du lịch đặc sắc.

PROJECT 3

DỰ ÁN 3

BRANDING THE CU ĐÊ RIVER VALLEY

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CHO LƯU VỰC SÔNG CU ĐÊ

The project embraces marketing and promotion of the region to gain recognition by creating a communication and knowledge exchange online platform where the brand identity, activities and information could be accessible to all. The project focused on collecting all relevant information for potential tourists, e.g. activities, maps, accommodation options, restaurants, tours, transport, etc. on an accessible website that could serve as a communication platform for the residents.

Dự án bao gồm các hoạt động tiếp thị và quảng bá thông qua việc tạo ra một nền tảng trực tuyến cho phép mọi người tiếp cận thông tin và nhận diện thương hiệu. Dự án tập trung vào việc thu thập và cập nhật thông tin trên website phục vụ cho nhóm khách hàng tiềm năng, ví dụ như thông tin về các hoạt động, bản đồ, cơ sở lưu trú, nhà hàng, tour du lịch, phương tiện giao thông...

PROJECT COMPONENTS

In the marketing field, updating, maintaining, and adding new information should be constant. This project requires intense commitment and labour at the beginning of the process, which gradually decreases over time. The support for the CBT projects demands constant communication and maintenance of the network; representatives of communities, government, and NGOs should be in constant contact and be able to consult each other.

Ý TƯỞNG DỰ ÁN

Trong lĩnh vực tiếp thị, thông tin phải được cập nhật, duy trì và bổ sung thường xuyên. Dự án này đòi hỏi sự cam kết và đóng góp tích cực khi bắt đầu thực hiện, sau đó giảm dần theo thời gian. Sự hỗ trợ cho các dự án du lịch dựa vào cộng đồng đòi hỏi sự kết nối và duy trì mạng lưới một cách liên tục; đại diện cộng đồng, chính quyền và các tổ chức phi chính phủ nên thường xuyên liên lạc và trao đổi ý kiến với nhau.

Branding ideas for the Hòa Bắc region

Ý tưởng xây dựng thương hiệu khu vực Hòa Bắc



Capacity Development Needs for Regional Sustainable Tourism Network

Nhu cầu Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng

The main objective of these projects is to facilitate communication between all relevant stakeholders, therefore, the capacities required are focused on communication, collaboration and joint action for project implementation.

The specific practical capacities required for the implementation of these projects have been defined in former sections with the capacity development assessment for cultural, eco and agrotourism. The main capacities that could be identified in the regional sustainable tourism network are related to the maintenance connection between activities, where the support for CBT development relies on collaboration among stakeholders. Required capacities in this field include assessing the existing knowledge, know-how skills, and crafts combined with creating a tourism system.

Creating a communication platform seems like a simple task that requires IT knowledge. However, keeping the stakeholders in constant communication and motivating their participation is a complex endeavour that demands leadership and capacities for coordination as well as frameworks for formal and informal collaboration between stakeholders. This project requires a bottom-up approach where the communities can summon meetings and organise capacity building activities with the active participation of the government and NGO institutions.

Mục tiêu chính của dự án là tạo điều kiện giao tiếp giữa các bên liên quan, vì thế, năng lực cần thiết là giao tiếp, hợp tác và cùng hành động để thực hiện dự án.

Các năng lực cần thiết để thực hiện dự án này đã được xác định ở phần đánh giá phát triển năng lực cho du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp. Năng lực chính phục vụ phát triển mạng lưới du lịch bền vững vùng là khả năng duy trì các hoạt động, trong đó sự phát triển của du lịch cộng đồng phụ thuộc vào sự hợp tác giữa các bên liên quan. Năng lực cần thiết trong lĩnh vực này bao gồm đánh giá kiến thức hiện có, kỹ năng thực hành và nghề thủ công kết hợp với việc phát triển hệ thống du lịch.

Tạo nền tảng giao tiếp dường như là một nhiệm vụ đơn giản đòi hỏi kiến thức về CNTT. Tuy nhiên, việc duy trì liên lạc và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan đòi hỏi khả năng lãnh đạo và năng lực điều phối cũng như các nguyên tắc hoạt động chính thức và không chính thức giữa các bên liên quan. Dự án này yêu cầu cách tiếp cận từ dưới lên, trong đó cộng đồng có thể triệu tập các cuộc họp và tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực với sự tham gia của chính quyền và các tổ chức phi chính phủ.

REGIONAL SUSTAINABLE TOURISM NETWORK

EXISTING CAPITALS

- Existing communication among villages
- The interest of the community in the regional sustainable tourism network
- Self-organisation skills in different villages in the province and region
- Support from international institutions for research purposes.
- Hòa Bắc Community-Based Tourism Cooperative
- Existing festival for Co Tu communities
- Hòa Bắc Community-Based Tourism Cooperative
- Existing festival for Co Tu communities
- Hòa Bắc Community-Based Tourism Cooperative.

NEEDED CAPACITIES

- Skills for communication between communities and spaces for stakeholder discussions and peer-to-peer knowledge sharing
- Capacities in policy implementation for communities.
- Capacities in supporting CBT for the government
- Capacities for bureaucratic procedures.
- Capacities in self-organisation and innovation in tourism activities
- Online domain for the regional sustainable tourism network
- Capacities for website maintenance
- Leadership skills
- Capacities for regional tourism planning for the government.

MẠNG LƯỚI DU LỊCH BỀN VỮNG VÙNG

NGUỒN LỰC HIỆN CÓ

- Thông tin liên lạc giữa các thôn
- Sự quan tâm của cộng đồng đối với mạng lưới du lịch bền vững vùng
- Năng lực tự tổ chức của các thôn trong khu vực
- Sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế cho mục đích nghiên cứu
- Hợp tác xã du lịch cộng đồng Hòa Bắc
- Lễ hội của cộng đồng dân tộc Cơ Tu.

NĂNG LỰC CẦN THIẾT

- Kỹ năng giao tiếp giữa các cộng đồng và không gian cho các cuộc thảo luận cũng như đồng chia sẻ kiến thức của các bên liên quan
- Năng lực thực thi chính sách cộng đồng
- Năng lực của chính phủ trong việc hỗ trợ du lịch dựa vào cộng đồng
- Năng lực về các thủ tục hành chính
- Năng lực tự tổ chức và đổi mới trong hoạt động du lịch
- Tên miền cho mạng lưới du lịch bền vững vùng
- Năng lực bảo trì website
- Kỹ năng lãnh đạo
- Năng lực của chính phủ trong quy hoạch du lịch vùng.

Proposed Capacity Development Activities for Regional Sustainable Tourism Network

Đề xuất Các hoạt động Nâng cao Năng lực Phục vụ Phát triển Mạng lưới Du lịch Bền vững Vùng

- Multi-stakeholder meetings to discuss regional CBT issues and proposals.
- Public-private partnerships with the government, and the private sector for innovations in public infrastructure provision.
- Public-private partnerships for support in financing and credit for communities.
- IT skills training for website design and maintenance.
- Workshop for peer-to-peer knowledge sharing in CBT.
- Create regular regional meetings with the communities for coordination of activities.
- Regional workshops for educational tourism and ecotourism.
- Co Tu regional community meetings for knowledge exchange and festival planning.
- Field trips and workshops with relevant stakeholders to identify challenges and propose approaches.
- Meetings among communities and the government.
- Workshop for regional tourism planning with all relevant stakeholders.
- Cuộc họp giữa các bên liên quan để thảo luận các vấn đề và đề xuất phát triển du lịch dựa vào cộng đồng trong khu vực.
- Quan hệ đối tác công - tư với chính quyền và đối tác tư nhân trong việc nâng cấp cơ sở hạ tầng cộng đồng.
- Quan hệ đối tác công - tư trong việc hỗ trợ nguồn lực tài chính và tín dụng cho cộng đồng.
- Tập huấn kỹ năng CNTT cho thiết kế và bảo trì website.
- Workshop chia sẻ kiến thức về du lịch dựa vào cộng đồng.
- Cuộc họp định kỳ với cộng đồng để điều phối các hoạt động.
- Workshop về du lịch giáo dục và du lịch sinh thái.
- Cuộc họp giữa các cộng đồng Cơ Tu để trao đổi kiến thức và lập kế hoạch tổ chức lễ hội.
- Chuyển đi thực tế và tham gia workshop với các bên liên quan để xác định thách thức và đề xuất các phương pháp tiếp cận.
- Cuộc họp giữa cộng đồng và chính quyền.
- Workshop quy hoạch du lịch vùng với sự tham gia của các bên liên quan.

Tà Lang - Giàn Bí

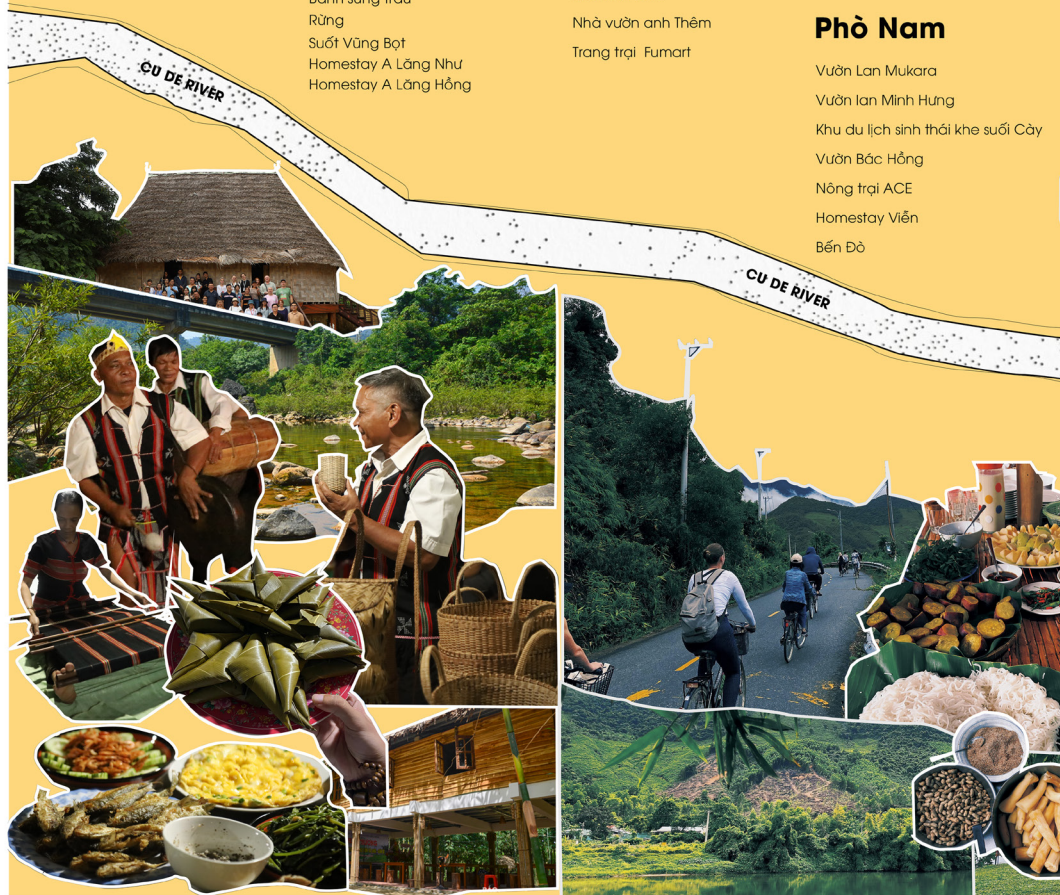
Điệu nhảy tung tung zơ zơ
Làng nghề đan lát - dệt sợi
Sử thi - Câu chuyện
Bánh sừng trâu
Rừng
Suối Vừng Bọt
Homestay A Lãng Như
Homestay A Lãng Hồng

Nam Mỹ

Suối Khe Đào
Nhà vườn anh Thêm
Trang trại Fumart

Phò Nam

Vườn Lan Mukara
Vườn lan Minh Hưng
Khu du lịch sinh thái khe suối Cây
Vườn Bắc Hồng
Nông trại ACE
Homestay Viễn
Bến Đò



CONCEPT MAP



Group 5 poster for proposed capacity development activities for the regional sustainable tourism network
Poster của Nhóm 5 đề xuất các hoạt động nâng cao năng lực phục vụ phát triển Mạng lưới Du lịch bền vững Vùng



Conclusions

Kết luận



Conclusions

Sustainable tourism development in rural areas is a collective endeavour that requires coordination among community members as well as established principles for the development of tourism activities and offers to visitors. The activities defined for the Summer School 2022 motivated the community to collaborate and work together while justifying the efforts of the community to initiate the formalisation of the Hòa Bắc community-based tourism cooperative that will serve in the future as a local organisation for the initiation and coordination of tourism activities.

The Summer School provided a broad understanding of the local dynamic in terms of commitment, involvement and existing capitals and capacities among the residents for the development of community-based tourism projects. The natural and human resources already available in the area constitute a strong basis for the implementation of ecotourism projects that include cultural and biodiversity preservation objectives. Additionally, the cultural diversity present in the valley represents an opportunity for visitors and communities to learn about the history and differences between the ethnic backgrounds of the residents.

Kết luận

Phát triển du lịch bền vững ở nông thôn là một nỗ lực tập thể đòi hỏi sự phối hợp giữa các thành viên trong cộng đồng cũng như các nguyên tắc đã được thống nhất để phát triển hoạt động du lịch và phục vụ du khách. Các hoạt động trong Khóa học Mùa hè 2022 giúp thúc đẩy sự hợp tác trong cộng đồng đồng thời chứng minh những nỗ lực của cộng đồng trong việc thành lập Hợp tác xã Du lịch Hòa Bắc. Hợp tác xã này sẽ đóng vai trò như một tổ chức địa phương để khởi xướng và điều phối các hoạt động du lịch trong tương lai.

Khóa học Mùa hè khái quát tính năng động của địa phương về mức độ cam kết, sự tham gia, nguồn lực hiện có cũng như năng lực của người dân trong việc thực hiện các dự án du lịch dựa vào cộng đồng. Nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên sẵn có trong khu vực là nền tảng vững chắc cho sự phát triển các dự án du lịch sinh thái hướng đến mục tiêu bảo tồn văn hóa và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, sự đa dạng văn hóa là động lực để khách du lịch và cộng đồng tìm hiểu về lịch sử và sự khác biệt về nguồn gốc dân tộc của các cư dân trong khu vực.

The fields of sustainable agriculture, forestry and rural infrastructure improvement are closely dependent on each other, as well as reliant on the condition of the natural environment and the water quality in the Cu Đê River. However, small-scale improvements in the provision of rural infrastructure, combined with commitment from the government to meet the basic needs of the population could result in community-based initiatives in organic agriculture and sustainable forestry that would complement incomes and facilitate a transition from unsustainable logging practices to agro-forestry and agrotourism.

The development of tourism in the Cu Đê Valley is not an isolated approach to rural tourism in central Vietnam; several communities in the Da Nang, Quang Nam and Quang Ngai provinces are or have developed diverse approaches to rural or small-scale tourism. Connecting these communities becomes an instrument for peer-to-peer knowledge transfer, collaboration and support among communities. Learning about other projects allows each village to adjust the tourism activities to their strengths and avoid redundancies in the offer of tourism options, thus reducing the possibilities for competition among communities.

Nông lâm nghiệp bền vững, nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bên cạnh đó chúng còn phụ thuộc vào môi trường tự nhiên cũng như chất lượng nguồn nước ở sông Cu Đê. Tuy nhiên, việc cải thiện cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn, kết hợp với cam kết của chính quyền nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân giúp thúc đẩy những sáng kiến cộng đồng trong nông nghiệp hữu cơ và lâm nghiệp bền vững, giúp tăng thu nhập và tạo điều kiện chuyển đổi từ hoạt động khai thác gỗ không bền vững sang nông lâm kết hợp và du lịch nông nghiệp.

Sự phát triển du lịch ở lưu vực sông Cu Đê không phải là một cách tiếp cận biệt lập đối với du lịch nông thôn ở khu vực miền Trung; một số cộng đồng ở Đà Nẵng, Quảng Nam và Quảng Ngãi đã và đang phát triển các cách tiếp cận đa dạng đối với du lịch nông thôn hoặc du lịch quy mô nhỏ. Việc kết nối các cộng đồng này trở thành một công cụ giúp chuyển giao tri thức, tăng cường sự hợp tác giữa các cộng đồng. Việc học hỏi các sáng kiến du lịch cộng đồng thành công giúp các thôn điều chỉnh hoạt động du lịch theo thế mạnh của mình, hạn chế việc cung cấp các dịch vụ giống nhau, từ đó giảm tính cạnh tranh giữa các cộng đồng.



References

**Tài liệu
tham khảo**

- Atkinson, R., & Willis, P. (2006). Community Capacity Building – A Practical Guide. *Housing and Community Research Unit*, 6, 1–15.
- Nguyễn, D. (2020). Introduction to the Cu De River Valley. In S. Restrepo Rico, M. Peterek, Y. Hebbo, & M. Dopf (Eds.), *Summer School Cu De River Valley: Hoa Bac Commune—Da Nang, Vietnam* (pp. 48–51). Frankfurt University of Applied Sciences.
- Han, G., Wu, P., Huang, Y., & Yang, Z. (2014). Tourism development and the disempowerment of host residents: types and formative mechanisms. *Tourism Geographies*, 16(5), 717–740. <https://doi.org/10.1080/14616688.2014.957718>
- Hansen, M. C., Potapov, P. V., Moore, R., Hancher, M., Turubanova, S. A., Tyukavina, A., Thau, D., Stehman, S. V., Goetz, S. J., Loveland, T. R., Kommareddy, A., Egorov, A., Chini, L., Justice, C. O., & Townshend, J. R. G. (2013). High-Resolution Global Maps of 21st-Century Forest Cover Change. *Science*, 342(6160), 850–853. <https://doi.org/10.1126/science.1244693>
- Harris, R. W. (2009). Tourism in Bario, Sarawak, Malaysia: A case study of pro-poor community-based tourism integrated into community development. *Asia Pacific Journal of Tourism Research*, 14(2), 125–135. <https://doi.org/10.1080/10941660902847179>
- IPCC (Intergovernmental Panel On Climate Change). (2019). Summary for Policymakers. In P. Shukla, J. Skea, E. Calvo Buendia, V. Masson-Delmotte, H. Pörtner, D. Roberts, P. Zhai, R. Slade, S. Connors, R. van Diemen, M. Ferrat, E. Haughey, S. Luz, S. Neogi, M. Pathak, J. Petzold, J. Portugal Pereira, P. Vyas, E. Huntley, ... J. Malley (Eds.), *Climate Change and Land: IPCC Special Report on Climate Change, Desertification, Land Degradation, Sustainable Land Management, Food Security, and Greenhouse Gas Fluxes in Terrestrial Ecosystems* (1st ed., pp. 3–34). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/9781009157988>
- Matiku, S., Zuwarimwe, J., & Tshipala, N. (2020). Community-driven tourism projects' economic contribution to community livelihoods—A case of makuleke contractual park community tourism project. *Sustainability (Switzerland)*, 12(19). <https://doi.org/10.3390/su12198230>
- Restrepo Rico, S. (2017). *Participatory Integral Upgrading in Latin America: The Importance of Participatory Practices for Urban Upgrading Programmes* [Doctoral Dissertation]. Technische Universität Darmstadt.
- Shawkat, N. M., Kochary, S. A., & Barwari, N. (2022). Decentralized sanitation solutions for temporal Internally Displaced people (IDPs) and refugees camps and residential complexes in Duhok province – Case study. *Ain Shams Engineering Journal*, 13(4), 101706. <https://doi.org/10.1016/j.asej.2022.101706>
- Spenceley, A. (2008). Local impacts of community-based tourism in Southern Africa. In *Responsible Tourism: Critical Issues for Conservation and Development* (pp. 285–303). Earthscan.
- Tilley, E., Ulrich, L., Lüthi, C., Reymond, P., & Zurbrügg, C. (2014). *Compendium Sanitation Systems and Technologies* (2nd Revised Edition). Swiss Federal Institute of Aquatic Science and Technology (Eawag).
- Zielinski, S., Kim, S. il, Botero, C., & Yanes, A. (2020). Factors that facilitate and inhibit community-based tourism initiatives in developing countries. *Current Issues in Tourism*, 23(6), 723–739. <https://doi.org/10.1080/13683500.2018.1543254>





Federal Ministry
of Education
and Research

